

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN



Trí tuệ và Phát triển

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục)

Hà Nội, năm 2017

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
	Mục lục	i-vi
	Danh mục chữ viết tắt	i-ii
	Danh mục các bảng, biểu	i
I.	PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
II.	PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG	6
III.	PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG	12
1.	I. Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học	12
1.1.	<i>Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước</i>	12
1.2.	<i>Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.</i>	16
2.	II. Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý	19
2.1.	<i>Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.</i>	19
2.2.	<i>Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.</i>	22
2.3.	<i>Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.</i>	25
2.4.	<i>Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hàng năm được</i>	28

	<i>đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.</i>	
2.5.	Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.	31
2.6.	Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.	33
2.7.	Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.	35
3.	III. Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo	37
3.1.	Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.	37
3.2.	Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.	40
3.3.	Tiêu chí 3.3. Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.	42
3.4.	Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát	44

	<i>triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.</i>	
3.5.	Tiêu chí 3.5. <i>Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.</i>	45
3.6.	Tiêu chí 3.6. <i>Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.</i>	47
4.	IV. Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	50
4.1.	Tiêu chí 4.1. <i>Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.</i>	50
4.2.	Tiêu chí 4.2. <i>Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.</i>	52
4.3.	Tiêu chí 4.3. <i>Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.</i>	53
4.4.	Tiêu chí 4.4. <i>Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.</i>	55
4.5.	Tiêu chí 4.5. <i>Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.</i>	57
4.6.	Tiêu chí 4.6. <i>Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.</i>	59

4.7.	Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.	61
5.	V. Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	64
5.1.	Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.	64
5.2.	Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.	68
5.3.	Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.	70
5.4.	Tiêu chí 5.4. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.	72
5.5.	Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.	73
5.6.	Tiêu chí 5.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.	75
5.7.	Tiêu chí 5.7. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.	76
5.8.	Tiêu chí 5.8. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.	78
6	VI. Tiêu chuẩn 6: Người học	80

6.1.	Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	80
6.2.	Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.	83
6.3.	Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.	86
6.4.	Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.	89
6.5.	Tiêu chí 6.5. Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.	92
6.6.	Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.	94
6.7.	Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.	97
6.8.	Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành nghề đào tạo.	99
6.9.	Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.	101
7.	VII. Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	104
7.1.	Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.	104

7.2.	Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.	106
7.3.	Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.	108
7.4.	Tiêu chí 7.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.	109
7.5.	Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.	111
7.6.	Tiêu chí 7.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.	112
7.7.	Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.	114
8.	VIII. Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế	117
8.1.	Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.	117
8.2.	Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.	119
8.3.	Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa	121

	<i>học chung, công bố các công trình khoa học chung.</i>	
9.	IX. Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	124
9.1.	Tiêu chí 9.1. <i>Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.</i>	124
9.2.	Tiêu chí 9.2. <i>Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.</i>	126
9.3.	Tiêu chí 9.3. <i>Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.</i>	128
9.4.	Tiêu chí 9.4. <i>Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.</i>	129
9.5.	Tiêu chí 9.5. <i>Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.</i>	130
9.6.	Tiêu chí 9.6. <i>Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.</i>	132
9.7.	Tiêu chí 9.7. <i>Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.</i>	133
9.8.	Tiêu chí 9.8. <i>Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.</i>	134
9.9.	Tiêu chí 9.9. <i>Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.</i>	135
10.	X. Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính	138

10.1.	<i>Tiêu chí 10.1.</i> Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.	138
10.2.	<i>Tiêu chí 10.2.</i> Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo quy định.	142
10.3.	<i>Tiêu chí 10.3.</i> Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.	144
IV	PHẦN IV: KẾT LUẬN	148
V	PHẦN V: PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Chú thích
1	APD	Academy of Policy and Development
2	Bộ GDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Bộ KHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	CSPT	Chính sách và Phát triển
5	CTĐT	Chương trình đào tạo
6	CBQL	Cán bộ quản lý
7	CLC	Chất lượng cao
8	CSDL	Cơ sở dữ liệu
9	CNTT	Công nghệ thông tin
10	CLB	Câu lạc bộ
11	CNV	Công nhân viên
12	CBGV	Cán bộ giảng viên
13	CT&CTSV	Chính trị và công tác sinh viên
14	DCCS	Dân chủ cơ sở
15	Đoàn TN	Đoàn Thanh niên
16	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
17	ĐH	Đại học
18	ĐT/ĐA	Đề tài/Đề án
19	ĐTXD	Đầu tư xây dựng
20	GV	Giảng viên
21	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
22	GS	Giáo sư
23	HCP, HVCSPT	Học viện Chính sách và Phát triển
24	HV	Học viện
25	HTQT	Hợp tác quốc tế
26	HĐTĐ	Hội đồng thẩm định
27	HĐ KH&ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo
28	HT	Hội thảo
29	HĐHV	Hội đồng Học viện
30	KHCN	Khoa học công nghệ

31	KĐCL	Kiểm định chất lượng
32	KH-HT	Khoa học - Hợp tác
33	KH-TC	Kế hoạch tài chính
34	KQHT	Kết quả học tập
35	KH&ĐT	Khoa học và đào tạo
36	KH	Khoa học
37	KTX	Ký túc xá
38	KTV, NV	Kỹ thuật viên, nhân viên
39	NV	Nhân viên
40	NCKH	Nghiên cứu khoa học
41	NN	Nhà nước
42	NSNN	Ngân sách nhà nước
43	PGS	Phó giáo sư
44	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
45	QĐ	Quyết định
46	QLĐT	Quản lý đào tạo
47	QLDA	Quản lý dự án
48	QT	Quốc tế
49	QT 2	Quản trị 2
50	SV	Sinh viên
51	TT-KT	Thanh tra khảo thí
52	TC-HC	Tổ chức – Hành chính
53	TNMT	Tài nguyên môi trường
54	VC	Viên chức
55	XNK	Xuất nhập khẩu

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

STT	Nội dung	Trang
1.	Bảng: Cơ cấu các nguồn thu giai đoạn 2012 – 2016	141
2.	Bảng: Cơ cấu chi giai đoạn 2012 – 2016	145

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

Nền giáo dục có một vai trò rất quan trọng đối với vận mệnh của đất nước. Đảng và Nhà nước ta luôn xem giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đặc biệt, trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, nguồn lực con người càng trở nên có ý nghĩa quan trọng, quyết định sự phát triển đất nước. Giáo dục và đào tạo ngày càng có vai trò, nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội.

Được thành lập từ năm 2008 theo Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Học viện Chính sách và Phát triển (HCP), tên quốc tế là Academy of Policy and Development (APD), là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp của Bộ kế hoạch và Đầu tư, đồng thời chịu sự quản lý nhà nước về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Với nỗ lực phấn đấu để trở thành một cơ sở đào tạo đại học theo định hướng nghiên cứu, một trung tâm nghiên cứu về lĩnh vực chính sách, chiến lược, kinh tế và quản trị; một số ngành đào tạo trọng điểm đạt chuẩn khu vực đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội của cả nước, Học viện Chính sách và Phát triển luôn coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng toàn diện trên tất cả các mặt hoạt động.

1. Mục đích và lợi ích thu được từ tự đánh giá:

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Học viện. Nhu cầu xã hội ngày càng đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, vì vậy việc nâng cao chất lượng đào tạo, công khai, cam kết với xã hội về chất lượng đào tạo trong các trường đại học là yêu cầu tất yếu và cấp bách.

Tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo giúp Học viện tự rà soát, xem xét,

đánh giá thực trạng của mình, xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo. Đánh giá chất lượng đào tạo còn là một hoạt động nhằm giúp Học viện thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Quá trình tự đánh giá đã làm cho mọi thành viên trong Học viện hiểu rõ nội dung từng tiêu chuẩn, yêu cầu của từng tiêu chí, qui định về trình tự đánh giá, từ đó mọi người có trách nhiệm khắc phục các tồn tại, thiếu sót và hoàn thiện dần các mặt, các hoạt động, tạo điều kiện cho Học viện thực hiện đúng sứ mạng và mục tiêu đã công bố.

Học viện Chính sách và Phát triển đã tiến hành tự đánh giá, triển khai hoạt động bao gồm: thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và nhóm công tác chuyên trách, lập kế hoạch tự đánh giá, thu thập phân tích thông tin minh chứng, viết báo cáo tự đánh giá.

Báo cáo tự đánh giá là điều kiện để các tổ chức, cơ quan đánh giá ngoài tiến hành kiểm định chất lượng giáo dục. Kiểm định chất lượng giáo dục để tự khẳng định và để được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục đại học theo tiêu chuẩn Việt Nam.

2. Phạm vi, công cụ và phương pháp tự đánh giá:

Học viện xây dựng Báo cáo tự đánh giá nhằm đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục trên mọi mặt hoạt động của Học viện trong giai đoạn 2012 – 2017.

Công cụ tự đánh giá:

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 và Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014 của BGDĐT.

Công văn số 462/KTKĐCLGD ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, về việc ban hành hướng dẫn tự đánh giá trường ĐH, CĐ, TCCN.

Công văn số 527/KTKĐCLGD ngày 23 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, về việc ban hành hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học.

Công văn số 1237/KTKĐCLGD ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng trường đại học.

Phương pháp tự đánh giá:

Học viện căn cứ vào 10 tiêu chuẩn và 61 tiêu chí của “Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các trường đại học” để tự đánh giá. Với mỗi tiêu chí, đều được thực hiện theo trình tự sau: (1) Mô tả để làm rõ thực trạng của trường, (2) Phân tích để nhận định điểm mạnh và tồn tại, hạn chế, (3) Đề xuất kế hoạch hành động để khắc phục, (4) Tự đánh giá đạt hay không đạt theo yêu cầu của từng tiêu chí.

3. Các bước thực hiện tự đánh giá:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký (trực thuộc Hội đồng tự đánh giá) và 5 nhóm chuyên trách.

Bước 2: Phổ biến chủ trương của trường đến các đơn vị trực thuộc trường. Tổ chức cho toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức tìm hiểu về kiểm định chất lượng giáo dục đại học, lập và triển khai kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Các nhóm chuyên trách thu thập thông tin và minh chứng; xử lý các thông tin và minh chứng; mô tả thông tin và minh chứng thu thập được; phân tích, lý giải các kết quả đạt được; viết báo cáo từng tiêu chí.

Bước 4: Ban Thư ký tổng hợp báo cáo tiêu chí do các nhóm viết và tổng hợp phần cơ sở dữ liệu về trường do các đơn vị phòng ban cung cấp thông

tin, thành bản dự thảo báo cáo tự đánh giá (tổng hợp lần 1), kiểm tra thông tin, minh chứng.

Bước 5: Lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo báo cáo tự đánh giá trong toàn Học viện.

Bước 6: Trưởng nhóm chuyên trách, ban thư ký xử lý các ý kiến đóng góp, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Trình ra Hội đồng tự đánh giá, thông qua báo cáo tự đánh giá.

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ Học viện. Tập hợp hồ sơ minh chứng, nộp báo cáo tự đánh giá cho BGDDT.

4. Hội đồng tự đánh giá:

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá:

Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 598/QĐ/HVCSPT ngày 08 tháng 9 năm 2017.

4.2. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá:

a. Chức năng: Triển khai tự đánh giá và tư vấn cho Giám đốc Học viện về các biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của Học viện.

b. Nhiệm vụ:

Phổ biến chủ trương tự triển khai tự đánh giá; giới thiệu qui trình tự đánh giá; trao đổi kinh nghiệm tự đánh giá và yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan phối hợp thực hiện.

Thu thập thông tin, minh chứng, rà soát các hoạt động và đối chiếu kết quả đạt được với mục tiêu đề ra; đánh giá mức độ đạt được, xác định các điểm mạnh và tồn tại của Học viện; đề xuất kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục.

Đối chiếu kết quả đạt được với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do BGDDT ban hành, viết báo cáo tự đánh giá.

Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ Học viện.

Kiến nghị tổ chức, duy trì cơ sở dữ liệu về các hoạt động của Học viện, triển khai các hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Phương pháp mã hóa minh chứng:

Các minh chứng được sắp xếp theo từng tiêu chí và được mã hóa theo quy tắc như sau: Hnx.a.b.c.

H: Viết tắt của hộp minh chứng.

n: Số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 10).

a.b: Số thứ tự của tiêu chí (có giá trị từ 1 đến hết số tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn).

c: Số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (có giá trị từ 1 đến hết).

Ví dụ: [H1.1.1.1] là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1.1 thuộc tiêu chuẩn 1 được đặt ở hộp.

6. Kế hoạch huy động các nguồn lực:

Nhân lực: Bao gồm thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và nhóm công tác.

Cơ sở vật chất: Tận dụng cơ sở vật chất sẵn có của Học viện.

Tài chính: Mức chi trả cho các hoạt động trong quá trình tự đánh giá được tính dựa trên khối lượng công việc mà từng thành viên đã làm (thu thập minh chứng, viết báo cáo, họp Hội đồng,...).

PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG

1. Lịch sử phát triển và sứ mạng của Học viện:

Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập ngày 4/01/2008 theo Quyết định số 10/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư với trụ sở chính đặt tại 65 Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội và cơ sở vật chất theo Đề án thành lập sẽ được xây dựng tại xã Khắc Niệm và Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Học viện tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2010 và thuê địa điểm đào tạo tại Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải Thăng Long, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Tháng 7/2013, Học viện chuyển địa điểm làm việc và đào tạo về địa chỉ: Tòa nhà D25 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngõ 7, Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: (024) 37473186; Fax: (024) 37475217.

Học viện cũng đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho chuyển địa điểm xây dựng về Hà Nội và đang làm thủ tục xây dựng Học viện tại Khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ về chính sách công, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Học viện trở thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu có uy tín trong nước và trong khu vực.

Giá trị cốt lõi: Chất lượng – Minh bạch – Trí tuệ và Phát triển.

Trải qua 10 năm xây dựng và phát triển, sứ mạng của Học viện luôn được quán triệt tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Học viện. Đồng thời, sứ mạng cũng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Học

viện, phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội và của cả nước.

2. Cơ cấu tổ chức và cán bộ giảng viên của Học viện:

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Học viện được thực hiện theo qui định của pháp luật; công tác quản lý phù hợp với quy định của Nhà nước, cụ thể hóa bằng quy chế được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt năm 2008.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Học viện gồm: Đảng bộ Học viện; Ban Giám đốc; Hội đồng Khoa học và Đào tạo; 07 đơn vị chức năng giúp Giám đốc Học viện thực hiện hoạt động quản lý gồm: Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Quản lý đào tạo; Phòng Kế hoạch – Tài chính; Phòng Khoa học và Hợp tác; Phòng Chính trị và Công tác sinh viên; Trung tâm Thanh tra – Khảo thí; Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn phát triển, 08 đơn vị đào tạo gồm: Khoa Đào tạo quốc tế; Khoa Kinh tế đối ngoại; Khoa Tài chính – Tiền tệ; Khoa Kế hoạch phát triển; Khoa Đầu tư; Khoa Chính sách công; Khoa Quản trị doanh nghiệp; Khoa Đầu thầu, 05 đơn vị hỗ trợ đào tạo gồm: Khoa Ngoại ngữ; Khoa Triết học và Chính trị học; Khoa Toán; Bộ môn Luật kinh tế; Bộ môn Giáo dục thể chất và Quốc phòng và các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên).

Tổng số cán bộ giảng viên của Học viện tính tại thời điểm 31/10/2017 là 126 người, trong đó có 91 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 72% tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu toàn Học viện. Cơ cấu gồm 04 người là Phó Giáo sư, 22 người là Tiến sĩ (không kể PGS), 65 người là Thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên (không kể PGS) trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 24%. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 71%.

Học viện chưa thành lập Hội đồng Học viện.

3. Hoạt động đào tạo:

Chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng đúng theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT, đáp ứng linh hoạt nhu cầu đào tạo và nhu cầu sử

dụng nguồn nhân lực, đảm bảo tính liên thông và hội nhập. Việc xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Học viện được thực hiện theo các bước khá chặt chẽ, có tham khảo CTĐT tương ứng của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan. Học viện đã có những cải tiến về xây dựng chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, tính hệ thống của kiến thức và triển khai điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

Từ năm 2012 đến tháng 10 năm 2017, Học viện Chính sách và Phát triển có 5 ngành đào tạo bậc đại học (Kinh tế, Chính sách công, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Quản trị doanh nghiệp) với 10 chuyên ngành/chương trình đào tạo. Trong đó, có 02 chương trình chất lượng cao (Kinh tế đối ngoại, Tài chính ngân hàng) và 08 chương trình đại trà (Quản lý công, Tài chính, Ngân hàng, Đầu tư, Đấu thầu, Kế hoạch phát triển, Kinh tế đối ngoại, Quản trị doanh nghiệp). Học viện đào tạo sau đại học trình độ Thạc sĩ có 03 chuyên ngành đào tạo (Chính sách công, Tài chính – ngân hàng, Kinh tế quốc tế).

Học viện bắt đầu tiến hành tổ chức đào tạo 100% các chương trình đào tạo hệ đại học chính quy cho sinh viên khoá 3 (niên khoá 2012-2016) theo hệ thống tín chỉ.

4. Người học:

Hàng năm, Học viện tuyển chọn người học theo qui trình, qui định của Bộ GDĐT. Học viện đảm bảo hướng dẫn đầy đủ cho người học về CTĐT, cách thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và các quy định, qui chế học vụ. Người học được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc, tạo điều kiện để tu dưỡng, rèn luyện; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Học viện. Người học được hỗ trợ tìm kiếm việc làm, được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi học xong môn học và đánh giá chất lượng khóa học trước khi tốt nghiệp, được tham quan thực tế, thực hành nghề nghiệp tại các doanh nghiệp, được đào tạo bồi dưỡng các kỹ năng mềm. Tổ chức Đảng, đoàn thể đã triển khai nhiều chương trình

hoạt động đa dạng, nội dung thu hút nhằm rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp cho người học.

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang học tập tại trường là 2222 em. Học viện đã có 4 khoá sinh viên tốt nghiệp. Trong đó: năm 2014 là 286 em, năm 2015 là 323 em, năm 2016 là 281 em và năm 2017 là 395 em. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp luôn đạt trên 90% so với số tuyển vào. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đạt trên 80%, trong đó khoảng 30% có việc làm đúng ngành đào tạo.

Học viện tuyển sinh cao học từ năm 2015 và trong 3 năm qua đã tuyển được 273 học viên cao học.

5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

Hoạt động NCKH tại Học viện Chính sách và Phát triển bao gồm các hoạt động về nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách tập trung các lĩnh vực: Chính sách phát triển, kinh tế vĩ mô, kinh tế quốc tế, tài chính ngân hàng; Triển khai, xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Học viện. Học viện chú trọng đầu tư vào các đề tài NCKH gắn liền với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu về đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ và các vấn đề nghiên cứu công nghệ phục vụ trực tiếp cho việc dạy học của giảng viên và SV. Đồng thời, khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tập trung đầu tư đề tài NCKH các cấp; có bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế phù hợp với định hướng nghiên cứu để có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Học viện đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong việc NCKH và tiếp cận khai thác chương trình Quốc tế theo phương thức hiện đại, thông qua các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế với các nước có nền giáo dục hiện đại hơn, tiệm cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện

cho giảng viên được bồi dưỡng năng lực giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Học viện; góp phần thực hiện kiểm định CTĐT, kiểm định cơ sở giáo dục. Học viện đã từng bước khẳng định vị thế của mình trong quan hệ HTQT với các trường đại học và các tổ chức trên thế giới.

Trong 5 năm qua, Học viện đã thực hiện và được nghiệm thu 2 đề tài cấp Nhà nước, 16 đề tài cấp Bộ, 12,5 đề tài cấp Học viện (đã quy đổi). Đã có 1745 sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

6. Thư viện và cơ sở vật chất:

Hiện nay, Học viện đang tổ chức đào tạo sinh viên và học viên cao học tại trụ sở tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, địa chỉ: Ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. Học viện đang triển khai dự án đầu tư xây dựng Học viện tại Lô CT11 khu đô thị Nam An Khánh phần mở rộng – Khu B, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội với quy mô đất thuộc dự án là 50.700m².

Học viện có đủ số phòng học, phòng thực hành phục vụ cho dạy, học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH. Các thiết bị có hiệu suất sử dụng cao do được bảo trì, bảo dưỡng kịp thời theo định kỳ. Thư viện của Học viện có phòng đọc riêng, có máy tính để cán bộ quản lý thư viện làm việc và phục vụ nhu cầu của sinh viên; số lượng giáo trình, tài liệu, sách, báo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập và giải trí của người đọc. Học viện có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho CBQL, giảng viên, NV và người học. Học viện chưa có ký túc xá riêng.

7. Tài chính:

Học viện chính sách và Phát triển là một đơn vị sự nghiệp công lập đồng thời là đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc trực tiếp Bộ Kế hoạch Đầu tư và chịu sự quản lý chuyên môn của Bộ Giáo dục Đào tạo.

Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo luật ngân sách bao gồm các khâu lập, chấp hành và quyết toán ngân sách. Công tác quản trị tài chính nội bộ được thực hiện tốt và đảm bảo phát huy hiệu quả cho các hoạt động của Học viện. Các chế độ chính sách của sinh viên được đảm bảo và đóng góp vào nguồn thu ngân sách nhà nước thông qua nộp các nghĩa vụ thuế. Đời sống cán bộ giảng viên ngày càng được cải thiện. Các kết luận của kiểm toán 2014 và biên bản xét duyệt ngân sách hàng năm đều khẳng định hoạt động quản lý tài chính của Học viện đều công khai và minh bạch.

Tổng các nguồn thu sự nghiệp trong 5 năm chiếm tỷ trọng khoảng 35,7%; tỷ trọng nguồn thu từ NSNN khoảng 57,7%. Năng lực tự chủ tài chính của Học viện đáp ứng được khoảng 45-50%.

8. Khen thưởng:

Học viện Chính sách và Phát triển nhiều năm liên đạt danh hiệu “tập thể lao động xuất sắc”, được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Bằng khen. Năm 2013 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

Công đoàn Học viện được 02 Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, 15 bằng khen của Công đoàn Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tập thể và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn cơ sở trong những năm qua.

Từ 2012 đến nay, Đoàn Thanh niên Học viện đã nhận được 03 Bằng khen của Trung ương Đoàn và 05 Bằng khen của Đoàn Thanh niên Khối các cơ quan trung ương, rất nhiều giấy khen của Đoàn Thanh niên Bộ KHĐT.

9. Những phát hiện chính trong quá trình triển khai tự đánh giá:

Đảm bảo chất lượng giáo dục là mục tiêu phấn đấu lâu dài của Học viện Chính sách và Phát triển nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Học viện đã tiến hành tự đánh giá giai đoạn 2012-2017 để nhận định những ưu, nhược điểm của Học viện, xây dựng kế hoạch hành động nhằm duy trì các chuẩn mực và nâng cao chất lượng giáo dục.

PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

I. Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Mở đầu:

Học viện Chính sách và Phát triển đã xác định sứ mạng là tạo ra môi trường học tập, nghiên cứu, phát triển tư duy năng động, sáng tạo nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao có đủ năng lực làm việc trong môi trường trong nước và quốc tế. Trải qua 10 năm xây dựng và phát triển, sứ mạng của Học viện luôn được quán triệt tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Học viện, làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Học viện. Đồng thời, sứ mạng cũng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Học viện, phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội và của cả nước. Nguồn lực để thực hiện sứ mạng và mục tiêu đã đề ra được Học viện chú trọng và luôn đáp ứng đầy đủ.

***Tiêu chí 1.1.** Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.*

1. Mô tả:

Sứ mạng của Học viện Chính sách và Phát triển đã được tuyên bố tại Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn 2020 và đã được Giám đốc Học viện phê duyệt tại Quyết định số 361/QĐ-HVCSPT ngày 06/6/2011, đó là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học về kinh tế và chính sách phát triển, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách theo yêu cầu phát triển của ngành Kế hoạch và Đầu tư và của đất nước” [H1.1.1.1].

Sau 5 năm triển khai hoạt động và đánh giá Kế hoạch chiến lược phát triển đã đề ra; để phù hợp với tình hình phát triển thực tiễn, năm 2016 Học viện đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2030 và đã được Giám đốc Học viện phê duyệt tại Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/2016. Sứ mạng của Học viện được điều chỉnh như sau: *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ về chính sách công, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách”* [H1.1.1.2].

Sứ mạng đã được phê duyệt tại Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016 [H1.1.1.3] và được đăng tải trên trang Web của Học viện [H1.1.1.4] và được gửi tới tất cả các đơn vị thuộc Học viện, niêm yết trong khuôn viên Học viện.

Sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Học viện đã được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 584/QĐ-BKHĐT ngày 12/5/2008, đó là: *“Đào tạo nhân lực trình độ đại học và sau đại học; Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho công chức, viên chức thuộc hệ thống các cơ quan nghiên cứu hoạch định chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của các Bộ, ngành, các tổ chức và doanh nghiệp”* [H1.1.1.5].

Giai đoạn 2012 – 2017, với đội ngũ giảng viên cơ hữu gồm 4 PGS, 22 tiến sĩ và 65 Thạc sĩ cùng 116 giảng viên thỉnh giảng (1 GS, 32 PGS, 44 Tiến sĩ, 39 Thạc sĩ), Học viện đảm bảo đủ nguồn lực để hoàn thành sứ mạng của mình [H1.1.1.6].

Sứ mạng phù hợp với định hướng phát triển Học viện đã được nêu trong Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Học viện Chính sách và Phát triển lần thứ III, nhiệm kỳ 2015 – 2020: *“Học viện xác định mục tiêu chiến lược trở thành trường đại học nghiên cứu chất lượng cao, trình độ cao ngang tầm các đại học tiên tiến trong nước và khu vực; xây dựng và phát triển đội ngũ*

nhân lực chất lượng cao xứng tầm với kỳ vọng của Lãnh đạo Bộ, của Đảng, Nhà nước và xã hội” [H1.1.1.7].

Sứ mạng của Học viện phù hợp và gắn kết với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 (QĐ 222-TTg): *“Đến năm 2030, Hà Nội là Thủ đô - đầu não chính trị - hành chính quốc gia; giàu, đẹp, xanh, văn minh, văn hiến, thanh lịch, hiện đại, dân tộc, tiêu biểu cho cả nước; trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục - đào tạo, y tế, du lịch, thể thao và giao dịch quốc tế của cả nước; đi đầu trong nhiều lĩnh vực - là đầu tàu lôi kéo sự phát triển chung của cả nước”*; cũng theo QĐ 222-TTg, về định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực, định hướng phát triển giáo dục đào tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao là: *“Tập trung đào tạo nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực: lãnh đạo – quản lý, quản trị doanh nghiệp, tư vấn, thiết kế, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đào tạo đại học, y học, văn hóa – nghệ thuật, thể thao thành tích cao và công nhân kỹ thuật bậc cao” [H1.1.1.8].*

Nội dung về sứ mạng cũng phù hợp và gắn kết với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2011 - 2020, đã được thể hiện tại Văn kiện Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo đó, định hướng phát triển giáo dục và đào tạo là: *“Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ”*.

“Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [H1.1.1.9].

Nội dung của sứ mạng phù hợp với quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục tại Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012, theo đó: *“Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển giáo dục gắn với phát triển khoa học và công nghệ, tập trung vào nâng cao chất lượng”* [H1.1.1.10].

2. Điểm mạnh:

Sứ mạng đã được điều chỉnh để phù hợp với định hướng phát triển trong các thời kỳ khác nhau của Học viện, phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của ngành Kế hoạch và Đầu tư và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội và cả nước.

3. Tồn tại:

Việc tuyên truyền sứ mạng chưa bài bản; trong các ấn phẩm, tài liệu xuất bản của Học viện chưa đăng thông tin sứ mạng. Một số cán bộ, giảng viên cũng như sinh viên Học viện chưa nắm rõ nội hàm sứ mạng của Học viện, chưa thấy được tầm quan trọng và cần thiết của việc tuyên bố sứ mạng.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Phòng Tổ chức - Hành chính là đầu mối, phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên có trách nhiệm phổ biến rộng rãi sứ mạng của Học viện qua các kênh thông tin đa dạng như Face book, các trang Web của sinh viên; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc tuyên bố sứ mạng cho cán bộ, giảng viên, sinh viên Học viện; bổ sung vào nội dung giảng dạy của chương trình giáo dục chính trị đầu khóa, các đợt xúc tiến tuyển sinh,...

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 1.2. *Mục tiêu của của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.*

1. Mô tả:

Tại Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn 2020, Học viện đã xác định mục tiêu chung đó là: “*Xây dựng Học viện Chính sách và phát triển trở thành trường đại học có uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách kinh tế ở Việt Nam; xây dựng đội ngũ viên chức có chuyên môn cao, có năng lực nghiên cứu khoa học*”. Mục tiêu đào tạo là: “*Ổn định và hoàn thiện các chương trình đào tạo bậc đại học đang thực hiện. Lập đề án triển khai các chương trình đào tạo cao học, đào tạo cử nhân chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Việt và tiếng Anh*” [H1.1.1.1].

Năm 2016, Học viện xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2030, mục tiêu chung của giai đoạn này được xác định như sau: “*Xây dựng Học viện Chính sách và Phát triển trở thành cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trong lĩnh vực kinh tế và chính sách phát triển, có uy tín trong hệ thống giáo dục quốc dân; trở thành cơ sở nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành Kế hoạch và Đầu tư và của xã hội*”. Mục tiêu đào tạo đại học và sau đại học là: “*Ổn định và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, hướng vào đào tạo chất lượng cao ở bậc đại học, liên kết đào tạo với các trường đại học có uy tín trên thế giới. Tập trung xây dựng và triển khai đào tạo ở bậc Tiến sĩ đối với ngành Chính sách công và Tài chính Ngân hàng*” [H1.1.1.2].

Mục tiêu nêu trên phù hợp với mục tiêu đào tạo quy định tại Điều 2, Luật Giáo dục năm 2005, đó là: “*Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn*

diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” [H1.1.2.1].

Mục tiêu phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học, đó là: *“Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế” [H1.1.2.2].*

Mục tiêu phù hợp với sứ mạng đã được tuyên bố: *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển ...” [H1.1.1.3].*

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể từng lĩnh vực được Học viện ban hành thông qua Kế hoạch phát triển HV hàng năm [H1.1.2.3] và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh vào giữa năm học [H1.1.2.4].

Việc triển khai và thực hiện mục tiêu được đánh giá trong các báo cáo tổng kết nhiệm vụ công tác năm học và Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Học viện được tổ chức hàng năm [H1.1.2.5].

Mục tiêu của Học viện được triển khai thực hiện và được định kỳ báo cáo Ban Cán sự Đảng Bộ KHĐT về việc tổng kết các nhiệm vụ trọng tâm của Học viện qua các năm và kế hoạch công tác các nhiệm vụ trọng tâm năm tiếp theo [H1.1.2.6].

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu của Học viện được định kỳ rà soát và bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế phát triển của Học viện và triển khai có hiệu quả.

3. Tồn tại:

Mục tiêu của Học viện chưa được tuyên truyền phổ biến rộng rãi đến từng cán bộ, giảng viên. Việc đánh giá, góp ý cho các mục tiêu của Học viện chủ yếu là của cán bộ chủ chốt.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, giao Phòng Tổ chức - Hành chính có trách nhiệm phổ biến rộng rãi mục tiêu của Học viện đến từng đơn vị, yêu cầu các đơn vị nghiên cứu, xem xét và có ý kiến góp ý bằng văn bản.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Sứ mạng và mục tiêu của Học viện được xác định một cách rõ ràng và phù hợp với mục tiêu của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học. Sứ mạng và mục tiêu đã được đánh giá, điều chỉnh, bổ sung hàng năm để bám sát với thực tiễn phát triển của Học viện.

Tuy nhiên, việc tuyên truyền sứ mạng còn chưa bài bản; trong các ấn phẩm, tài liệu xuất bản của Học viện chưa đăng thông tin sứ mạng. Một số cán bộ, giảng viên cũng như sinh viên Học viện chưa thấy được tầm quan trọng và cần thiết của việc tuyên bố sứ mạng. Việc đánh giá, góp ý cho các mục tiêu của Học viện chưa sâu rộng đến các cán bộ, giảng viên Học viện mà chủ yếu là của cán bộ chủ chốt.

Học viện đã có giải pháp để khắc phục tồn tại nhằm thực hiện tốt sứ mạng và mục tiêu đã ban hành.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/2

II. Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

Mở đầu:

Cơ cấu tổ chức của Học viện được thực hiện theo quy định của pháp luật; công tác quản lý phù hợp với quy định của Nhà nước. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, cá nhân và tổ chức đoàn thể được phân định rõ ràng. Hệ thống văn bản của Học viện tương đối đầy đủ, phục vụ tốt cho công tác quản lý, điều hành mọi hoạt động. Có kế hoạch và chiến lược phù hợp với sứ mạng của Học viện. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ với cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý và lưu trữ các báo cáo này theo quy định.

Học viện có bộ phận chuyên trách và đội ngũ cán bộ có năng lực tham gia công tác đảm bảo chất lượng.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.

***Tiêu chí 2.1.** Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.*

1. Mô tả:

Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập theo Quyết định số 10-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/01/2008 [H2.2.1.1]. Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận liên quan; quy định rõ ràng về cơ cấu tổ chức của Học viện [H1.1.1.5].

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Học viện gồm: Đảng bộ Học viện; Ban Giám đốc; Hội đồng Khoa học và Đào tạo; 07 đơn vị chức năng giúp Giám đốc Học viện thực hiện hoạt động quản lý gồm: Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Quản lý đào tạo; Phòng Kế hoạch – Tài chính; Phòng Khoa học và Hợp tác; Phòng Chính trị và Công tác sinh viên; Trung tâm Thanh tra – Khảo thí;

Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn phát triển, 08 đơn vị đào tạo gồm: Khoa Đào tạo quốc tế; Khoa Kinh tế đối ngoại; Khoa Tài chính – Tiền tệ; Khoa Kế hoạch phát triển; Khoa Đầu tư; Khoa Chính sách công; Khoa Quản trị doanh nghiệp; Khoa Đầu thầu, 05 đơn vị hỗ trợ đào tạo gồm: Khoa Ngoại ngữ; Khoa Triết học và Chính trị học; Khoa Toán; Bộ môn Luật kinh tế; Bộ môn Giáo dục thể chất và Quốc phòng và các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên). Các đơn vị nêu trên được thành lập theo đúng Điều lệ trường đại học, quy định của pháp luật cũng như Quy chế về tổ chức và hoạt động của Học viện [H2.2.1.2]. Cơ cấu tổ chức này cũng được đăng công khai trên website của Học viện: apd.edu.vn [H1.1.1.4].

Một số đơn vị đã được thay đổi so với khi mới thành lập. Năm 2011, đã sáp nhập 2 đơn vị là Văn phòng Học viện và Phòng Tổ chức cán bộ thành phòng Tổ chức – Hành chính; năm 2011 thành lập Trung tâm Hỗ trợ Giảng dạy và Học tập và đã giải thể năm 2013; giải thể phòng Xây dựng cơ bản năm 2013 do bộ phận xây dựng Học viện do Ban Quản lý dự án thực hiện. Năm 2014 thành lập Khoa Quản lý đấu thầu (năm 2017 đổi tên là Đấu thầu), năm 2015 thành lập Khoa Đào tạo Quốc tế, đổi tên Khoa Quy hoạch phát triển thành Khoa Đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội cũng như thực hiện chiến lược nâng cao năng lực đấu thầu, quản lý đấu thầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư [H2.2.1.2].

Khoa Triết học và Chính trị học, Khoa Toán, Khoa Ngoại ngữ, Bộ môn luật kinh tế, Bộ môn Giáo dục thể chất và Quốc phòng là những khoa không có chuyên ngành đào tạo do đó trong thời gian tới Học viện sẽ cơ cấu lại các khoa này thành Bộ môn và sáp nhập các đơn vị này thành một Khoa nhằm tinh giản bộ máy tổ chức. Trung tâm bồi dưỡng và tư vấn phát triển trong định hướng phát triển sẽ trở thành đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Học viện, tuy nhiên hiện chưa có tài khoản và con dấu riêng do đó hạn chế trong các hoạt động của Trung tâm.

Đối với chức năng pháp chế, ngày 19/6/2014, Giám đốc Học viện đã ký quyết định số 210/QĐ-HVCSPT giao bổ sung nhiệm vụ pháp chế cho Phòng Tổ chức – Hành chính và giao thực hiện nhiệm vụ pháp chế cho một giảng viên của Bộ môn Luật Kinh tế tại Quyết định số 230/QĐ-HVCSPT ngày 03/7/2014[H2.2.2.6].

Tuy nhiên hiện Học viện chưa thành lập được Hội đồng Học viện theo quy định của Luật Giáo dục và Điều lệ trường đại học, một số đơn vị trực thuộc chưa phù hợp về quy mô.

2. Điểm mạnh:

Các đơn vị trực thuộc được bố trí tinh gọn, phù hợp với quy mô đào tạo, đảm bảo vận hành có hiệu quả; đặc biệt là các đơn vị chức năng đã được sắp xếp, lồng ghép chức năng, nhiệm vụ trong cùng đơn vị.

3. Tồn tại:

Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển chưa được thành lập theo quy định của Điều lệ trường đại học.

Việc thành lập các khoa không có chuyên ngành đào tạo còn chưa phù hợp như: Khoa Triết học và Chính trị học, Khoa Toán, Khoa Ngoại ngữ (các Khoa này chỉ là Bộ môn trực thuộc Học viện). Trung tâm bồi dưỡng và tư vấn phát triển chưa có tài khoản và con dấu riêng.

4. Kế hoạch hành động:

Trong quý I, năm 2018, Phòng Tổ chức – Hành chính làm đầu mối, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ để xây dựng, trình Lãnh đạo Bộ ký quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện, thay thế Quyết định 584/QĐ-BKH để phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển chung của Học viện. Trên cơ sở Quy chế tổ chức và hoạt động mới, Ban Giám đốc xây dựng đề án trình Lãnh Bộ phê duyệt, quyết định thành lập Hội đồng Học viện cũng như thực hiện tinh giản, sắp xếp bộ máy, sáp nhập một số đơn vị như: Khoa Triết học và Chính trị học, Khoa Ngoại ngữ, Bộ môn luật kinh tế,

Bộ môn Giáo dục thể chất và Quốc phòng và thành môn đơn vị trực thuộc Học viện.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 2.2.** Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.*

1. Mô tả:

Học viện có hệ thống các văn bản để tổ chức và quản lý về các hoạt động trong các lĩnh vực, bao gồm:

Hệ thống các văn bản để tổ chức và quản lý về các hoạt động trong lĩnh vực đào tạo: Quyết định số 05/QĐ-HVCSPT ngày 18/01/2012 ban hành Quy chế đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển; Quyết định số 118/QĐ-HVCSPT ngày 06/5/2013 ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định tạm thời đào tạo trình độ Thạc sĩ của Học viện ban hành kèm theo Quyết định số 419/QĐ-HVCSPT ngày 25/11/2013 và Quyết định số 56/QĐ-HVCSPT ngày 06/3/2014. Ngày 13/12/2016, Học viện ban hành Quyết định số 691/QĐ-HVCSPT quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ để thay thế Quyết định số 56/QĐ-HVCSPT ngày 06/3/2014. [H2.2.2.1].

Hệ thống các văn bản để tổ chức và quản lý về các hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học: Quyết định số 283/QĐ-HVCSPT ngày 17/10/2012 quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Học viện Chính sách và Phát triển; Quyết định số 514/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015 ban hành quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện; Quyết định số 655/QĐ-HVCSPT ngày 05/11/2015 quy định tiêu chuẩn, năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện; Quyết định số 500/QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2017 quy định hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện thay thế Quyết định số 514/QĐ-HVCSPT [H2.2.2.2].

Hệ thống các văn bản đề tổ chức và hoạt động hành chính: Quyết định số 331/QĐ-HVCSPT ngày 30/11/2012 ban hành Quy chế làm việc của Học viện; Quyết định số 188/QĐ-HVCSPT ngày 24/7/2012 thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện; Quyết định số 332/QĐ-HVCSPT ngày 30/11/2012 quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo; Quyết định số 526/QĐ-HVCSPT ngày 03/10/2016 ban hành Quy chế hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng; Quyết định số 128/QĐ-HVCSPT ngày 05/4/2015 ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động của Học viện. [H2.2.2.3].

Hệ thống các văn bản đề tổ chức và quản lý về các hoạt động chính trị và công tác sinh viên: Quyết định số 241/QĐ-HVCSPT ngày 02/8/2013 quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên theo học học chế niên chế tại Học viện Chính sách và Phát triển; Quyết định số 242/QĐ-HVCSPT ngày 02/8/2013 quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên theo học học chế tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển; Quyết định số 123/QĐ-HVCSPT ngày 13/5/2013 quy định công tác quản lý sinh viên ngoại trú; Quyết định số 93/QĐ-HVCSPT ngày 04/4/2013 quy định chuẩn mực, đạo đức, phong cách sinh viên tại Học viện. [H2.2.2.4].

Hệ thống các văn bản đề tổ chức và quản lý về các hoạt động trong lĩnh vực tài chính: Quyết định số 230/QĐ-HVCSPT ngày 31/8/2012 ban hành Quy chế thu chi nội bộ; Quyết định số 12/QĐ-HVCSPT ngày 11/01/2013 ban hành Quy tình tạm ứng thanh toán. Năm 2013, Học viện ban hành Quy chế thu chi nội bộ số 253/QĐ-HVCSPT để sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định số 230/QĐ-HVCSPT ngày 31/8/2012. Ngày 19/10/2015, Học viện ban hành Quy chế thu chi nội bộ mới tại Quyết định số 519/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015 để thay thế Quyết định số 253/QĐ-HVCSPT; Quyết định số 89/QĐ-HVCSPT ngày 28/3/2014 ban hành Quy chế tạm thời đối với thu nhập tăng thêm. [H2.2.2.5].

Hệ thống các văn bản để tổ chức và quản lý về hoạt động trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng: Quyết định số 556/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2010 về việc thành lập Trung tâm Thanh tra - Khảo thí [H2.2.5.1]; Quyết định số 137a/QĐ-HVCSPT ngày 13/5/2014 về việc bổ sung nhiệm vụ cho Trung tâm Thanh tra - Khảo thí [H2.2.5.2].

Ngày 19/6/2014, Học viện giao bổ sung nhiệm vụ pháp chế cho phòng Tổ chức - hành chính tại Quyết định số 210/QĐ-HVCSPT và giao 1 giảng viên Bộ môn Luật đảm nhiệm công tác pháp chế này tại Phòng Tổ chức - Hành chính [H2.2.2.6] nhằm tham mưu cho Ban Giám đốc về tính pháp lý của các văn bản quy phạm nội bộ trước khi ban hành cũng như rà soát, kiểm tra văn bản, hệ thống hóa văn bản quy phạm nội bộ trong Học viện. Qua báo cáo rà soát, đánh giá về tính hiệu quả của hệ thống văn bản của bộ phận pháp chế cho thấy các văn bản quy phạm nội bộ của Học viện được ban hành phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan trong từng giai đoạn, phù hợp với Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường Đại học và các văn bản hướng dẫn. [H2.2.2.7]. Nội dung của các văn bản không trái với các quy định của pháp luật, không chồng chéo hoặc không có sự mâu thuẫn giữa các bộ phận liên quan về nội dung. Tuy nhiên, các văn bản chưa được tập hợp, hệ thống hóa để in thành bộ quy định các lĩnh vực hoạt động của Học viện.

2. Điểm mạnh:

Hệ thống văn bản về tổ chức quản lý của Học viện được ban hành tương đối đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Học viện.

3. Tồn tại:

Việc chỉnh sửa, bổ sung văn bản chưa được cập nhật kịp thời.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2018, giao Phòng Tổ chức - Hành chính tập hợp tất cả các quy chế, quy định của Học viện in thành bộ chuẩn để phục vụ cho việc tra cứu, khai thác thuận lợi hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 2.3.** Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.*

1. Mô tả:

HV có quy định cụ thể, rõ ràng về chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Việc phân định được quy định cụ thể tại Quy chế về tổ chức và hoạt động của HVCSPT [H1.1.1.5] và Đề án vị trí việc làm của HV, không trái với các quy định của Nhà nước [H2.2.3.1]. Bên cạnh đó, việc phân định chức năng, nhiệm vụ còn được thể trong quyết định thành lập các đơn vị thuộc HV [H2.2.1.2].

Chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên trong Ban Giám đốc cũng được phân định rõ ràng, được nêu rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện ban hành kèm theo Quyết định số 584/QĐ-BKH ngày 12/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các văn bản thông báo phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc [H1.1.1.5]; [H2.2.3.2].

Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Học viện:

(+) Quyết định thành lập và giải thể các tổ chức của HV. Ban hành và bãi bỏ các nội dung, quy định của HV theo đúng quy định hiện hành; (+) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trong các tổ chức, đơn vị thuộc Học viện. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, tổ chức thực hiện bồi dưỡng, đào tạo lại giảng viên, cán bộ, nhân viên; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và tạo điều kiện cho giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học tham gia các hoạt động đoàn thể và hoạt động xã hội; (+) Tổ chức thi tuyển cán bộ, nhân viên, quyết định việc tiếp nhận, chuyển ngạch các chức danh từ giảng viên chính trở xuống; được bổ nhiệm vào ngạch từ giảng viên chính trở xuống; ký quyết định tuyển dụng, thôi việc và chuyển công tác giảng viên, cán bộ, nhân viên và ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật; (+) Đảm bảo quyền lợi của người học theo quy định; thực

hiện báo cáo định kỳ về các hoạt động của Học viện theo qui định; Thực hiện chế độ khen thưởng, kỷ luật của Nhà nước; đảm bảo trật tự, an ninh và an toàn trong HV; (+) Tổ chức các hoạt động đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo; xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học của HV; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu KH và CN. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ hợp tác, xây dựng quản lý các nguồn thông tin khoa học và công nghệ; (+) Giám đốc Học viện là chủ tài khoản của HV, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của HV; Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý tài chính, tài sản, lao động, tiền lương, tiền công, học bổng, học phí, trợ cấp xã hội, các chế độ chính sách tài chính đối với giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học của Học viện; (+) Giám đốc Học viện thực hiện việc quyết định đầu tư và quản lý các dự án đầu tư theo quy định; căn cứ vào quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển của HV đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Nghị quyết của HĐHV, Giám đốc chịu trách nhiệm xem xét, quyết định đầu tư và phê duyệt tất cả các dự án, thủ tục xây dựng cơ bản, mua sắm, thanh lý tài sản theo quy định;

Quyền hạn và trách nhiệm của Phó Giám đốc Học viện: Giúp Giám đốc trong việc quản lý và điều hành một số hoạt động của Học viện theo sự phân công của Giám đốc; khi giải quyết công việc được Giám đốc giao, Phó Giám đốc thay mặt Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kết quả công việc được giao.

Học viện có đề án vị trí việc làm (Quyết định số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/02/2014). Đề án đã quy định cụ thể, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên và được cụ thể hoá bằng việc mô tả công việc của từng vị trí việc làm [H2.2.3.1]. Ví dụ: Công việc của vị trí giảng viên Khoa Chính sách công là: Tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, viết, biên soạn giáo trình, tập bài giảng, ra đề thi, coi thi, chấm thi, hướng dẫn thực tập tốt nghiệp, hướng dẫn sinh viên viết và chấm khoá luận tốt nghiệp theo sự phân công của Lãnh đạo

Khoa, tích cực học tập nâng cao trình độ. Công việc của một nghiên cứu viên Phòng Chính trị và công tác sinh viên: Thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng cho sinh viên; tham gia tổ chức các hoạt động phong trào cho sinh viên; quản lý hồ sơ sinh viên; theo dõi, tổng hợp đánh giá kết quả rèn luyện và xét học bổng cho sinh viên.

Tuy nhiên, một số nội dung của Đề án hiện nay đã không còn phù hợp với tình hình thực tế phát triển Học viện. Ví dụ: Cơ sở pháp lý của đề án vị trí việc làm của Học viện không còn phù hợp đó là: Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học đã được thay thế bằng: Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học.

Hằng năm, công tác tuyển dụng của Học viện được thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng viên chức và người lao động. Khi được tuyển dụng chính thức, các viên chức sẽ thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn theo quy định theo Luật Viên chức năm 2010. Đối với lao động hợp đồng, người lao động được tuyển dụng theo quy chế của Học viện được ban hành theo quyết định số 40/QĐ-HVCSPT ngày 19/3/2012 của Giám đốc Học viện, Quyết định không trái với các quy định của Nhà nước [H2.2.2.3].

2. Điểm mạnh:

Học viện có đề án vị trí việc làm thể hiện rõ tiêu chuẩn, năng lực, trình độ của các vị trí việc làm và các văn bản quy định rõ ràng chức năng, trách nhiệm, quyền hạn công việc phải thực hiện của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

3. Tồn tại:

Chưa có quy chế đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức và người lao động theo vị trí việc làm. Bên cạnh đó đề án vị trí việc làm của Học viện

chưa được cập nhật, bổ sung kịp thời để phù hợp với định hướng phát triển của Học viện và các văn bản pháp luật, quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2018, Học viện sẽ xây dựng Quy chế đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức và người lao động gắn với chức năng, trách nhiệm của từng vị trí việc làm theo đúng quy định của Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 56/2015/NĐ-CP. Trong quý 2 năm 2018, Phòng Tổ chức – Hành chính là đơn vị thường trực, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Học viện thực hiện rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Đề án Vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển báo cáo Ban Giám đốc Học viện, trình Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét phê duyệt đề án.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 2.4.** Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.*

1. Mô tả:

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thuộc Học viện được thành lập theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước bằng các Quyết định chuẩn y của cấp có thẩm quyền [H2.2.4.1].

Các hoạt động của Đảng ủy Học viện, Công đoàn Học viện và Đoàn Thanh niên Học viện được đánh giá tốt và được thể hiện trong báo cáo tổng kết công tác hằng năm [H2.2.4.2]. Đảng ủy Học viện đã xây dựng chương trình công tác toàn khóa, chương trình công tác năm; báo cáo tổng kết 4 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK của Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương về “nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ” (2012-2015); có báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị tiếp tục đẩy mạnh học

tập và làm theo tâm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Các báo cáo này đều phản ánh một cách chân thực và chi tiết kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tổ chức Đảng - Đoàn thể trong thời gian qua [H2.2.4.3].

Đảng bộ HV có 3 Chi bộ, 53 đảng viên tính đến 31/10/2017. Theo từng giai đoạn, Đảng ủy HV có số liệu thống kê về số lượng cán bộ, viên chức và sinh viên được kết nạp Đảng và được công bố trong báo cáo tổng kết công tác năm, báo cáo công tác 6 tháng. Đảng ủy HV đã tổ chức kết nạp được 8 sinh viên ưu tú đứng vào hàng ngũ của Đảng, hiện có 09 đảng viên là sinh viên đang sinh hoạt Đảng tại Chi bộ 1 – Khối Chính trị và Công tác sinh viên [H2.2.4.2]. Các hoạt động của Đảng ủy Học viện đạt nhiều thành tích và được cấp có thẩm quyền đánh giá cao qua các khen thưởng của cấp trên như giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; khen thưởng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh và các quyết định tặng bằng khen cho các cá nhân khác [H2.2.4.4]. Các chi bộ duy trì và luôn nâng cao chất lượng các buổi sinh hoạt, quán triệt tinh thần phê và tự phê, đoàn kết xây dựng Đảng [H2.2.4.5]. Hằng năm, Đảng ủy có số liệu về các chi bộ, đảng viên được đánh giá tốt và được công bố trong các báo cáo tổng kết công tác. Từ năm 2012 đến năm 2016, Đảng bộ HV và các chi bộ trực thuộc đều đạt danh hiệu từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có tổ chức Đảng yếu kém. Cụ thể: năm 2014: Chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh, 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó 7% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; năm 2015: Đảng bộ và 3 chi bộ là cơ sở đảng “Trong sạch, vững mạnh”, 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó có 15% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; năm 2016: Đảng bộ hoàn thành nhiệm vụ; 2 chi bộ là cơ sở đảng “Trong sạch, vững mạnh”, 01 chi bộ hoàn thành nhiệm vụ; 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó có 14% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Công đoàn Học viện đã hoạt động hiệu quả với vai trò là đại diện cho quyền lợi chính đáng và hợp pháp của người lao động, đồng thời chăm lo cho

đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Cụ thể hàng năm Công đoàn Học viện phối hợp với Ban Giám đốc Học viện tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức viên chức để năm bắt tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của cán bộ, giảng viên [H2.2.4.6]. Công đoàn Học viện đi đầu trong các phong trào thi đua như “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”, hưởng ứng các phong trào quyên góp ủng hộ và các hoạt động nhân đạo cho người nghèo, các trường học ở vùng sâu, vùng xa [H2.2.4.7]. Hằng năm, Công đoàn Học viện cũng là đầu mối trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho cán bộ, giảng viên vào dịp 20/11/ hoặc cử cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động do Công đoàn Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức vào dịp 30/4 và 1/5. Các hoạt động này được cấp có thẩm quyền đánh giá cao, được cấp trên ghi nhận, khen thưởng như: 02 Bằng khen của Ban chấp Ban Chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, 15 bằng khen của Công đoàn Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tập thể và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn cơ sở trong những năm qua [H2.2.4.8].

Đoàn Thanh niên Học viện tích cực hưởng ứng và vận động sinh viên tham gia các phong trào thi đua, rèn luyện. Mỗi năm, có khoảng 200 sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện như “Mùa hè xanh”, “Tiếp sức mùa thi”, “Tết sẻ chia” Đoàn Thanh niên Học viện thành lập nhiều câu lạc bộ và các cuộc thi thiết thực để tạo ra sân chơi cho đoàn viên, sinh viên, tạo cầu nối giữa sinh viên và các doanh nghiệp, tổ chức tuyển dụng, nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của Học viện [H2.2.4.9]. Duy trì đội Sinh viên tình nguyện, Đội sinh viên xung kích nhằm thực hiện các hoạt động, phong trào sinh viên của Học viện. Phong trào hiến máu nhân đạo được duy trì, mỗi năm cán bộ và sinh viên Học viện tham gia hiến máu nhân đạo được từ 1000 đến 2000 đơn vị máu. Các hoạt động của Đoàn Thanh niên Học viện đạt được nhiều thành tích xuất sắc, kết quả tích cực, được Trung ương Đoàn, Đoàn Thanh niên Khối và các cấp có thẩm quyền tặng bằng khen đối với tập thể và cá nhân trong công tác Đoàn. Từ 2012 đến nay, Đoàn Thanh niên Học viện đã nhận được 03 Bằng khen của Trung ương Đoàn và 05 Bằng khen của Đoàn

Thanh niên Khôi các cơ quan trung ương, rất nhiều giấy khen của Đoàn Thanh niên Bộ Kế hoạch và Đầu tư [H2.2.4.10].

2. Điểm mạnh:

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Học viện Chính sách và Phát triển đã tổ chức rất tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, phong trào tình nguyện, hiến máu nhân đạo, thu hút sự tham gia của hơn 2000 sinh viên Học viện, có nhiều đóng góp tích cực, thiết thực cho phong trào đoàn thanh niên của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Tồn tại:

Công tác kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ Học viện còn nhiều hạn chế, nhất là trong việc giám sát thực hiện chế độ sinh hoạt chi bộ hàng tháng và tổ chức thực hiện sinh hoạt theo chuyên đề của các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Học viện.

4. Kế hoạch hành động:

Đảng uỷ Học viện chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ nghiêm túc thực hiện Kế hoạch kiểm tra hàng năm và Nghị quyết của Đảng uỷ Học viện về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tổ chức sinh hoạt chi bộ và sinh hoạt chuyên đề của các chi bộ trực thuộc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 2.5.** Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.*

1. Mô tả:

Trung tâm Thanh tra – Khảo thí được thành lập theo Quyết định số 556/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2010 [H2.2.5.1]. Ngày 13/5/2014, Học viện cũng đã ban hành Quyết định về việc bổ sung nhiệm vụ về công tác ĐBCL cho Trung

tâm TT-KT [H2.2.5.2]. Bộ phận ĐBCL thuộc Trung tâm được giao cho các cán bộ chuyên trách thể hiện ở các Biên bản họp Trung tâm [H2.2.5.3]. Trung tâm hiện có 05 cán bộ chuyên trách, gồm 01 Giám đốc Trung tâm và 04 cán bộ, trong đó có 03 Thạc sĩ và 02 cử nhân (01 đang học cao học) [H2.2.5.4].

Thời gian qua, Trung tâm đã cử được 05 lượt cán bộ tham gia các chương trình tập huấn về công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng theo các đợt tập huấn do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng tổ chức [H2.2.5.5].

Hằng năm, Trung tâm đã xây dựng Kế hoạch hoạt động chung của Trung tâm, trong đó có công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện [H2.2.5.6]. Theo quy định về chu kỳ tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm là đơn vị chủ trì cùng với các đơn vị khác trong Học viện đã triển khai Tự đánh giá của Học viện và đã đăng ký để kiểm định chất lượng giáo dục [H2.2.5.7].

Trong thời gian qua Trung tâm đã triển khai trong công tác đảm bảo chất lượng tại Học viện: Triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên thông qua các phiếu khảo sát sinh viên [H2.2.5.8]; triển khai hoạt động đánh giá chất lượng phục vụ của các đơn vị hành chính của Học viện thông qua các phiếu khảo sát của cán bộ, giảng viên và sinh viên [H2.2.5.9]. Kết quả khảo sát Học viện sẽ gửi về cho Lãnh đạo các Khoa/Bộ môn để làm căn cứ cho các khoa/Bộ môn điều chỉnh lại hoạt động giảng dạy của đơn vị mình cho phù hợp [H2.2.5.10]. Học viện đã triển khai làm thí điểm ngân hàng câu hỏi thi ở một số học phần nhằm đảm bảo tính khách quan, minh bạch trong hoạt động giảng dạy cũng như công tác tổ chức thi [H2.2.5.11].

Tuy nhiên HV chưa xây dựng được mạng lưới ĐBCL tới các đơn vị trong HV nên công tác ĐBCL đôi khi triển khai chưa đạt hiệu quả cao nhất.

2. Điểm mạnh:

HV đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, từ đó nắm bắt được tình hình thực tế để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời và từng bước hình thành văn hoá chất lượng trong HV.

3. Tồn tại:

HV chưa xây dựng được mạng lưới ĐBCL tới các đơn vị trong HV.

Cán bộ Trung tâm cũng như cán bộ chuyên trách về công tác đảm bảo chất lượng chưa được đào tạo bài bản mà chỉ tham gia các khoá tập huấn cũng như hội thảo về chuyên môn nghiệp vụ.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2018 Học viện sẽ ban hành Quyết định và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng để cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.

Năm 2018 Học viện sẽ thành lập mạng lưới đảm bảo chất lượng tại các đơn vị thuộc Học viện và bố trí 2-3 cán bộ tham gia các khoá đào tạo cấp chứng chỉ kiểm định chất lượng giáo dục hoặc các chứng chỉ khác tương đương.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 2.6.** Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.*

1. Mô tả:

Học viện đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển HVCSPT giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn 2020 tại Quyết định số 361/QĐ-HVCS&PT ngày 06/6/2011 [H1.1.1.1] và Kế hoạch chiến lược phát triển HVCSPT giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2030 tại Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/2016 [H1.1.1.2].

Căn cứ Kế hoạch chiến lược được ban hành, Học viện xây dựng Kế hoạch phát triển hàng năm nhằm cụ thể hóa và triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược dài hạn [H1.1.2.3].

Kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Học viện được xây dựng phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển của Học viện đó là trở thành một trường đại học theo định hướng nghiên cứu, nằm trong nhóm các trường đại học hàng đầu về kinh tế và quản lý ở Việt Nam, có uy tín trong khu vực Đông Nam Á; trở thành trung tâm nghiên cứu có uy tín trong nước và trong khu vực. Các kế hoạch cũng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước [H1.1.1.8]; [H1.1.1.9].

Tại các kế hoạch phát triển hàng năm, Học viện xây dựng các chỉ số để giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và mức độ hoàn thành các chỉ số được báo cáo tại các hội nghị tổng kết nhiệm vụ công tác năm học hàng năm căn cứ trên các ý kiến góp ý của cán bộ, giảng viên Học viện [H1.1.2.5]. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban đầu năm, Học viện cũng rà soát, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra từ đầu năm học để kịp thời có các quyết định điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế phát triển Học viện [H1.1.2.4].

2. Điểm mạnh:

Học viện đã có kế hoạch chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển.

3. Tồn tại:

Việc quan tâm, đóng góp ý kiến của cán bộ, giảng viên Học viện cho công tác triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển hàng năm còn chưa sâu rộng mà chỉ tập trung ở một số bộ phận các cán bộ, giảng viên chủ chốt.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018: Giao Phòng Tổ chức – Hành chính xây dựng phương thức lấy ý kiến góp ý của cán bộ, giảng viên Học viện một cách rộng

rãi về Kế hoạch phát triển hàng năm nhằm tiếp thu được nhiều ý kiến hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 2.7.** Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.*

1. Mô tả:

Học viện thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chế độ định kỳ báo cáo theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Học viện báo cáo định kỳ Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các lĩnh vực công tác như: Tổ chức nhà nước, dân chủ cơ sở, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Ngoài ra, Học viện thực hiện báo cáo đột xuất là báo cáo về công tác tuyển sinh [H2.2.7.1]; [H2.2.7.2]. Nội dung các báo cáo trung thực và bám sát vấn đề cần báo cáo do cơ quan cấp trên yêu cầu. Phòng Tổ chức – Hành chính được giao nhiệm vụ phụ trách công tác văn thư lưu trữ của trường, cán bộ quản lý công văn đi/đến được đào tạo theo đúng chuyên môn.

Học viện lưu trữ đầy đủ các báo cáo trong 5 năm gần đây. Báo cáo được lưu trong từng hộp file và để tại phòng Lưu trữ của Học viện tại tầng 6. Các hộp file được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm văn bản. [H2.2.7.3].

Trong 5 năm gần đây Học viện không bị Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan chủ quản cấp trên nhắc nhở vì vi phạm chế độ báo cáo định kỳ.

Học viện có bộ phận cán bộ phụ trách văn thư lưu trữ, và cán bộ thực hiện công tác này hàng năm đã tham dự các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ văn thư - lưu trữ tại Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch [H2.2.7.4].

Tuy nhiên, Học viện vẫn quản lý và lưu trữ văn bản theo phương pháp thủ công.

2. Điểm mạnh:

Các văn bản báo cáo đúng thời hạn, có chất lượng cao. Việc lưu trữ đảm bảo an toàn, dễ truy cứu, khai thác.

3. Tồn tại:

Học viện lưu trữ văn bản theo phương pháp thủ công. Chưa có phần mềm quản lý văn bản.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2018, giao Phòng Tổ chức - Hành chính trình Ban Giám đốc Học viện mua phần mềm quản lý văn bản.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Cơ cấu tổ chức của Học viện, tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Học viện được thực hiện theo các quy định của pháp luật; có đầy đủ hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý hiệu quả các hoạt động. Các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ. Học viện thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và lưu trữ báo cáo theo đúng quy định. Học viện có bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL, có đủ năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Học viện. Đối với những điểm còn tồn tại, Học viện đã có kế hoạch hành động để khắc phục, đặc biệt là việc thành lập Hội đồng trường theo quy định của Điều lệ trường đại học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/7

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 1/7 (tiêu chí 2.1)

III. Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo

Mở đầu:

Chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng đúng theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT, đáp ứng linh hoạt nhu cầu đào tạo và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực, đảm bảo tính liên thông và hội nhập. Quá trình xây dựng CTĐT có tham khảo CTĐT tương ứng của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, có sự tham gia của các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng lao động, các hiệp hội nghề nghiệp và người đã tốt nghiệp. Hằng năm, dựa theo kế hoạch đánh giá chất lượng khóa học và kết quả tham vấn của các bên liên quan đối với CTĐT, Học viện đã có những cải tiến về xây dựng chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, tính hệ thống của kiến thức và triển khai điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

***Tiêu chí 3.1.** Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.*

1. Mô tả:

Trước năm 2012, việc xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện theo Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo và khung Chương trình đào tạo do Bộ GD&ĐT ban hành. Học viện có 03 ngành đào tạo trình độ đại học (Kinh tế, Chính sách công, Tài chính – Ngân hàng) với 05 chuyên ngành (Tài chính công, Chính sách công, Quy hoạch phát triển, Kế hoạch phát triển, Kinh tế đối ngoại) [H3.3.1.1], [H3.3.1.2].

Từ năm 2012 đến tháng 10 năm 2017, Học viện Chính sách và Phát triển có 5 ngành đào tạo bậc đại học (Kinh tế, Chính sách công, Tài chính – Ngân

hàng, Kinh tế quốc tế, Quản trị doanh nghiệp) với 10 chuyên ngành/chương trình đào tạo. Trong đó, có 02 chương trình chất lượng cao (Kinh tế đối ngoại, Tài chính ngân hàng) và 08 chương trình đại trà (Quản lý công, Tài chính, Ngân hàng, Đầu tư, Đấu thầu, Kế hoạch phát triển, Kinh tế đối ngoại, Quản trị doanh nghiệp). Học viện đào tạo sau đại học trình độ Thạc sĩ có 03 chuyên ngành đào tạo (Chính sách công, Tài chính – ngân hàng, Kinh tế quốc tế) [H3.3.1.1].

Như vậy, trong 5 năm gần đây, Học viện đã mở 02 ngành học mới trình độ đại học, và 08 chuyên ngành/CTĐT mới, (Quản lý công, Tài chính, Ngân hàng, Đầu tư, Đấu thầu, Quản trị doanh nghiệp, Tài chính – Ngân hàng CLC, Kinh tế đối ngoại CLC) [H3.3.1.3], [H3.3.1.4]. Các chuyên ngành/CTĐT đều đáp ứng các yêu cầu của Bộ GD&ĐT và quy định của Học viện [H3.3.1.2].

Các CTĐT do các Khoa chuyên ngành đề xuất, trên cơ sở đó Phòng Quản lý đào tạo nghiên cứu và nếu đủ căn cứ xây dựng Chương trình đào tạo/ xây dựng ngành mới sẽ đề xuất Giám đốc thành lập Ban biên soạn xây dựng CTĐT/ngành đào tạo. Ban biên soạn thực hiện các công việc: Viết đề án, dự thảo chương trình đào tạo. Học viện tổ chức thẩm định các CTĐT/ngành đào tạo, các thành viên Hội đồng thẩm định đã cho ý kiến bằng văn bản về từng chương trình bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, kết cấu, thời lượng của chương trình, thời lượng từng học phần, đề cương chi tiết. Trên cơ sở kết luận của HĐĐT, CTĐT được báo cáo Hội đồng KH&ĐT Học viện trước khi ban hành [H3.3.1.5], [H3.3.1.6], [H3.3.1.7].

Trong quá trình xây dựng các CTĐT, Học viện có tham khảo có chọn lọc các CTĐT đại học của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài như trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường đại học ngoại thương, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng, Trường đại học Purdue, Trường đại học Middlesex [H3.3.1.8]. Do vậy, các chương trình đào tạo của Học viện đáp ứng tốt yêu cầu hiện đại, phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới nhưng lại phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

Các chương trình đào tạo trong quá trình xây dựng còn có sự tham gia ý kiến các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý... thông qua các nhận xét tại các Hội đồng thẩm định, các nhận xét của các chuyên gia về chương trình đào tạo. Mỗi chương trình đào tạo mở mới đảm bảo lấy ý kiến ít nhất 3-5 chuyên gia ngoài Học viện, các lãnh đạo chủ chốt của Học viện (khoảng 20 cán bộ) và các giảng viên thuộc khoa chuyên ngành (thông qua các cuộc họp chuyên môn, tọa đàm của Học viện. Ý kiến chuyên gia bên ngoài Học viện được thực hiện thông qua góp ý trực tiếp tại buổi thẩm định hay các ý kiến góp ý bằng văn bản [H3.3.1.5], [H3.3.1.6], [H3.3.1.7], [H3.3.1.9].

Để đảm bảo các chương trình đào tạo đáp ứng tốt và phù hợp với yêu cầu nhân lực của xã hội, các chương trình đào tạo còn được tham vấn ý kiến và nhận xét của nhà tuyển dụng lao động, Hiệp hội nghề nghiệp và người đã tốt nghiệp. Đảm bảo mỗi chương trình lấy ít nhất 2-3 ý kiến từ các nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp và 5-10 các sinh viên đã tốt nghiệp. Các ý kiến của các nhà tuyển dụng được thực hiện bằng văn bản hoặc góp ý trực tiếp cho khoa tại các buổi thảo luận, tọa đàm của Học viện. Ý kiến sinh viên được thực hiện qua khảo sát trực tuyến và trực tiếp tại khoa chuyên ngành khi xây dựng chương trình đào tạo. Tuy nhiên việc khảo sát ý kiến của người đã tốt nghiệp chưa được thực hiện một cách hệ thống và toàn diện do thực hiện chủ yếu bằng khảo sát trực tuyến và không lấy được ý kiến của toàn bộ sinh viên đã tốt nghiệp [H3.3.1.10], [H3.3.1.11], [H3.3.1.12].

2. Điểm mạnh:

Các CTĐT của Học viện được xây dựng có sự tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và trên thế giới, các nhà chuyên môn, các nhà tuyển dụng, đồng thời cân nhắc sự phù hợp của chương trình với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

3. Tồn tại:

Việc xây dựng các CTĐT đại học, Thạc sĩ tuy đã có sự tham gia của người đã tốt nghiệp và tổ chức xã hội - nghề nghiệp nhưng sự tham gia này

chưa mang tính hệ thống, chưa có khảo sát toàn diện.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017 - 2018, Học viện giao Phòng Chính trị và Công tác sinh viên phối hợp với các Khoa chuyên ngành triển khai đồng bộ việc lấy ý kiến góp ý của các đối tượng có liên quan như nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp đối với các chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 3.2.** Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.*

1. Mô tả:

Tất cả (8 chương trình đào tạo hệ đại trà; 02 chương trình đào tạo CLC) các CTĐT của Học viện đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng, thể hiện kết quả cuối cùng đạt được của mỗi chương trình đào tạo [H3.3.1.1]. Việc xây dựng mục tiêu của mỗi chương trình đào tạo vừa là đích hướng tới vừa tạo điều kiện cho người học chủ động hơn trong quá trình tham gia đào tạo. Mục tiêu đào tạo của chuyên ngành/CTĐT bao gồm: mục tiêu đào tạo chung và các mục tiêu cụ thể (mục tiêu cụ thể về kiến thức, về kỹ năng, về thái độ, vị trí và nơi làm việc; đạt chuẩn về ngoại ngữ và tin học) [H3.3.2.1], [H3.3.2.2].

Các CTĐT được xây dựng, chuẩn hóa theo Thông tư số 08/2011/TT-BGD&ĐT và Thông tư số 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT, các chương trình đào tạo đều được công bố chuẩn đầu ra, cụ thể: Chương trình đào tạo hệ đại trà có chuẩn đầu ra công bố năm 2015, hệ chất lượng cao được công bố năm 2016. Chuẩn đầu ra quốc tế về tiếng Anh và tin học được công bố năm 2014 [H3.3.2.2], [H3.3.2.3].

Cấu trúc của các chương trình được các giảng viên, các nhà khoa học, các tổ chức tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp đánh giá là hợp lý đảm bảo cân

đối giữa khối lượng kiến thức giáo dục đại cương với khối lượng kiến thức chuyên nghiệp (kiến thức giáo dục đại cương chiếm khoảng 30%, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 70%); phù hợp giữa khối lượng kiến thức ngành và chuyên ngành (kiến thức chuyên ngành chiếm khoảng 40% khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khối kiến thức cơ sở ngành chiếm 60% khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp); đảm bảo tỷ lệ phù hợp giữa khối kiến thức lựa chọn (chiếm khoảng 30% và bắt buộc chiếm khoảng 70% chương trình) [H3.3.2.4]; [H3.3.2.5].

Các chương trình đào tạo được các nhà khoa học, các nhà tuyển dụng, các tổ chức nghề nghiệp đánh giá đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình đào tạo trình độ đại học [H3.3.1.10], [H3.3.1.11], [H3.3.1.12].

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham khảo có chọn lọc các ý kiến của các giảng viên, các nhà khoa học, nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và sinh viên đã tốt nghiệp về việc chương trình đào tạo đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Mỗi chương trình đảm bảo lấy tối thiểu 3-5 ý kiến của các nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, 5-10 ý kiến các nhà khoa học, các chuyên gia, một số viên tốt nghiệp. Các ý kiến đóng góp thể hiện trong việc thiết kế chương trình đào tạo có tăng tỷ lệ kiến thức chuyên ngành để đáp ứng nhu cầu kỹ năng chuyên môn cho sinh viên tốt nghiệp, các chương trình bổ sung kỹ năng mềm và chương trình ngoại khóa, thực tập, thực tế được tăng cường để nâng cao khả năng tiếp cận thực tiễn cho sinh viên có thể ứng dụng kiến thức đã học trong nghề nghiệp khi tốt nghiệp, đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên nhanh chóng đáp ứng yêu cầu công việc khi tốt nghiệp ra trường [H3.3.1.10], [H3.3.1.11], [H3.3.1.12]. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng chưa được thực hiện một cách có hệ thống, chưa khảo sát được nhiều các nhà tuyển dụng.

2. Điểm mạnh:

HV đã công bố chuẩn đầu ra quốc tế đối với kỹ năng Tin học và tiếng Anh.

3. Tồn tại:

Việc lấy ý kiến các nhà tuyển dụng và sinh viên đã tốt nghiệp về việc CTĐT đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động chưa được thực hiện toàn diện.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018, Học viện giao Phòng Chính trị và Công tác sinh viên phối hợp với các Khoa chuyên ngành để tổ chức lấy ý kiến của nhà tuyển dụng và người đã tốt nghiệp một cách có hệ thống đối với các chương trình đào tạo dự kiến xây dựng mới.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 3.3.** Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.*

1. Mô tả:

Chương trình đào tạo chính quy của Học viện (Học viện không đào tạo hệ không chính quy) được thiết kế theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT tại Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT. Tất cả các CTĐT đều có mục tiêu chung, các mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra tương ứng. Thời lượng cho một CTĐT không quá 140 tín chỉ [H3.3.1.1], [H3.3.2.2]; [H3.3.2.3]; [H3.3.2.5]. Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết được công bố công khai tại địa chỉ: www.decuongmonhoc.apd.edu.vn, trong đó có phương thức đánh giá học phần, tỷ trọng các điểm thành phần, tỷ lệ giảng dạy lý thuyết và thực hành [H3.3.2.4]. Để đảm bảo các điều kiện tổ chức thực hiện CTĐT hiệu quả, Học viện chú trọng tới 3 yếu tố, đó là: cán bộ, giảng viên; điều kiện cơ sở vật chất và giáo trình, tài liệu. cụ thể:

Các cán bộ, giảng viên đều đáp ứng yêu cầu đối với năng lực giảng viên, nhiều giảng viên được đào tạo ở các trường có uy tín trong nước và quốc tế [H5.5.5.1]. Hàng năm, Học viện đều cử các cán bộ, giảng viên tham gia các Hội thảo, tọa đàm, khoá đào tạo ngắn hạn và dài hạn để nâng cao trình độ chuyên

môn nghiệp vụ và hỗ trợ tốt nhất cho công tác giảng dạy [H5.5.3.1]. Học viện có cơ chế khuyến khích giảng viên học tập nâng cao trình độ (tiền sĩ và học hàm PGS, GS) và nghiên cứu khoa học [H2.2.2.5], [H2.2.2.2].

Cơ sở vật chất của Học viện được trang bị đầy đủ và hiện đại phục vụ việc quản lý, nghiên cứu và giảng dạy, như: giảng đường được trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh, ánh sáng, điều hoà; phòng làm việc được trang bị đầy đủ máy tính, ánh sáng, điều hoà; thư viện được trang bị thư viện số bên cạnh thư viện truyền thống. Trang thiết bị thường xuyên được bổ sung và nâng cấp nhằm đáp ứng ngày càng cao của nhu cầu giảng dạy và học tập [H9.9.3.1].

Hàng năm, nguồn sách giáo trình, tài liệu tham khảo được Học viện bổ sung định kỳ hàng năm cho thư viện đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập [H9.9.1.1]. Bên cạnh đó, Học viện có kế hoạch biên soạn và xuất bản giáo trình, tài liệu từ 2 đến 5 cuốn mang tính đặc thù để phục vụ giảng dạy và nghiên cứu. Tuy nhiên kinh phí dành cho biên soạn giáo trình/sách chuyên khảo mới còn rất hạn chế nên số lượng sách giáo trình/sách chuyên khảo được xuất bản còn ít, phần lớn vẫn sử dụng giáo trình của các trường như ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, ĐH ngoại thương và một số cơ sở đào tạo uy tín khác. Từ năm 2014, Học viện có trang bị thư viện số giúp cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên có thể tiếp cận được nhanh và hiệu quả nhất với nguồn tài nguyên số qua website: thuvienso.apd.edu.vn [H3.3.3.1].

2. Điểm mạnh:

Học viện đã xây dựng thư viện số bên cạnh duy trì và phát triển thư viện truyền thống, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và học tập của cán bộ, giảng viên và học viên.

3. Tồn tại:

Do kinh phí dành cho biên soạn giáo trình còn hạn chế nên số lượng giáo trình/sách chuyên khảo do Học viện biên soạn chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Học viện giao Phòng Kế hoạch – Tài chính từ năm học 2017-2018 tăng kinh phí dành cho biên soạn giáo trình, tài liệu mỗi năm đảm bảo tối thiểu 5 cuốn giáo trình/sách chuyên khảo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 3.4.** Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.*

1. Mô tả:

Học viện tổ chức rà soát, sắp xếp, bổ sung, chỉnh sửa lại các CTĐT của các ngành, chuyên ngành. Năm 2012, Học viện đã thực hiện rà soát các 100% các CTĐT đại học (05 CTĐT bậc đại học đã được xây dựng trước năm 2012). Từ năm 2012 đến nay, Học viện rà soát 100% các chương trình đào tạo nhằm bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện CTĐT các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và tiệm cận chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới [H3.3.1.7]; [H3.3.4.1].

Để đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và hội nhập quốc tế của các CTĐT được áp dụng triển khai, Học viện đã yêu cầu 100% các Khoa chuyên ngành khi thực hiện rà soát CTĐT đều phải tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học nước ngoài. Mỗi chương trình đào tạo đều tham khảo từ 1- 2 chương trình đào tạo của đại học nước ngoài có nội dung gần với chương trình của Học viện, từ đó bổ sung thêm hoặc kết cấu lại các khối lượng kiến thức cho phù hợp [H3.3.4.2].

Để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, các chương trình đào tạo được điều chỉnh đều có tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng. Việc lấy ý kiến được thực hiện trong quá trình rà soát, chỉnh sửa.

Chương trình đào tạo sau khi chỉnh sửa đáp ứng tốt hơn đối với yêu cầu của thị trường lao động (tính thực tiễn, đáp ứng yêu cầu về kỹ năng làm việc, khả năng độc lập, sáng tạo,...) [H3.3.4.3].

Bên cạnh ý kiến của các nhà tuyển dụng, Học viện còn tiếp nhận ý kiến của cựu sinh viên đóng góp cho chương trình đào tạo để có những điều chỉnh phù hợp [H3.3.4.3].

Các chương trình đào tạo còn tham khảo ý kiến của các tổ chức giáo dục và các Hiệp hội nghề nghiệp [H3.3.4.3]. Tuy nhiên việc lấy ý kiến các tổ chức giáo dục còn hạn chế.

2. Điểm mạnh:

CTĐT được rà soát chỉnh sửa trên cơ sở tham khảo ý kiến của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và các chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

3. Tồn tại:

Việc lấy ý kiến góp ý của các tổ chức giáo dục để bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017-2018, Học viện giao cho Phòng KH-HT triển khai làm việc với các tổ chức giáo dục trong nước và quốc tế để nhận ý kiến góp ý chỉnh sửa chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 3.5.** Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.*

1. Mô tả:

Các chương trình đào tạo của Học viện được thiết kế đảm bảo tính liên thông dọc (giữa các bậc đào tạo) và liên thông ngang (giữa các ngành/chương trình đào tạo trong nước và quốc tế), cụ thể:

Ở bậc đào tạo Thạc sĩ, trong các đề án mở mã ngành đào tạo từng chuyên ngành, Học viện đã quy định về danh mục ngành đào tạo đúng, ngành đào tạo gần với các chương trình bậc đại học để tạo điều kiện cho sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học có thể tiếp tục học nâng cao trình độ thạc sĩ tại Học viện [H 3.3.5.1].

Năm 2013, Học viện đã ban hành Quy định về việc sinh viên đại học hệ chính quy học cùng lúc hai chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển. Theo đó, Học viện quy định thừa nhận các môn học có cùng tên học phần, có khối lượng kiến thức bằng hoặc lớn hơn đã học ở chương trình thứ nhất được bảo lưu kết quả sang chương trình thứ 2. Sinh viên có thể học cùng lúc song ngành hoặc song chuyên ngành của một ngành học, điều này giúp sinh viên có cơ hội tích lũy tín chỉ để học lên cao và có cơ hội việc làm cao hơn sau khi tốt nghiệp ra trường [H 3.3.5.2]. Tuy nhiên, việc thỏa thuận công nhận chương trình đào tạo hay chương trình môn học với các trường đại học trong nước chưa được thực hiện.

Năm 2015, Học viện ban hành Quy định về miễn học miễn thi và quy đổi các học phần Tiếng Anh, Tin học trong chương trình đào tạo nếu sinh viên đạt chứng chỉ quốc tế theo quy định [H 3.3.5.3]; [H 3.3.5.4].

Học viện ký kết thỏa thuận công nhận chương trình đào tạo với trường đại học của nước ngoài như: Trường đại học Purdue, Trường đại học Georgia, Atlanta, Mỹ để tạo điều kiện cho việc trao đổi sinh viên chương trình CLC các chương trình 2+2; 3+1... [H 3.3.5.5].

2. Điểm mạnh:

CTĐT của Học viện được thiết kế đảm bảo tính liên thông giữa các chương trình, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học cùng lúc hai chương trình, hai ngành, giữa trình độ đại học với chương trình đào tạo sau đại học.

3. Tồn tại:

Học viện chưa ký kết thỏa thuận công nhận CTĐT, chương trình môn học với các trường đại học trong nước để tạo điều kiện cho việc trao đổi sinh viên giữa các trường.

4. Kế hoạch hành động:

Học viện giao Phòng QLĐT nghiên cứu đề xuất từ năm học 2018-2019 triển khai bổ sung quy định về việc công nhận kết quả đào tạo của các trường đại học trong nước; ký kết thỏa thuận thừa nhận CTĐT, chương trình môn học với ít nhất 02/ 04 trường ĐH trong nước có uy tín (ĐH kinh tế quốc dân, HV Tài chính, Học viện Ngân hàng, ĐH Ngoại thương), tạo cơ sở pháp lý và điều kiện cho việc trao đổi sinh viên trong quá trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 3.6.** Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.*

1. Mô tả:

Trong quá trình tổ chức đào tạo, 5/5 chương trình đào tạo có sinh viên tốt nghiệp được Học viện tự đánh giá nội bộ thông qua việc xây dựng báo cáo tự đánh giá và thông qua các báo cáo rà soát chương trình đào tạo [H3.3.6.1], [H3.3.6.2].

Từ các kết quả của báo cáo tự đánh giá và báo cáo rà soát chương trình đào tạo, Học viện có các điều chỉnh (mục tiêu đào tạo, kết cấu chương trình đào tạo, danh sách các học phần, thời lượng các học phần, đề cương chi tiết, đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu môn học, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo...) [H3.3.6.3], bổ sung đội ngũ giảng viên, giáo trình tài liệu, xây dựng thư viện số, bổ sung cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị phục vụ người học [H3.3.6.4].

Học viện tổ chức khảo sát đối với sinh sau khi tốt nghiệp, trong đó rất

coi trọng đánh giá của người học về CTĐT (tập trung vào các CTĐT đã có sinh viên tốt nghiệp). Nội dung đánh giá bao gồm: sự phù hợp của kiến thức, kỹ năng,... được đào tạo tại Học viện với yêu cầu của công việc thực tế [H3.3.1.12]. Để có CSDL cho việc tiến hành khảo sát, trước khi sinh viên nhận bằng, sinh viên đăng ký thông tin cá nhân (điện thoại, Email, địa chỉ thường trú/tạm trú,...) [H3.3.6.5].

Bên cạnh đó, Học viện đã tổ chức các hội nghị, tọa đàm để đánh giá về các CTĐT đang được thực hiện, thành phần tham dự bao gồm các chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên ngành, đại diện của các nhà tuyển dụng lao động, đại diện của các cơ sở đào tạo khác [H3.3.6.6]. Học viện lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chương trình đào tạo thông qua hình thức trực tuyến. Các ý kiến góp ý của chuyên gia và các nhà chuyên môn, các nhà tuyển dụng và sinh viên tốt nghiệp giúp Học viện có cơ sở quan trọng để cải tiến chất lượng CTĐT tốt hơn điều chỉnh CTĐT cho phù hợp về cơ cấu các khối kiến thức và tăng cường thực tế, thực tập cũng như kỹ năng tin học và tiếng Anh theo chuẩn quốc tế.

2. Điểm mạnh:

Học viện đã nghiêm túc triển khai cải tiến chất lượng đào tạo sau khi tự đánh giá, đặc biệt là bổ sung đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao và bổ sung tài liệu, giáo trình và nguồn tài liệu số.

3. Tồn tại:

Chưa có chương trình đào tạo của Học viện được đánh giá theo quy định tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

4. Kế hoạch hành động:

Học viện giao Trung tâm Thanh tra- Khảo thí đề xuất năm học 2017-2018 thực hiện đánh giá ít nhất 02 chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Học viện Chính sách và Phát triển thực hiện đào tạo các ngành Kinh tế, Chính sách công, Quản lý Nhà nước, Quản trị kinh doanh và Tài chính ngân hàng. Trong khoảng thời gian 10 năm thành lập, Học viện có 8 năm đào tạo trình độ đại học, 3 năm đào tạo Thạc sĩ. Học viện tuân thủ các quy định liên quan đến công tác đào tạo và ban hành các văn bản quản lý về QLĐT. Trong 5 năm gần đây, Học viện đã sắp xếp lại các ngành học, phát triển thêm 3 ngành học mới, sửa đổi, bổ sung toàn bộ các CTĐT. Xây dựng và công khai khoảng hơn 200 đề cương chi tiết các học phần. Sự phát triển này xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện và đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội. Các CTĐT mới xây dựng được tham khảo từ các chương trình của các nước tiên tiến, có sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học trong và ngoài trường, của các nhà sử dụng lao động, các cựu sinh viên của trường. CTĐT được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Các CTĐT có mục tiêu rõ ràng, liên thông, đáp ứng được chuẩn đầu ra.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/6

IV. Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

Mở đầu:

Học viện Chính sách và Phát triển tổ chức các hoạt động đào tạo theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Học viện đã ban hành đầy đủ các văn bản quản lý phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT và theo chỉ đạo của Bộ KH&ĐT. Từ năm 2012 đến nay, Học viện đã chuyển từ đào tạo theo học chế niên chế sang học chế tín chỉ, tạo điều kiện linh hoạt cho sinh viên, giúp sinh viên chủ động trong kế hoạch học tập. Học viện chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy đại học, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo. Học viện cung cấp nhiều hình thức đào tạo đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội. Quá trình đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch. Dữ liệu đào tạo được quản lý khoa học, an toàn theo đúng quy định hiện hành. Học viện thường xuyên thu thập thông tin đánh giá chất lượng sinh viên ra trường từ các nhà tuyển dụng và sử dụng lao động, từ đó có kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo và hình thức đào tạo phù hợp.

***Tiêu chí 4.1.** Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.*

1. Mô tả:

Học viện Chính sách và Phát triển thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người học. Hiện nay, Học viện có các hình thức đào tạo sau:

Đào tạo bậc đại học gồm: Hình thức đào tạo đại học hệ chính quy với quy mô từ 350 - 500 sinh viên; hình thức đào tạo chất lượng cao (tuyển sinh từ năm 2015) đáp ứng yêu cầu xã hội về nguồn nhân lực có chất lượng cao; hình thức liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài: trường Middle – Sex (Đại học của Anh) theo hình thức 3+1; trường Purdue (Đại học của Mỹ) theo chương trình liên kết 2+2 [H4.4.1.1].

Đào tạo bậc sau đại học gồm: đào tạo trình độ Thạc sĩ với 3 khoá về các chuyên ngành Chính sách Công, Tài chính Ngân hàng tại Học viện và đào tạo Thạc sĩ cho các vùng trọng điểm của quốc gia: Quảng Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Điện Biên và một số tỉnh nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các vùng này. Riêng đào tạo Tiến sĩ Học viện đang xin chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sẽ triển khai giảng dạy vào thời gian tới (năm 2018). [H4.4.1.2].

Hình thức đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ cho người học: Học viện thường xuyên và định kỳ mở các lớp đào tạo ngắn hạn bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ cho người học về các lĩnh vực: Đấu thầu cơ bản, nâng cao; Nghiệp vụ kinh doanh XNK. Đào tạo theo nhu cầu xã hội bao gồm: Đào tạo theo đơn đặt hàng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam về Kỹ năng sư phạm nâng cao [H4.4.1.3]. Tuy nhiên, số lượng các lớp ngắn hạn tổ chức còn hạn chế, chưa tương xứng với năng lực của Học viện và nhu cầu của xã hội.

Các chương trình học đều được đánh giá phù hợp với nhu cầu xã hội và thực hiện theo đúng quy trình quản lý [H4.4.1.4], có tài liệu bài môn học, đảm bảo chất lượng đào tạo thông qua các ý kiến phản hồi của người học về các khóa đào tạo [H4.4.1.5].

2. Điểm mạnh:

Học viện đã sớm triển khai và duy trì tốt chương trình đào tạo chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Tồn tại:

Việc đào tạo theo hình thức đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ cho người học còn chưa tổ chức nhiều, chương trình chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017 – 2018 và các năm tiếp theo, Học viện giao Trung tâm bồi dưỡng và tư vấn phát triển tiếp tục phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn đáp ứng nhu cầu của thị trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 4.2.** Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.*

1. Mô tả:

Học viện tổ chức đào tạo theo niên chế từ năm 2010 đến năm 2012. Đối với chương trình đào tạo theo niên chế, sinh viên tích lũy kết quả học phần theo thang điểm 10. Với kết quả học tập của từng học phần trong từng kỳ, năm và toàn khoá, Học viện tính điểm trung bình chung để đánh giá, xét tốt nghiệp đối với sinh viên. Từ năm 2012, Học viện bắt đầu tiến hành tổ chức đào tạo 100% các chương trình đào tạo hệ đại học chính quy cho sinh viên khoá 3 (niên khoá 2012-2016) theo hệ thống tín chỉ [H4.4.2.1].

Việc chuyển đổi sang học chế tín chỉ được Học viện nghiên cứu và xây dựng kế hoạch thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Ngay từ năm 2012, Học viện đã triển khai đề án “Nghiên cứu triển khai áp dụng quản lý và đào tạo theo hệ thống tín chỉ” [H4.4.2.2], sau đó Học viện thực hiện các hội thảo liên quan đến việc chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, thiết lập hệ thống các cố vấn học tập để hỗ trợ sinh viên thực hiện chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H4.4.2.3]. Từ năm học 2014-2015 để đáp ứng yêu cầu quản lý, Học viện đã triển khai phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn nhiều hạn chế về lỗi vận hành cũng như thiết kế phần mềm cụ thể như: chưa có sách hướng dẫn sử dụng, phần mềm khó nâng cấp các chức năng, phần kết nối thanh toán với

các ngân hàng còn khó và thường xảy ra lỗi kết nối.

Việc chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã nhận được các ý kiến phản hồi của các chuyên gia, cán bộ giảng viên, sinh viên đó là: sinh viên có thể lựa chọn được giảng viên phù hợp cho mỗi học phần đăng ký, chủ động, linh hoạt sử dụng quỹ thời gian học tập, nghiên cứu của mình, các quy định này cụ thể trong Quy chế đào tạo của Học viện theo hệ thống tín chỉ [H3.3.1.1]. Trong quá trình chuyển đổi đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo tín chỉ, Học viện luôn chú trọng đến việc đảm bảo chất lượng đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người học có thể thích nghi với cách thức tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ: thành lập Ban cố vấn học tập, tổ chức hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập, công khai đề cương môn học [H4.4.2.4].

2. Điểm mạnh:

Sinh viên có thể lựa chọn được giảng viên phù hợp cho mỗi học phần đăng ký.

3. Tồn tại:

Phần mềm quản lý đào tạo mới đưa vào sử dụng để quản lý công tác đào tạo từ năm 2014, theo học chế tín chỉ, đến nay vận hành vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017 – 2018, Học viện giao Phòng QLĐT làm việc với Công ty cung cấp ứng dụng phần mềm để khắc phục các hạn chế của phần mềm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 4.3.** Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.*

1. Mô tả:

Công tác đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên được Học viện thực hiện có kế hoạch và đồng bộ dưới nhiều hình thức khác nhau, được đưa vào kế hoạch nhiệm vụ của Học viện và quy định của Học viện [H2.2.5.8]. Việc đánh giá tập trung chủ yếu vào phương pháp giảng dạy của giảng viên và được thực hiện trực tuyến (online) đảm bảo tính khách quan và minh bạch.

Hàng năm, vào cuối mỗi kỳ học Học viện lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác giảng dạy và đào tạo: 100% giảng viên được lấy ý kiến đánh giá của người học. Kết quả đánh giá được phân tích tổng hợp để làm cơ sở cho bộ phận tham mưu cho ban Giám đốc để có phương án rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời khi cần thiết cho phù hợp với yêu cầu của người học [H2.2.5.8].

Học viện chỉ đạo việc đổi mới phương pháp giảng dạy đại học và triển khai đến các Khoa/bộ môn. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy được thực hiện qua việc dự giờ, họp chuyên môn được thể hiện qua kế hoạch của các Khoa [H4.4.3.1]. Các học phần đều được công bố đề cương chi tiết, các giảng viên có trách nhiệm công khai đề cương giảng dạy và phương pháp đánh giá. Quy định hiện tại thì cơ cấu điểm học phần của sinh viên bao gồm 20% điểm đánh giá của giảng viên (đánh giá thái độ nghiêm túc học tập, mức độ tự giác, phát biểu xây dựng bài, khả năng đóng góp ý kiến trong quá trình tổ chức thảo luận nhóm); 20% điểm kiểm tra giữa kỳ (thông qua các bài kiểm tra/tiểu luận) và 60% được đánh giá qua kết quả thi học phần. Từ đó, sinh viên chủ động kế hoạch học tập cũng như chủ động phương pháp tiếp cận mỗi học phần và tích cực, chủ động tự học và tự nghiên cứu [H4.4.3.2]. Tuy nhiên, việc đổi mới phương pháp giảng dạy chưa được triển khai một cách toàn diện từ cấp Học viện, chủ yếu vẫn dựa vào tính chủ động của các Khoa/bộ môn.

Học viện khuyến khích các cán bộ, giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ nhằm phục vụ công tác đào tạo: khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia các dự án đào tạo Bồi dưỡng do Bộ Kế hoạch và Đầu tư và do các tổ

chức khác liên kết đào tạo tại các nước [H5.5.1.4]. Hàng năm có khoảng 5-10 cán bộ tham gia các khóa học bồi dưỡng của Bộ KH&ĐT. Học viện có tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho Giảng viên thông qua việc mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng như: Lớp nghiệp vụ sư phạm, Lớp bồi dưỡng Tin học IC3, Lớp tiếng Anh với số lượng mỗi lớp từ 10-25 cán bộ tham gia [H5.5.8.3].

Học viện tổ chức lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên bằng hình thức lấy phiếu khảo sát trực tuyến. Các ý kiến phần lớn đánh giá tích cực về việc đổi mới phương pháp giảng dạy – học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm [H2.2.5.8].

2. Điểm mạnh:

Việc công bố công khai đề cương chi tiết cũng như thay đổi cách đánh giá điểm học phần góp phần thay đổi phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm của sinh viên.

3. Tồn tại:

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy chưa được triển khai rộng rãi và toàn diện, phụ thuộc chủ yếu vào tính chủ động của các Khoa/bộ môn.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017 – 2018, Học viện giao Phòng Quản lý đào tạo làm đầu mối, phối hợp với Phòng Tổ chức – Hành chính có kế hoạch mở các lớp tập huấn cho giảng viên về phương pháp giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 4.4.** Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích*

lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả:

Phương pháp kiểm tra đánh giá áp dụng đối với các chương trình, các hệ đào tạo của Học viện được đa dạng hóa và phù hợp với các hình thức đào tạo tương ứng [H3.3.1.1]. Phương pháp đánh giá học phần được thể hiện trong Đề cương chi tiết học phần [H4.4.3.2]. 100% đề cương chi tiết học phần được thiết kế theo quy định tại Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 của Bộ GD&ĐT và được Học viện phê duyệt. Trong mỗi đề cương đều có mục "Phương pháp đánh giá học phần" trong đó nêu rõ: (1) Điều kiện dự thi hết học phần; (2) Quy định về tỷ trọng các điểm thành phần: Điểm đánh giá của giảng viên: chiếm 20%, điểm bài kiểm tra (chiếm 20%), điểm thi hết học phần (chiếm 60%); (3) Hình thức thi đánh giá hết học phần (thi viết, thi nói, thi trắc nghiệm, bài tập lớn). Việc tổ chức kiểm tra đánh giá các học phần được thực hiện một cách khoa học nhằm đảm bảo đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và kỹ năng phát hiện giải quyết vấn đề. Phương pháp đánh giá học phần do các khoa/bộ môn chủ động đề xuất phù hợp với mục tiêu của học phần và trình Ban Giám đốc Học viện phê duyệt, điều này tạo ra sự đa dạng trong phương pháp đánh giá của các học phần [H4.4.4.1].

Hàng năm Học viện thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học, trong đó có những câu hỏi về hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên. Trên 75% các ý kiến đánh giá cao đối với phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H2.2.5.8].

Công tác kiểm tra đánh giá được đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Quy trình tổ chức ra đề thi được triển khai với tối thiểu 04 đề thi. Trung tâm Thanh tra khảo thí bốc thăm tối thiểu 02 đề thi để đảm bảo tính

khách quan. Việc chấm thi của tất cả các bậc đào tạo đều tuân thủ theo quy định: Bài thi được rọc phách và do hai giảng viên chấm độc lập đảm bảo tính công bằng, khách quan. Kế hoạch thi được xây dựng từ giữa kỳ học và công bố công khai. Trong trường hợp có nhiều lớp thi phải thi làm nhiều ca, thì đề thi của các ca thi là khác nhau. Công tác coi thi do cán bộ, giảng viên trong Học viện đảm nhiệm, có sự giám sát của Hội đồng. Để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, Học viện có quy định về việc tổ chức xem xét lại bài thi cho sinh viên. Công tác quản lý điểm được tách thành 03 khâu độc lập: Giảng viên chấm bài, vào điểm theo phách do Trung tâm Thanh tra- Khảo thí cung cấp; Trung tâm Thanh tra – Khảo thí tổ chức thi và rọc phách; Phòng QLĐT quản lý điểm [H2.2.5.11].

2. Điểm mạnh:

Quy trình chấm thi hết học phần của sinh viên được thực hiện nghiêm túc chặt chẽ đảm bảo khách quan, công bằng.

3. Tồn tại:

Tổ chức thi và kiểm tra chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017 – 2018, Học viện giao Trung tâm Thanh tra – Khảo thí phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xây dựng phương thức thi vấn đáp cho một số học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 4.5.** Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.*

1. Mô tả:

Học viện quy định về việc công bố kết quả của người học một cách rõ ràng, kịp thời tại Quy chế đào tạo hiện hành [H3.3.1.2]. Theo đó, điểm thành phần đánh giá về quá trình học (gồm cả điểm các bài kiểm tra định kỳ) phải được công bố cho người học trước khi thi kết thúc học phần. Điểm thi của người học được công khai sau mỗi kỳ thi và được cập nhật vào hệ thống Quản lý đào tạo trực tuyến, người học có thể sử dụng tài khoản để tra cứu. Tuy nhiên, qua thực tế triển khai, vẫn còn tình trạng một số giảng viên còn chậm nộp kết quả đánh giá học phần.

Việc lưu trữ kết quả học tập của người học được thực hiện thường xuyên, đầy đủ, chính xác và an toàn. Ngoài các bảng điểm gốc được lưu tại Phòng Quản lý đào tạo để tổng hợp, kiểm tra, còn có bảng điểm sao lưu tại Trung tâm Thanh tra Khảo thí và tại các Khoa, Bộ môn quản lý môn học [H4.4.5.1]. Theo qui định tại Quy chế đào tạo hiện hành của Học viện, kết thúc một khóa học, người học được cấp một bảng điểm cuối khóa và kèm theo bằng tốt nghiệp. Học viện có hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập của người học một cách khoa học, an toàn bằng bản cứng (được lưu tại các Khoa/bộ môn; Trung tâm Thanh tra – Khảo thí) với hệ thống phần mềm quản lý đào tạo trong Học viện. Dữ liệu được lưu trữ trên máy chủ của phần mềm QLĐT, sao lưu ổ USB và được công khai qua tài khoản truy cập của sinh viên, phụ huynh sinh viên và giảng viên [H4.4.5.2].

Theo học chế tín chỉ, Học viện tổ chức 2 – 3 lần xét tốt nghiệp/năm, cấp giấy chứng nhận, cấp bảng điểm và giải quyết những thắc mắc về điểm trung bình chung khóa học và xếp loại tốt nghiệp cho người học nhanh chóng, kịp thời và thuận tiện [H4.4.5.3].

Văn bằng, chứng chỉ học tập được cấp cho người học tuân thủ theo đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết thúc khóa học, người học được nhận bằng tốt nghiệp và ký nhận tại Sở phát bằng [H4.4.5.4]. Sổ được lưu giữ, quản lý một cách an toàn và minh bạch.

2. Điểm mạnh:

Kết quả học tập của sinh viên được lưu trữ an toàn, được công khai cho mỗi sinh viên và gia đình sinh viên thông qua tài khoản truy cập cá nhân của sinh viên.

3. Tồn tại:

Vẫn còn một số giảng viên chậm nộp kết quả đánh giá học phần.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017-2018, việc công bố điểm của sinh viên chậm do lỗi giảng viên sẽ được xem xét để nhắc nhở và tính vào danh hiệu thi đua. Học viện giao Trung tâm Thanh tra- Khảo thí thường xuyên nhắc nhở và công khai danh sách giảng viên nộp chậm điểm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 4.6.** Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.*

1. Mô tả:

Học viện có CSDL về hoạt động đào tạo ở tất cả bậc đào tạo và được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và của Học viện [H3.3.1.2]. CSDL được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, Học viện có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo giúp người học chủ động trong việc lựa chọn môn học, đẩy nhanh hay rút ngắn thời gian học tập. CSDL đào tạo bao gồm thông tin tuyển sinh, chương trình học, danh mục môn học, thời khóa biểu, điểm tổng kết, các văn bản quy định về hoạt động đào tạo, danh sách sinh viên được các đơn vị liên quan (P.QLĐT, Trung tâm TTKT, Phòng KHTC, các Khoa/bộ môn, Phòng CT&CTSV..) truy cập và sử dụng phục vụ công tác quản lý [H4.4.6.1]..

Kế hoạch, thông báo tuyển sinh, dữ liệu về điểm chuẩn đầu vào được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện và được lưu giữ tại phòng Quản lý đào tạo. Danh sách, hồ sơ sinh viên, học viên trúng tuyển được bộ phận quản lý hồ sơ phân loại và lưu giữ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và của Học viện [H4.4.6.1].

Chương trình đào tạo, Hệ thống đề cương chi tiết học phần, Kế hoạch đào tạo hàng năm, thời khóa biểu từng học kỳ được Học viện xây dựng và công bố trước kỳ học ít nhất 1,5 tháng, Kết quả học tập của sinh viên, kết quả điểm tốt nghiệp, danh sách sinh viên tốt nghiệp, danh mục các giáo trình, tài liệu; các điều kiện đảm bảo chất lượng...được lưu trữ tại Phần mềm QLĐT; bản cứng lưu tại Phòng QLĐT, Trung tâm TT-KT; các Khoa/Bộ môn. [H4.4.6.1].

Hàng năm, Học viện tổ chức khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng như lấy ý kiến đánh giá của sinh viên về các kiến thức, kỹ năng được đào tạo tại Học viện. Thông tin sinh viên cung cấp sẽ được tổng hợp, báo cáo và là cơ sở quan trọng để Học viện kịp thời điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn, đồng thời có những giải pháp hỗ trợ sinh viên các khóa tốt nghiệp tiếp theo tìm việc làm [H4.4.6.3].

Việc theo dõi, thu thập và xử lý thông tin về sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường được Học viện giao cho Phòng Chính trị và Công tác sinh viên. Phòng Chính trị và Công tác sinh viên chủ trì xây dựng các quy định và biểu mẫu thu thập và xử lý thông tin về tình trạng việc làm sinh viên tốt nghiệp, đầu mối phối hợp với các khoa chuyên ngành để tiến hành khảo sát và thu thập thông tin, tổ chức lập báo cáo thống kê về tình trạng việc làm sinh viên [H4.4.6.2], [H4.4.6.3]. Tuy nhiên, việc thu thập và khảo sát tình hình việc làm và thu nhập sinh viên tốt nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ và toàn diện đối với tất cả sinh viên tốt nghiệp ra trường.

2. Điểm mạnh:

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo được lưu trữ trên Phần mềm QLĐT thuận lợi cho các đơn vị liên quan truy cập và sử dụng.

3. Tồn tại:

Số liệu khảo sát về việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp chưa đầy đủ và toàn diện.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017 – 2018, Học viện giao Phòng CT&CTSV phối hợp với các Khoa chuyên ngành tiến hành khảo sát, thống kê tình hình việc làm và thu nhập của người học sau tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 4.7.** Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.*

1. Mô tả:

Học viện luôn chú trọng đến việc đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường hàng năm thông qua việc xây dựng kế hoạch và thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học sau khi tốt nghiệp ra trường và các đơn vị sử dụng lao động để làm căn cứ cho việc điều chỉnh hoạt động đào tạo của Học viện phù hợp với yêu cầu của xã hội. Việc lấy ý kiến người học đã tốt nghiệp được thực hiện theo cả ba hình thức: gửi phiếu lấy ý kiến trực tiếp bằng phiếu, qua thư điện tử và khảo sát trực [H3.3.4.3]; [H4.4.6.2]; [H4.4.1.4]; [H4.4.7.1].

Dựa trên kết quả khảo sát, Học viện xây dựng kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của người học, của các đơn vị tuyển dụng để đề xuất các giải pháp giúp sinh viên tốt nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp: Bổ sung chuyên ngành đào tạo, tạm dừng đào tạo một số chuyên ngành không phù hợp với nhu cầu xã hội; Điều chỉnh nội dung

CTĐT; nội dung học phần; phương pháp đánh giá học phần.. để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực có kiến thức chuyên sâu được điều chỉnh hàng năm. Xây dựng và quy định về việc học và kiểm tra chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội trong bối cảnh hội nhập [H4.4.7.2].

Việc lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp được thực hiện đối với tất cả các ngành đào tạo [H4.4.6.3]. Tuy nhiên việc lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động sau tốt nghiệp của Học viện chưa được thực hiện trên diện rộng.

Hàng năm, các sinh viên tốt nghiệp được lấy ý kiến phản hồi với tất cả các ngành đào tạo [H4.4.6.3]. Tuy nhiên việc lấy ý kiến phản hồi của người tốt nghiệp chưa được thực hiện toàn diện.

2. Điểm mạnh:

Học viện đã kịp thời điều chỉnh các chương trình đào tạo (bổ sung mới, tạm dừng tuyển sinh) phù hợp với yêu cầu của xã hội.

3. Tồn tại:

Việc khảo sát lấy ý kiến đánh giá của người học sau khi tốt nghiệp và của các đơn vị sử dụng lao động chưa được triển khai trên diện rộng

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Học viện giao Phòng CT&CTSV tổ chức khảo sát ý kiến của sinh viên đã tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Trong các năm qua, Học viện đào tạo các trình độ ĐH, sau ĐH với các phương thức đào tạo đa dạng (đại trà, chất lượng cao, đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo nhu cầu xã hội....) nhằm tạo điều kiện thuận lợi để đáp ứng nhu cầu

học tập của người học và triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ đối với bậc ĐH chính qui. Học viện khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp đánh giá KQHT theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học. Quy trình kiểm tra, đánh giá được Học viện thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng. KQHT của người học được thông báo công khai, kịp thời; được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp đúng quy định. Các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý đào tạo đều được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Học viện và quản lý trên phần mềm QLĐT. Học viện tiếp tục triển khai ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo nhằm liên kết cơ sở dữ liệu về hoạt động quản lý đào tạo thành một hệ thống cơ sở dữ liệu. Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo của Học viện còn những hạn chế sau đây: (1) chưa triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy một cách đồng bộ từ cấp Học viện; (2) Chưa thực hiện khảo sát đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp từ nhà tuyển dụng một cách toàn diện.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/7

V. Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Mở đầu:

Với mục tiêu đã được xác định tại Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Học viện luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Học viện đã tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tuyển dụng viên chức theo quy định của nhà nước và của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và năng lực công tác; đội ngũ giảng viên có năng lực và kinh nghiệm trong công tác giảng dạy nên đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo. Học viện chưa xây dựng kế hoạch phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nhân viên ngắn hạn cũng như dài hạn.

***Tiêu chí 5.1.** Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.*

1. Mô tả:

Về công tác tuyển dụng: Hàng năm, căn cứ chỉ tiêu lao động được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, chương trình đào tạo của Học viện, Phòng Tổ chức – Hành chính xây dựng kế hoạch nhân sự, báo cáo Ban Giám đốc để quyết định phân bổ chỉ tiêu lao động cho các đơn vị [H5.5.1.1]. Các thông tin tuyển dụng, chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Học viện: apd.edu.vn [H5.5.1.2]. Số lượng và chỉ tiêu tuyển dụng được Học viện xây dựng trên cơ sở nhu cầu của các đơn vị trực thuộc và yêu cầu phát triển thực tế của Học viện trong từng giai đoạn [H5.5.1.3].

Song song với công tác tuyển dụng, Học viện luôn chú trọng đến công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; khuyến khích và động viên giảng viên và nhân viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn

[H5.5.1.4]. Học viện có kế hoạch hàng năm về phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nhân viên [H5.5.1.5]. Học viện đã cử cán bộ, giảng viên tham gia các khoá đào tạo dài hạn (Thạc sĩ và Tiến sĩ) nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Cụ thể:

Năm 2012 cử 2 cán bộ, giảng viên (CBGV) học Thạc sĩ, 02 CBGV học Tiến sĩ và 125 lượt CBGV tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn do các đơn vị trong và ngoài Bộ tổ chức như: Khoá học về kỹ năng làm việc hiệu quả; Bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá dự án đầu tư; Khóa học nâng cao trình độ tiếng Anh; Bồi dưỡng giảng viên; Lớp quản lý nhà nước, chương trình chuyên viên chính...;

Năm 2013 cử 08 CBGV tham gia khoá học Thạc sĩ và 174 lượt CBGV tham gia các khoá học ngắn hạn;

Năm 2014 cử 3 cán bộ, giảng viên học Thạc sĩ, 04 CBGV học Tiến sĩ và 154 lượt CBGV tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn do các đơn vị trong và ngoài Bộ tổ chức;

Năm 2015 cử 6 cán bộ, giảng viên học Thạc sĩ, 06 CBGV học Tiến sĩ và 125 lượt CBGV tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn;

Năm 2016 cử 01 CBGV học Tiến sĩ và 115 lượt CBGV tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn do các đơn vị trong và ngoài Bộ tổ chức như Lớp quản lý nhà nước chương trình chuyên viên; Lớp Bồi dưỡng kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế; Lớp Bồi dưỡng kỹ năng lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Lớp Phân tích chính sách và dự báo KTXH; Lớp Kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí đa phương tiện;

Năm 2017 cử 06 trường hợp đi học Tiến sĩ, 01 trường hợp đi học cao học và trên 90 lượt cán bộ, viên chức tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước: Lớp quản lý nhà nước chương trình chuyên viên; Lớp Bồi dưỡng kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế; Lớp Bồi dưỡng kỹ

năng lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Lớp Phân tích chính sách và dự báo KTXH; Lớp Kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí đa phương tiện.

Học viện đã ban hành quy chế tuyển dụng lao động hợp đồng trong đó có sự tham gia của Phòng Tổ chức - Hành chính, đơn vị sử dụng lao động và Ban Giám đốc [H2.2.2.3]. Đối với tuyển dụng viên chức, Học viện thực hiện theo quy định tại Luật Viên chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn công tác tuyển dụng viên chức. Tiêu chí tuyển dụng căn cứ vào tiêu chuẩn của vị trí việc làm được quy định tại đề án vị trí việc làm của Học viện. Khi có nhu cầu tuyển dụng xây dựng kế hoạch tuyển dụng, thông báo tuyển dụng và đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của Học viện, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Báo Đầu thầu, Báo Đầu tư [H5.5.1.2]. Từ năm 2012 đến tháng 10 năm 2017, Học viện đã tuyển dụng 68 viên chức và người lao động (không kể hợp đồng thỉnh giảng và hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn), cụ thể năm 2012 là 17 trường hợp; năm 2013 là 11 trường hợp; năm 2014 là 12 trường hợp; năm 2015 là 15 trường hợp; năm 2016 là 07 trường hợp và năm 2017 là 06 trường hợp.

Về công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý: Học viện thực hiện công tác quy hoạch cán bộ quản lý theo từng giai đoạn: 2011-2016; 2016-2021 và 2021-2026; định kỳ hàng năm rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý [H5.5.1.6]. Công tác quy hoạch cán bộ quản lý của Học viện có hai cấp: cấp Vụ có vụ trưởng, phó vụ trưởng và tương đương; cấp Học viện có Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương. Đối với quy hoạch cấp vụ Học viện thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quy định của Nhà nước. Đối với quy hoạch cán bộ quản lý cấp phòng và tương đương: Học viện căn cứ vào Hướng dẫn số 642/HD-BKHĐT ngày 07/12/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các văn bản quy định của Nhà nước để thực hiện quy hoạch cán bộ [H5.5.1.7]. Từ năm 2012 đến tháng 10 năm 2017, Học viện đã thực hiện bổ nhiệm 17 viên chức quản lý. Cụ thể,

năm 2012 là 06 trường hợp, năm 2013 là 05 trường hợp, năm 2014 là 02 trường hợp, năm 2015 là 04 trường hợp, năm 2016 và năm 2017 không có bổ nhiệm.

Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các đơn vị của Học viện được ban hành tại Quyết định số 332/QĐ-HVCSPT ngày 30/11/2012 của Giám đốc Học viện về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức và miễn nhiệm viên chức lãnh đạo [H2.2.2.3].

Đội ngũ cán bộ quản lý được quy hoạch, bổ nhiệm đã đáp ứng mục tiêu, chức năng nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của Học viện.

2. Điểm mạnh:

Học viện đã xây dựng được quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm lãnh đạo quản lý bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ví dụ quy định tại đề án vị trí việc làm, khung năng của Phó trưởng khoa phải là giảng viên có thời gian công tác ít nhất 05 năm. Các quy định về tiêu chuẩn Phó Trưởng khoa của Bộ giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không có quy định này.

3. Tồn tại:

Học viện chưa thực hiện đầy đủ công tác phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nhân viên theo kế hoạch hàng năm đã đề ra.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Phòng Tổ chức – Hành chính hàng năm giám sát việc thực hiện công tác phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nhân viên theo kế hoạch, có chế tài xử lý đối với các đơn vị, cá nhân chưa thực hiện theo kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.2. *Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.*

1. Mô tả:

Nhằm thực hiện Quy chế dân chủ trong Học viện phù hợp với Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập [H5.5.2.1], Học viện đã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển tại Quyết định số 128/QĐ-HVCSPT ngày 05/4/2015 [H2.2.2.3] và ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Chính quyền và Công đoàn Học viện nhiệm kỳ 2012 – 2017 tại quyết định số 06A/QĐ-CDHVCSPT ngày 03/3/2015 [H5.5.2.2].

Học viện đã thành lập Ban Thanh tra Nhân dân theo quy định [H5.5.2.3] có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế và nhiệm vụ công tác năm trong hoạt động của Học viện; giám sát việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở, phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giám sát việc tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo. Hàng năm, Ban Thanh tra Nhân dân báo cáo về các công việc trong công tác thanh tra [H5.5.2.4].

Học viện cũng đã ban hành Nội quy tiếp công dân hàng tuần theo Quyết định số 512/QĐ-HVCSPT ngày 16/10/2015 [H5.5.2.5]. Học viện bố trí Phòng TC-HC là đơn vị thường trực tiếp công dân theo lịch tiếp đã quy định tại phòng 505 – Tòa nhà Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngõ 7, Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội và đặt hòm thư góp ý trước cửa phòng tiếp công dân. Phòng TC-HC chính có trách nhiệm tiếp công dân vào giờ hành của tất cả các ngày trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ lễ, tết).

Bên cạnh đó, tất cả cán bộ, giảng viên và nhân viên của Học viện được tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến về mọi chủ trương, chính sách, kế hoạch của Học viện. Việc góp ý được thực hiện rộng rãi qua nhiều kênh thông tin: Hội nghị tổng kết nhiệm vụ công tác năm học và công chức, viên chức và

người lao động hàng năm; qua email; điện thoại; hộp thư; các cuộc gặp trực tiếp [H5.5.2.6]; Đại hội Đảng bộ Học viện [H5.5.2.7]; Đại hội Công đoàn Học viện [H5.5.2.8]; Đại hội đoàn Thanh niên [H5.5.2.9]; họp giao ban hàng tháng của Ban Giám đốc với cán bộ chủ chốt [H5.5.2.10].

Các quy chế hoạt động và chủ trương lớn của HV như Quy chế thu chi nội bộ, Quy chế thu nhập tăng thêm, Quy chế đào tạo, Quy chế giảng viên,... được soạn thảo và phổ biến rộng rãi, công khai tới các cá nhân, đơn vị có liên quan nhằm thu thập ý kiến đóng góp của CBGV, NV [H5.5.2.11]. Ngoài ra, sinh viên HV cũng được đóng góp ý kiến tại các hội nghị như Hội nghị sơ kết, tổng kết năm học, hội nghị nghiên cứu khoa học,... [H5.5.2.12].

Hàng năm, HV báo cáo cơ quan cấp trên về việc thực hiện quy chế DCCS đối với cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên [H5.5.2.13].

Các ý kiến góp ý, đề xuất của cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện được tôn trọng và giải quyết kịp thời, thỏa đáng, tạo sự ổn định và phát triển của Học viện. Tuy nhiên, các thông tin liên quan đến dân chủ cơ sở chưa được cập nhật thường xuyên trên cổng thông tin điện tử của Học viện.

Trong vòng 5 năm vừa qua Học viện không có đơn thư khiếu nại, tố cáo nào của cán bộ, giảng viên và người học.

2. Điểm mạnh:

Các ý kiến góp ý, đề xuất của cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện được tôn trọng và giải quyết kịp thời, thỏa đáng, tạo sự ổn định và phát triển của Học viện.

3. Tồn tại:

Chưa cập nhật thường xuyên các thông tin về dân chủ cơ sở trên cổng thông tin điện tử của Học viện.

4. Kế hoạch hành động:

Giao phòng Tổ chức – Hành chính hàng tháng cập nhật thường xuyên các thông tin về dân chủ cơ sở trên cổng thông tin điện tử của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 5.3.** Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.*

1. Mô tả:

Học viện luôn tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước: Các khóa đào tạo ngắn hạn, các hội thảo trong nước và quốc tế, các khóa đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ.

Trong giai đoạn 2012-2016, Học viện cử 180 lượt cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn trong nước; cử 06 cán bộ giảng viên tham dự Hội thảo quốc tế; cử 10 cán bộ, giảng viên tham gia khóa đào tạo Tiến sĩ; cử 09 cán bộ giảng viên tham gia khóa đào tạo Thạc sĩ trong và ngoài nước. [H5.5.3.1]; [H5.5.3.2]. Học viện có báo cáo hàng năm về thực hiện chế độ chính sách, tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn trong và ngoài nước [H5.5.3.3].

Kinh phí tham dự Hội thảo tại nước ngoài do cơ quan tổ chức Hội thảo đài thọ. Học viện không cấp kinh phí để các cán bộ, giảng viên tham dự các khóa đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ trong và ngoài nước. Đối với các khóa đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước, cán bộ giảng viên tự túc kinh phí đi học. Đối với các khóa đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ tại nước ngoài, kinh phí là học bổng cán bộ, giảng viên đạt được. Học viện dự thảo Quyết định cử cán bộ, giảng viên đi học và chi trả 40% lương mỗi tháng của cán bộ, giảng viên.

Học viện có quy định khen thưởng, hỗ trợ cán bộ, giảng viên hoàn thành nghiên cứu sinh, đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS, hoặc có công trình

ngiên cứu khoa học tiêu biểu tại Điều 37, Quy chế thu chi nội bộ [H2.2.2.5], cụ thể như sau:

Hỗ trợ cho NCS theo các mức: Bảo vệ luận án TS cấp Nhà nước đúng hạn là 10.000.000đ; Bảo vệ quá hạn dưới 12 tháng là 5.000.000đ.

Cán bộ, giảng viên được phong Phó Giáo sư thưởng 5.000.000đ; được phong Giáo sư thưởng 10.000.000đ.

Năm 2015, Học viện chi khen thưởng: 03 giảng viên dạy tiếng anh đạt chuẩn tiếng anh IELTS 7.0 trở lên (500.000đ/giảng viên); 05 giảng viên dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh đạt IELTS 6.5 trở lên (500.000đ/giảng viên); 04 giảng viên không chuyên ngữ đạt chuẩn B1 và B2 khung Châu Âu (300.000đ/giảng viên). Năm 2016, Học viện chi thưởng cho 01 cán bộ quản lý được phong chức danh PGS là: 5.000.000đ; chi thưởng cho 03 giảng viên bảo vệ Tiến sĩ đúng hạn (10.000.000đ/giảng viên). Năm 2017, Học viện chi thưởng 01 cán bộ quản lý bảo vệ thành công Tiến sĩ: 10.000.000đ. [H5.5.3.4].

2. Điểm mạnh:

Học viện luôn tạo điều kiện về thời gian để các cán bộ quản lý, giảng viên tham gia học tập, dự hội thảo trong nước và nước ngoài. Có quy định hỗ trợ các cán bộ, giảng viên hoàn thành chương trình đào tạo Tiến sĩ, đạt chuẩn chức danh GS, PGS, có công trình nghiên cứu khoa học tiêu biểu.

3. Tồn tại:

Học viện chưa cấp kinh phí cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, các khóa đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2018, Giao phòng Kế hoạch – Tài chính xây dựng, bổ sung thêm nguồn kinh phí hỗ trợ các cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.4. *Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

1. Mô tả:

Đội ngũ cán bộ quản lý của Học viện có phẩm chất đạo đức, không có cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các quy định về đạo đức và những điều đảng viên không được làm, được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và theo đúng các tiêu chuẩn bổ nhiệm của từng vị trí quản lý. Ngoài các tiêu chuẩn chung theo quy định của pháp luật, một số vị trí quản lý viên chức quản lý cần đáp ứng các tiêu chuẩn và các điều kiện riêng của Học viện như về trình độ, thâm niên công tác [H2.2.2.3].

Đội ngũ CBQL của Học viện có trình độ chuyên môn cao, có năng lực quản lý. Tính đến tháng 10/2017, Học viện có tổng số 21 CBQL từ cấp phó trưởng đơn vị đến các thành viên trong Ban Giám đốc. Trong đó, có 2 phó giáo sư (9,5%), 11 tiến sĩ (52,1%) (không bao gồm GS, PGS), 7 thạc sĩ (33,3%), 1 trình độ đại học (4,7%). Chia theo giới tính, Học viện có 16 CBQL từ cấp phó trưởng đơn vị là nam (76%) và 05 nữ (24%). Qua số liệu trên cho thấy đội ngũ CBQL từ cấp phó trưởng đơn vị có trình độ cao (thạc sĩ trở lên chiếm 95,3%). Cụ thể: Ban Giám đốc Học viện có trình độ Tiến sĩ là đáp ứng tiêu chuẩn quy định; Trưởng phòng quản lý đào tạo có trình độ Tiến sĩ là đúng quy định, trưởng các khoa có chuyên ngành đào tạo có trình độ Tiến sĩ là đáp ứng đúng quy định, nhiều trưởng, phó phòng chức năng có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ là đáp ứng hoặc cao hơn quy định như trưởng phòng Chính trị Công tác và Công tác sinh viên là Tiến sĩ [H5.5.4.1].

Hàng năm, việc đánh giá về năng lực và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ CBQL được Học viện thực hiện qua nhiều hình thức, cụ thể: kết quả đánh giá phân loại viên chức hàng năm, kết quả phân loại đảng viên, kết quả thực hiện quy định của Học viện về sắp loại kỷ luật lao động và thu nhập tăng thêm hàng tháng, kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý, kết quả giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.... [H5.5.4.2]; kết quả thi đua,

khen thưởng [H5.5.4.3]; Thông qua các hình thức này, Học viện đã đánh giá đúng CBQL về năng lực chuyên môn, trách nhiệm, thực hiện nhiệm vụ theo đúng các quy trình và chính sách của Học viện trong điều hành công việc.

2. Điểm mạnh:

Cán bộ quản lý được bổ nhiệm theo đúng quy trình, tiêu chuẩn nên đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại:

Hiện tại Học viện còn thiếu 23/44 vị trí cán bộ quản lý từ Ban Giám đốc, Trưởng, Phó trưởng các đơn vị trực thuộc của Học viện.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2018 đến năm 2020, phòng Tổ chức - Hành chính có trách nhiệm tham mưu, giới thiệu nhân sự đủ tiêu chuẩn, điều kiện từ nguồn tại chỗ, từ các đơn vị thuộc Bộ và từ các trường đại học để Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện xem xét bổ sung đủ số lượng viên chức quản lý đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 5.5.** Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.*

1. Mô tả:

Học viện có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng để đảm nhiệm công tác giảng dạy các chương trình đào tạo của Học viện. Tính đến 31/10/2017, Học viện có 91 giảng viên cơ hữu, cơ cấu gồm 04 người là Phó Giáo sư (chiếm tỷ lệ 4%), 22 người là Tiến sĩ (không kể PGS, chiếm tỷ lệ 24%), 65 người là Thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 71%). Ngoài ra, hàng năm Học viện mời thêm giảng viên có trình độ chuyên môn cao ở các trường đại học trong nước và nước ngoài

đến giảng dạy các học phần cho các lớp đại học và cao học, tham gia công tác nghiên cứu khoa học. Số lượng giảng viên thỉnh giảng tính đến 31/10/2017 là 116 người (1 GS, 32 PGS, 44 Tiến sĩ, 39 Thạc sĩ) [H5.5.5.1];

Học viện có 5 ngành đào tạo bậc đại học (Kinh tế, Chính sách công, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Quản trị doanh nghiệp) với 10 chuyên ngành/chương trình đào tạo. Trong đó có 02 chương trình chất lượng cao (Kinh tế đối ngoại, Tài chính ngân hàng) và 08 chương trình đại trà (Quản lý công, Tài chính, Ngân hàng, Đầu tư, Đấu thầu, Kế hoạch phát triển, Kinh tế đối ngoại, Quản trị doanh nghiệp) [H3.3.1.1], [H3.3.1.4]. Mỗi ngành đào tạo của Học viện đều có đủ thành phần giảng viên tham gia giảng dạy các môn học/học phần của ngành đăng ký đào tạo, đội ngũ giảng viên phù hợp với quy mô đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT [H5.5.5.1], [H5.5.5.2].

Tại thời điểm 31/10/2017, Học viện hiện có 2.222 sinh viên chính quy trên tổng số 91 giảng viên cơ hữu. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu vào khoảng 25 sinh viên/giảng viên [H5.5.5.3], đáp ứng so với quy định của ngành là 25 sinh viên/giảng viên quy định tại Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Học viện có trình độ chuyên môn cao và có uy tín trong thực hiện nhiệm vụ NCKH. Giai đoạn 2012 – 2017, số lượng đề tài NCKH cấp nhà nước là 1 đề tài, cấp Bộ là 15 đề tài, cấp Học viện là 22 đề tài và có 17 đề án đã được triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2012 – 2017 số lượng bài báo đăng tạp chí trong và ngoài nước đạt 105 bài trong đó có 13 bài báo quốc tế [H7.7.3.1].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên của Học viện đủ về số lượng và chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của ngành giáo dục về giảng dạy và NCKH.

3. Tồn tại:

Việc giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên chưa liên tục qua các năm. Tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên có năm còn cao hơn quy định: 30 sinh viên/giảng viên.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017 – 2018, giao Phòng TC-HC rà soát đội ngũ giảng viên và cơ cấu tại các khoa/bộ môn, đề xuất Ban Giám đốc điều chỉnh, bổ sung đội ngũ giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 5.6.** Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả:

Học viện có 100% đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên ngành đạt trình độ Thạc sĩ trở lên [H5.5.6.1].

100% GV giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo [H5.5.5.1].

Cơ cấu chuyên môn của các giảng viên phù hợp với nhiệm vụ đào tạo: Đội ngũ giảng viên cơ hữu có 91 người, trong đó có 04 người là Phó Giáo sư, 22 người là Tiến sĩ, 65 người là Thạc sĩ được bố trí giảng dạy ở các chương trình đào tạo phù hợp [H5.5.6.2].

Đầu năm học, giảng viên Học viện được phân công lịch giảng dạy qua bảng phân công do phòng Quản lý đào tạo ban hành [H5.5.6.3].

100% giảng viên có trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy chuẩn và đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH: Đội ngũ giảng viên đều có chứng chỉ tiếng Anh B1, B2 tham chiếu khung châu Âu, IELTS trở lên phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. 100% biết sử dụng mạng Internet khai thác

thông tin phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu sử dụng thành thạo các chương trình tin học tiện ích (văn phòng, Word, Excel, sử dụng projector và giảng dạy bằng Slides hoặc hệ thống công cụ phần mềm khác) [H5.5.6.4].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên của Học viện có kiến thức chuyên môn sâu rộng, có kiến thức thực tế, đảm bảo trình độ chuẩn của nhà giáo được đào tạo theo quy định, luôn đáp ứng tốt yêu cầu về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội.

3. Tồn tại:

Tỷ lệ GV có học hàm cao (PGS, GS) còn ít.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, giao Phòng TC - HC xây dựng kế hoạch và cơ chế khuyến khích phát triển nguồn nhân lực có học hàm, học vị như PGS, GS, Tiến sĩ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.7. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả:

Tính đến thời điểm 31/10/2017, tuổi đời bình quân của đội ngũ giảng viên Học viện là 36,5 tuổi. Thống kê về cơ cấu đội ngũ GV theo độ tuổi như sau [H5.5.7.1]:

Dưới 30 tuổi có 14 GV, chiếm tỷ lệ 16,14%; Từ 30-40 có 59 GV, chiếm tỷ lệ 67,8%; Từ 41-50 có 15 GV, chiếm tỷ lệ 12,6%; Từ 51-60 có 2 GV, chiếm tỷ lệ 2,3%; Trên 60 có 1 GV, chiếm tỷ lệ 1,1 %.

Số lượng giảng viên của Học viện có thâm niên công tác dưới 5 năm chiếm 28,5% (26/91), từ 5 đến 10 năm chiếm 71,5% (65/91)

Thống kê về cơ cấu đội ngũ GV theo học hàm, học vị như sau [H5.5.6.2] (tính đến 31/10/2017):

Giảng viên có học hàm Phó giáo sư: 4 người, chiếm tỷ lệ 4,4%; Giảng viên có học vị Tiến sĩ (không kể PGS): 22 người, chiếm tỷ lệ 24,2%; Giảng viên có học vị Thạc sĩ: 65 người, chiếm tỷ lệ 71,4%.

Tất cả giảng viên Học viện đều có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh từ bằng C trở lên; chứng chỉ trình độ tin học văn phòng B.

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên của Học viện có tuổi đời bình quân tương đối trẻ, nhiệt huyết với công việc, gần gũi với sinh viên.

3. Tồn tại:

Số lượng giảng viên có kinh nghiệm, có tuổi đời bình quân từ 50 trở lên thấp. Đa số giảng viên Học viện trẻ nên chưa nhiều kinh nghiệm giảng dạy thực tiễn và nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 - 2018: Có kế hoạch cử giảng viên trẻ đi thực tế để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Định kỳ tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm giảng dạy giữa giảng viên có kinh nghiệm và giảng viên trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 5.8.** Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả:

Tính đến 31/10/2017, số lượng đội ngũ KTV, NV, nhân viên của Học viện là 48 người, chiếm 35% tổng số cán bộ, viên chức của Học viện, có cơ cấu phù hợp, đủ số lượng theo ngành đào tạo và nhu cầu thực tế [H5.5.8.1].

100% đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có năng lực chuyên môn phù hợp với ngành được đào tạo. Theo quy trình tuyển chọn nhân lực của Học viện thì 100% nhân viên, kỹ thuật viên được tuyển chọn vào làm việc tại Học viện đều đảm bảo trình độ tin học thành thạo và trình độ ngoại ngữ C hoặc tương đương, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc [H5.5.8.2]..

Bên cạnh việc tăng cường công tác bồi dưỡng, tuyển dụng đội ngũ giảng viên, Học viện đã thực hiện tốt công tác tuyển chọn, bồi dưỡng đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đảm bảo đủ số lượng và chất lượng, phục vụ có hiệu quả cho việc thực hiện các nhiệm vụ nhằm đạt được các mục tiêu chung của Học viện trong giai đoạn nâng cao chất lượng đào tạo. Học viện khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Trong giai đoạn 2012 -2017, Học viện đã cử 100 lượt kỹ thuật viên, nhân viên đi học bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, trung bình mỗi người được đào tạo 4 lần [H5.5.8.3], [H5.5.8.4]. Các KTV/NV đi học đều có chứng chỉ/chứng nhận kết quả học tập [H5.5.8.5].

Hàng năm, Học viện đều tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của người học, giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ KTV/NV [H2.2.5.9]; Báo cáo/Biên bản về kết quả đánh giá hàng năm về đội ngũ KTV, NV [H5.5.8.6].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên Học viện được cử đi học bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn với tần suất cao.

3. Tồn tại:

Đội ngũ KTV và nhân viên Học viện còn chiếm tỷ lệ khá cao (chiếm 35%) trong tổng số cán bộ và giảng viên Học viện.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017 – 2018, Học viện giao phòng Tổ chức - Hành chính tiếp tục rà soát giảm tỷ lệ đội ngũ KTV và nhân viên Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Học viện đã có chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn về công tác tuyển dụng, bồi dưỡng phát triển đội ngũ; thực hiện việc bổ nhiệm cán bộ quản lý phù hợp và đáp ứng mục tiêu, chức năng nhiệm vụ của Học viện; cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên luôn đảm bảo các quyền dân chủ; Học viện có chính sách hỗ trợ về thời gian và kinh phí nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, nhân viên, kỹ thuật viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giảng viên nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định, có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Mặc dù đội ngũ cán bộ giảng bộ giảng dạy trẻ có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu tuy nhiên còn thiếu kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và NCKH, trong thời gian tới, Học viện sẽ tiếp tục có cơ chế khuyến khích các giảng viên trẻ học tập nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của chất lượng đào tạo giáo dục đại học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 8/8

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/8

VI. Tiêu chuẩn 6: Người học

Mở đầu:

Hiện nay, Học viện đang tổ chức đào tạo cho 2.222 sinh viên với 49 lớp sinh viên, thuộc 08 chuyên ngành đào tạo (Khoa Đào tạo quốc tế 330 sinh viên, Khoa Chính sách công 153 sinh viên, Khoa Quản trị doanh nghiệp 275 sinh viên, Khoa Đầu tư 279 sinh viên, Khoa Đầu thầu 159 sinh viên, Khoa Kinh tế đối ngoại 417 sinh viên, Khoa Tài chính tiền tệ 353 sinh viên, Khoa Kế hoạch phát triển 340 sinh viên). Học viện Chính sách và Phát triển luôn hướng đến chính sách phục vụ người học theo quan điểm “Người học là trung tâm” và đồng thời là “chủ thể tương tác nâng cao chất lượng đào tạo”. Người học được Học viện hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người học tại Học viện được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc, tạo điều kiện để tu dưỡng, rèn luyện bằng các biện pháp thiết thực, hiệu quả, mà còn tham gia vào quá trình đánh giá các khâu, quy trình, chương trình đào tạo, chất lượng phục vụ. Người học tại Học viện có chỉ số năng lực tốt, có nền tảng kiến thức phổ thông vững chắc, sức học tốt; thái độ tinh thần học tập chăm chỉ, tự tin, thể hiện được năng lực của bản thân, có khả năng đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng và của xã hội nói chung.

Tiêu chí 6.1. *Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

1. Mô tả:

Sinh viên được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo của Học viện ngay từ khi nhập học. Trong mỗi học kỳ, người học đều được thông báo về chương trình đào tạo, kế hoạch học tập và phổ biến về việc phân công cán

bộ, giảng viên của các đơn vị thực hiện trực tại đơn vị. Thông báo về chương trình đào tạo, lịch học đối với sinh viên được thực hiện trên cổng thông tin điện tử của Học viện [H6.6.1.1]; Đối với lịch trực của các cán bộ, giảng viên được thông báo thông qua quy trình giải quyết thủ tục hành chính đối với sinh viên, hoặc lịch trực khoa của giảng viên và có báo cáo về bộ phận tổng hợp thu nhập tăng thêm của Học viện. Ngoài ra, Học viện còn yêu cầu Lãnh đạo các Khoa quản lý sinh viên thực hiện lịch trực 02 giờ trực/ngày/tuần/tháng, đối với lãnh đạo, giảng viên, kết hợp với cố vấn học tập, trợ lý các khoa, bộ môn để tiếp người học, giải đáp, hướng dẫn, phổ biến đầy đủ tới sinh viên về các quy định trong quy chế đào tạo [H 6.6.1.2]; [H2.2.2.3]. Chương trình và lịch trình giảng dạy cũng được đăng tải trên cổng thông tin về quản lý đào tạo của Học viện [H6.6.1.1].

Học viện sử dụng Cổng thông tin điện tử với phần mềm quản lý đào tạo để hướng dẫn người học các nội dung liên quan đến đào tạo và đăng ký các học phần phục vụ cho công tác đào tạo theo tín chỉ [H6.6.1.1]. Sinh viên được Học viện hướng dẫn đầy đủ về đề cương Học phần/môn học, kiểm tra, đánh giá khi học các môn học [H6.6.1.3]. Với các học phần, người học được giảng viên giảng dạy giới thiệu về mục tiêu đào tạo, đề cương, lịch trình giảng dạy; các yêu cầu về kiểm tra đánh giá, các bài tập, các bài thảo luận nhóm, các điều kiện dự thi kết thúc học phần [H6.6.1.4].

Ngoài ra, người học tại Học viện còn được cung cấp/ phổ biến đầy đủ về các quy định, trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện. Các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa đối với tân sinh viên và Tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học đối với sinh viên từ năm thứ 2 đến năm thứ 4. [H6.6.1.1].

Đối với “Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa”, Học viện cung cấp cho các tân sinh viên cuốn “Tài liệu tham khảo phục vụ viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa”, nội dung của cuốn tài liệu bao gồm các quy

chế, quy định của Bộ giáo dục và của Học viện có liên quan trực tiếp đến sinh viên giúp sinh viên sớm tiếp cận với những quy định, chế độ chính sách và công tác đào tạo liên quan trực tiếp đến sinh viên khi học tập tại Học viện [H6.6.1.3]. Kết thúc “Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa”, Học viện tổ chức cho sinh viên làm bài thu hoạch và kết quả bài thu hoạch là một trong những cơ sở để đánh giá kết quả rèn luyện SV [H6.6.1.5].

Đối với “Tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học”, được tổ chức đối với sinh viên từ năm thứ hai đến năm thứ tư. Người học được phổ biến các vấn đề mới trong quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Học viện trong công tác đào tạo, giảng dạy và các công tác liên quan đến chế độ, chính sách liên quan. Đặc biệt, người học còn được Học viện cung cấp, phổ biến đầy đủ các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo và của Học viện (QĐ số 42/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 ban hành quy chế học sinh sinh viên và các văn bản liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H6.6.1.6].

2. Điểm mạnh:

Học viện áp dụng nhiều phương thức để phổ biến đầy đủ mục tiêu và chương trình đào tạo, điều kiện thi, kiểm tra, đánh giá của từng học phần, cũng như các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tồn tại:

Việc cập nhật thông tin về công tác đào tạo trên cổng thông tin của Học viện đôi khi còn chưa kịp thời. Một số kênh thông tin chung của Học viện như website, bảng tin nội bộ chưa được khai thác triệt để để phổ biến các chương trình đào tạo và quy định trong quy chế đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017-2018, sau khi Cổng thông tin điện tử của Học viện được hoàn thiện, Học viện giao Phòng Tổ chức – Hành chính (TC-HC) xây dựng quy định thống nhất các trang web trong Học viện, hướng tới mục đích chính là phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động bổ

trợ khác để phục vụ người học. Đồng thời giao Phòng TC-HC và Phòng QLĐT thiết lập bộ phận thường trực, kịp thời cập nhật thông tin đào tạo và các thông tin khác liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.2. *Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.*

1. Mô tả:

Trong giai đoạn 2014-2017, Học viện thực miễn 100% học phí cho 335 sinh viên; thực hiện miễn 50% học phí cho 40 sinh viên; thực hiện chính sách trợ cấp xã hội cho 100 sinh viên với chi phí 66,2 triệu đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho 76 sinh viên với kinh phí hỗ trợ là 262,2 triệu đồng. Trong mỗi học kỳ, Học viện còn tổ chức khen thưởng và cấp học bổng khuyến khích học tập (KKHT) đối với sinh viên đạt thành tích học tập và rèn luyện tốt. Trong giai đoạn 2014-2017, Học viện đã cấp 323 suất học bổng KKHT loại xuất sắc, 405 suất học bổng loại giỏi và 231 suất loại Khá.

Người học trong Học viện luôn được đảm bảo chế độ chính sách xã hội. Trong 5 năm học vừa qua có gần 400 sinh viên được giải quyết đúng chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ người học thuộc diện chính sách được Học viện bảo đảm các chế độ chính sách theo quy định là 100% [H6.6.2.1]. Các chế độ chính sách đối với sinh viên được Phòng Chính trị và Công tác sinh viên phổ biến, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, công khai (kèm theo các mẫu đơn và hướng dẫn ghi từng loại) từ đầu khóa học và định kỳ nhắc lại mỗi đầu học kỳ/năm học thông qua các thông báo và cuốn “Tài liệu tham khảo phục vụ viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa” [H6.6.1.3], cũng như trên cổng thông tin của Học viện [H6.6.1.1], theo hệ thống Đoàn Thanh niên, đội ngũ cán bộ, chuyên viên quản lý sinh viên ở các

khoa, phòng, trung tâm và trên các bảng tin và bảng thông báo của các văn phòng khoa, bộ môn, trung tâm [H6.6.2.2].

Ngoài chế độ chính sách sinh viên được hưởng theo quy định của nhà nước, Học viện còn huy động các nguồn lực xã hội và dùng nguồn kinh phí này để tặng học bổng cho những sinh viên vượt khó, học giỏi, những sinh viên xuất sắc, có thành tích đặc biệt trong các kỳ thi, mặc dù số tiền huy động chưa được nhiều, nhưng phần nào cũng đã hỗ trợ người học có thêm khoản tiền chi trả ban đầu cho quá trình học tập và rèn luyện. Ngoài ra, sinh viên diện chính sách của Học viện còn được giới thiệu nhận học bổng Korcharm của Hiệp hội doanh nhân Hàn Quốc với 25 suất học bổng trị giá 10 triệu đồng/sinh viên trong các năm 2016-2017. Có 02 sinh viên của Học viện được tặng học bổng Kova dành cho sinh viên nghèo vượt khó với giá trị 8 triệu đồng/sinh viên. Tổng kinh phí hỗ trợ học tập đối với sinh viên khoảng gần một 01 tỷ đồng/5 năm [H6.6.2.3]. Học viện khen thưởng cho thủ khoa đầu vào và thủ khoa đầu ra là 3 triệu đồng/sinh viên, Á khoa trúng tuyển đầu vào là 2 triệu đồng/sinh viên [H6.6.2.4].

Công tác y tế học đường được quan tâm đúng mức. Sau khi sinh viên nhập học, Học viện phối hợp với các bệnh viện (bệnh viện 198, bệnh viện E) tổ chức khám sức khỏe tổng thể cho sinh [H6.6.2.5]. Người học được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể tự nguyện và chăm sóc sức khỏe ban đầu, phổ biến cách phòng, chống dịch bệnh thường xuyên.

Bộ phận y tế có một phòng riêng và được trang bị các dụng cụ y tế sơ cứu ban đầu. Tủ thuốc y tế có đầy đủ các loại thuốc phục vụ sơ, cấp cứu [H6.6.2.6]. Số lượng sinh viên tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%; gần 40% sinh viên tham gia bảo hiểm thân thể tự nguyện [H6.6.2.7].

Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao luôn được tổ chức thường xuyên và định kỳ các hoạt động trong năm học. Học viện tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên được tham gia các hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao. Học viện phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh sử

dụng nhà thi đấu đa năng cho sinh viên tham gia học tập môn giáo dục thể chất, tổ chức thi đấu các giải thể thao; liên kết với các sân bóng mini xung quanh Học viện để tổ chức các giải bóng đá truyền thống) [H9.9.2.3], Học viện bố trí giảng đường 806 và 702 để làm nơi tập luyện, hoạt động văn hóa văn nghệ cho sinh viên.

Về công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho người học được chú trọng. Học viện phối hợp với đơn vị PA83 – phòng Bảo vệ Chính trị nội bộ - Công an Thành phố Hà Nội, Công an Phường Dịch Vọng Hậu- quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, phòng Quản trị II – D25, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực xung quanh trường học. Học viện có các Câu lạc bộ, tổ, đội, nhóm tình nguyện thường xuyên nắm bắt tình hình an ninh trật tự và tư tưởng trong viên chức, giảng viên và sinh viên, do vậy, số vụ việc mất an toàn trong Học viện không xảy ra [H6.6.2.8].

Về hệ thống đảm bảo an ninh trật tự trong trường học được đảm bảo. Tòa nhà D25 có đội ngũ nhân viên bảo vệ đảm bảo công tác an ninh, trật tự, công tác phòng chống cháy nổ và nội quy ra vào cơ quan được bố trí ở những nơi người học dễ nhìn thấy, dễ quan sát, dễ sử dụng khi có sự cố có thể xảy ra... Học viện phối hợp và liên hệ công tác thường xuyên với Phòng Quản trị II – Văn phòng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong công tác giữ gìn, an ninh trật tự đối với sinh viên khi tham gia học tập tại Học viện. Do vậy, người học tại Học viện cũng được thụ hưởng công tác đảm bảo an ninh trật tự chung của tòa nhà D25. Trong Học viện, công tác an ninh trật tự được thường xuyên triển khai nhắc nhở, nên có tác dụng tốt đối với người học. Các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được đảm bảo an toàn [H6.6.2.9].

Trong năm học 2016-2017, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến thăm dò người học. Kết quả thăm dò ý kiến người học cho thấy trên 95 % người học hài lòng với chất lượng khám sức khỏe,

điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, đảm bảo chế độ chính sách cũng như công tác an ninh, an toàn tại Học viện [H6.6.2.10].

2. Điểm mạnh:

Người học tại Học viện được đảm bảo đầy đủ quyền lợi theo các chế độ chính sách của Nhà nước, của Bộ GDĐT và được hỗ trợ kịp thời về học tập, NCKH cũng như về y tế, sức khỏe, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể thao.

3. Tồn tại:

Quỹ học bổng ngoài ngân sách do Học viện huy động tuy có tăng nhưng còn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

Không gian hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chưa đáp ứng các hoạt động sâu rộng của SV và hoạt động tổ chức đào tạo của Học viện.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ II, năm học 2017-2018, Học viện giao Phòng Chính trị và Công tác sinh viên làm đầu mối phối hợp cùng các đơn vị thuộc Học viện xây dựng kế hoạch, tuyên truyền và kêu gọi vận động tài trợ của các tổ chức trong và ngoài Học viện nhằm bổ sung và phát huy có hiệu quả các quỹ tài trợ, quỹ học bổng ngoài ngân sách để hỗ trợ đối với sinh viên.

Cuối năm 2018, khi được Bộ Kế hoạch và Đầu tư bàn giao thêm cơ sở vật chất của tòa nhà D25, Học viện sẽ bố trí một không gian hợp lý để đáp ứng các nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của sinh viên

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 6.3.** Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.*

1. Mô tả:

Công tác triển khai hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng đạo đức và lối sống cho người học được chú trọng trong từng học kỳ, từng năm học và xuyên suốt quá trình đào tạo. Hàng năm, Học viện tổ chức triển khai hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học theo từng lớp/khóa/ khoa chuyên ngành, như: Tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm học đối với sinh viên trong toàn Học viện để phổ biến quy định về văn hóa học đường trong sinh viên, nội quy khen thưởng, kỷ luật trong sinh viên và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; nói chuyện chuyên đề... nhằm tuyên truyền tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên [H6.6.1.3]. Trên Cổng thông tin điện tử của Học viện và trên bảng điện tử, các Pano, áp phích để tuyên truyền thường xuyên cũng như đăng tải, cập nhật các hoạt động Học viện và người học [H6.6.1.1]. Bên cạnh đó, Học viện còn tạo điều kiện cho người học có cơ hội chủ động tham gia phát biểu những thắc mắc về rèn luyện chính trị, đạo đức, lối sống thông qua việc phối hợp với các đơn vị thuộc Học viện tổ chức các hoạt động chuyên đề về thời sự, chính trị, kỹ năng sống, giao tiếp, ứng xử trong sinh viên. Học viện thành lập các Câu lạc bộ [H6.6.3.1]. Tổ chức các Hội thi, cử sinh viên tham gia cuộc thi, tổ chức các hoạt động sinh viên tình nguyện, cuộc thi tiếng anh trong sinh viên, tổ chức hoạt động văn nghệ, thể thao chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11... tạo sân chơi bổ ích trong sinh viên qua đó nhằm tạo môi trường rèn luyện tốt về chính trị, đạo đức và lối sống cho sinh viên [H6.6.3.2].

Về đánh giá rèn luyện cho sinh viên được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch theo từng học kỳ và năm học. Học viện ban hành “Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên” từ việc cụ thể hóa quy chế chung do Bộ GD&ĐT gắn với thực tiễn của Học viện, kèm phiếu tự đánh giá và bảng tổng hợp kết quả đánh giá. Hàng năm, Học viện tổ chức 2 lần/năm về việc đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên (Theo Quyết định số 42/2007/QĐ-

BGDĐT ngày 13/8/2007), có 100% sinh viên tham gia đánh giá kết quả rèn luyện. Có trên 80% sinh viên đạt kết quả rèn luyện từ khá trở lên [H6.6.3.3].

Học viện được cấp trên khen thưởng trong nhiều hoạt động phong trào thi đua của sinh viên. Đoàn Thanh niên Học viện liên tục là đơn vị xuất sắc, được nhận nhiều giấy khen, bằng khen của Đoàn Thanh niên Cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Đoàn Thanh niên Khối các cơ quan Trung ương [H6.6.3.4]. Các hoạt động đoàn thể đều được Học viện định hướng, chỉ đạo gắn kết với các Câu lạc bộ sinh viên để nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện.

Tại Học viện, tổng kết công tác năm học đều không phải nêu bất cứ một sinh viên nào vi phạm các vấn đề đạo đức, lối sống, pháp luật dẫn đến phải xử lý kỷ luật của cơ quan chức năng. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về khen thưởng kỷ luật đối với sinh viên, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với sinh viên được thực hiện tốt, do vậy, hầu hết sinh viên đều chấp hành tốt các quy định của nhà nước và của Học viện [H2.2.6.2].

2. Điểm mạnh:

Học viện thực hiện tốt việc triển khai thường xuyên, kịp thời hàng năm về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống đối với sinh viên. Qua đó người học chấp hành tốt các quy định của nhà nước và của Học viện, không có sinh viên nào bị xử lý vi phạm kỷ luật.

3. Tồn tại:

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống đối với người học đôi khi còn khô khan, cứng nhắc, về cơ bản chỉ gắn với sinh hoạt tại chỗ trong hội trường.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017-2018, Học viện giao Phòng Chính trị và Công tác sinh viên làm đầu mối phối hợp cùng Đoàn Thanh niên Học viện và Ban chủ nhiệm các Câu Lạc bộ sinh viên tìm kiếm các hình thức, phương pháp tuyên

truyền giáo dục mới như: các cuộc thi, trò chơi, phong trào thi đua, viết sáng tác....để tạo sự lôi cuốn, hấp dẫn sinh viên tham gia, cũng như phù hợp với tâm lý của người học hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả:

Công tác Đảng, đoàn thể đối với sinh viên tại Học viện được triển khai tích cực, tối thiểu 02 lần/học kỳ và có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học. Công tác Đảng, đoàn thể trong SV luôn được Học viện quan tâm đặc biệt, Đảng bộ Học viện phân công đồng chí Đảng ủy viên trực tiếp phụ trách công tác Đoàn. Từ đó luôn có những chỉ đạo sâu sát và định hướng toàn diện, kịp thời hoạt động của tổ chức Đoàn TNCS-HCM, trong đó công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho SV luôn được chú trọng trong phương hướng hoạt động của Đảng và của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Đoàn Thanh niên được bố trí 01 cán bộ chuyên trách và được bố trí 01 phòng làm việc với đầy đủ trang thiết bị tại phòng 201 tầng 2 của Học viện. Đoàn Thanh niên được tổ chức có hệ thống từ cấp Học viện, cấp khoa đến các lớp, hiện nay Đoàn Thanh niên Học viện đang tổ chức quản lý và triển khai hoạt động cho gần 2.500 đoàn viên với 51 chi đoàn (gồm 02 chi đoàn cán bộ, giảng viên và 40 chi đoàn sinh viên) và 08 Liên chi đoàn Khoa của sinh viên. Cuối mỗi năm học, ngoài việc đánh giá kết quả công tác đã đạt được, Ban thường vụ Đoàn thanh niên Học viện đều xây dựng báo cáo tổng kết thành tích, phương hướng, chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên cho năm học báo cáo Đảng ủy – Ban giám đốc Học viện [6.6.4.1].

Về công tác từ thiện, tình nguyện, nhân đạo được Học viện chú trọng, quan tâm sát sao, do đó ngày càng thu hút đông đảo sinh viên tham gia. Hàng

năm, Học viện đều tổ chức cho sinh viên được tham gia các hoạt động từ thiện, tình nguyện, nhân đạo, không có người học tự phát tham gia hoạt động của các tổ chức phản động, biểu tình trái phép. Hàng năm, Đoàn Thanh niên Học viện tổ chức các chương trình hành động thiết thực, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên, qua đó góp phần giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên như: Hoạt động thiện nguyện áo ấm mùa đông, Tết sẻ chia giúp đỡ trẻ em nghèo vùng cao; chương trình mùa hè xanh; hiến máu nhân đạo, tình nguyện chung sức vì cộng đồng...[H6.6.4.2]. Các hoạt động này đã thu hút đông đảo sinh viên tham gia, tạo điều kiện cho người học rèn luyện, cống hiến và trưởng thành, nhanh chóng có việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường. Số sinh viên tình nguyện tham gia ngày công tác xã hội, hoạt động vì cộng đồng, số sinh viên có kết quả rèn luyện từ tốt trở lên chiếm tỷ lệ cao [H6.6.4.3].

Học viện đã ban hành quy chế, quy trình về tiêu chuẩn xét kết nạp đảng trong sinh viên [H6.6.4.4], đồng thời quán triệt và phổ biến sâu rộng cho sinh viên được biết, qua đó giúp người học tích cực nỗ lực phấn đấu trong học tập, rèn luyện để được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Hàng năm, Học viện phối hợp với Đảng ủy Cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức các lớp nhận thức về Đảng đối với sinh viên đạt kết quả học tập khá, giỏi, xuất sắc, có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, tích cực tham gia các hoạt động Đoàn thanh niên, các chương trình tình nguyện, thiện nguyện, các câu lạc bộ, trong 5 năm qua, gần 100 đoàn viên ưu tú được học lớp nhận thức về Đảng do Đảng ủy cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức [H6.6.4.5]. Đảng bộ Học viện thành lập Chi bộ Khối Chính trị và Công tác sinh viên, trong Chi bộ có 12 sinh viên tham gia sinh hoạt, trung bình hàng năm tiếp nhận 3-5 sinh viên là đảng viên và từ năm học 2015 -2016 đến nay. Về công tác phát triển và kết nạp đảng viên được Chi bộ chú trọng, trong mỗi tháng sinh hoạt chi bộ định kỳ, Chi bộ phân công đảng viên dìu dắt, giúp đỡ, phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong năm học 2015-2016; 2016-2017, Chi bộ 1 Khối Chính trị và Công tác sinh viên đã tổ chức

kết nạp được 08 sinh viên vào Đảng [H6.6.4.6]. Quá trình phấn đấu của nhiều đảng viên trong chi bộ đã chứng minh hiệu quả của việc Học viện quan tâm động viên người học tham gia sinh hoạt và trưởng thành trong các tổ chức Đảng, đoàn thể.

2. Điểm mạnh:

Công tác Đảng, đoàn thể có tác động tích cực tốt đối với việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của người học; đồng thời góp phần nâng cao chất lượng công tác học tập, nghiên cứu khoa học của người học.

3. Tồn tại:

Việc tuyên truyền trong công tác đảng, đoàn thể còn thiếu phong phú, đa dạng, chưa thu hút được đông đảo sinh viên tham gia....do đó tỷ lệ sinh viên được tham gia học lớp bồi dưỡng nhận thức về đảng, cũng như tỷ lệ sinh viên được kết nạp và Đảng còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017-2018, Học viện giao Chi bộ 1, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên Học viện cải tiến các hình thức phong phú, đa dạng: tổ chức cuộc thi, phong trào thi đua, hội thao....trong sinh viên nhằm tăng thu hút sinh viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do Học viện tổ chức, phấn đấu tăng tỷ lệ sinh viên được tham dự học lớp bồi dưỡng kết nạp đảng và tỷ lệ sinh viên được kết nạp đảng. Đồng thời, giao Chi bộ 1 tổ chức các hoạt động tuyên truyền về công tác đảng trong sinh viên, phổ biến các tiêu chuẩn xét chọn sinh viên ưu tú đi học lớp Bồi dưỡng kết nạp đảng và tiêu chuẩn xét kết nạp đảng đối với sinh viên qua đó khuyến khích và động viên sinh viên tích cực phấn đấu trong học tập và rèn luyện để trở thành đảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.5. Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả:

Công tác cố vấn học tập được chú trọng thường xuyên. Học viện có hệ thống cố vấn học tập được quy định bằng văn bản (Có Ban cố vấn học tập và Quy chế về công tác cố vấn học tập đối với sinh viên) [H6.6.5.1] và có kế hoạch cố vấn học tập cụ thể đối với từng khối lớp; các Khoa đều bố trí đội ngũ cố vấn học tập để bám sát hỗ trợ sinh viên; có lịch tiếp sinh viên để giải đáp các thắc mắc liên quan đến học tập của sinh viên [H6.6.5.2].

Hàng năm, Học viện tổ chức các hoạt động hướng dẫn người học phương pháp học tập ở bậc đại học, hướng dẫn sử dụng thư viện và thư viện điện tử, tìm kiếm tài liệu học tập, phương pháp học đăng ký tín chỉ, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo liên quan đến tài khoản của sinh viên...các hoạt động này được Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên và Các Khoa Quản lý sinh viên triển khai theo nhiệm vụ được Học viện giao tại tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm học [H6.6.1.2].

Học viện hỗ trợ người học có nhu cầu được hỗ trợ tìm kiếm các hỗ trợ (tài chính, vay vốn chương trình tín dụng sinh viên, tìm chỗ ở, khám chữa bệnh, tư vấn tâm lý ...) [H6.6.1.1], [H6.6.1.2]. Cụ thể, Học viện tạo điều kiện giải quyết thủ tục hành chính xác nhận hồ sơ để sinh viên được dễ dàng vay vốn đối với chương trình tín dụng sinh viên [H6.6.5.3]. Đồng thời, Học viện đã chỉ đạo Đoàn thanh niên Học viện thực hiện chương trình tìm, giới thiệu nhà trọ phù hợp cho người học. Đoàn Thanh niên Học viện nòng cốt là Đội thanh niên tình nguyện, Đội xung kích sinh viên, trung bình hàng năm giới thiệu khoảng 1.000 chỗ trọ (như tải và in các trang web của các Ký túc xá sinh viên Mỹ Đình I và II; Ký túc xá sinh viên Thăng Long, các địa chỉ nhà trọ trên địa bàn Quận Bắc và Nam Từ Liêm; địa bàn Quận Cầu Giấy Hà Nội...) [H6.6.5.4]. Trong bối cảnh Học viện chưa có ký túc xá cho sinh viên

với phương châm là đảm bảo 100% sinh viên nhập học có chỗ ở ổn định, thuận lợi cho việc sinh hoạt và học tập. Đầu khóa học, năm học, Học viện đều có văn bản hướng dẫn quy trình, quy định quản lý sinh viên ngoại trú cụ thể, rõ ràng [H6.6.5.5]. Thông qua Cổng thông tin điện tử, các kênh thông tin chính thức và các bộ phận chức năng, người học luôn được cập nhật thông tin về chi phí sinh hoạt, học tập [H6.6.1.1].

Sinh viên được Học viện hỗ trợ trong tìm kiếm việc làm qua các hoạt động tư vấn, đào tạo kỹ năng, chia sẻ thông tin tuyển dụng... Học viện triển khai hợp tác Công ty MyWork ký thỏa thuận hợp tác triển khai cổng thông tin hỗ trợ việc làm đối với sinh viên Phối hợp với Công ty cổ phần TS24 giới thiệu thông tin việc làm thêm cho sinh viên...[H6.6.5.6]; hợp tác với Viện đào tạo Ngân hàng VietNamBanker hỗ trợ hoạt động đào tạo trong lĩnh vực ngân hàng cho sinh viên, tổ chức hội thảo hướng nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng cho sinh viên, giới thiệu việc làm cho sinh viên trong lĩnh vực ngân hàng [H6.6.5.7]. Các Khoa Quản lý sinh viên thường xuyên tổ chức các hoạt động thực tế cho sinh viên tại các cơ quan, doanh nghiệp và tổ chức có lĩnh vực hoạt động gần hoặc phù hợp với chuyên ngành đào tạo giúp sinh viên được hiểu và có kiến thức thực tế của chuyên ngành đào tạo như: Khoa Đầu thầu tổ chức đi thực tế tại Ban quản lý dự án huyện Sapa, Khoa Kinh tế đối ngoại đi thực tế tại khu công nghiệp SamSung tỉnh Thái Nguyên, Khoa Tài chính – Tiền tệ tổ chức cho sinh viên đi thực tế tại Ngân hàng và Công ty chứng khoán...[H6.6.5.8].

2. Điểm mạnh:

Các đơn vị có nhiệm vụ hỗ trợ sinh viên trực tiếp như Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên cùng các khoa, phòng, ban, trung tâm khác thuộc Học viện với hình thức hỗ trợ đa dạng và phong phú đã hỗ trợ tích cực cho sinh viên có môi trường học tập và sinh hoạt thuận tiện.

3. Tồn tại:

Học viện chưa có ký túc xá cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Trong thời gian chờ dự án xây dựng Học viện hoàn thiện, trong năm học 2017-2018, Học viện giao Phòng Chính trị và Công tác sinh viên làm đầu mối làm việc và ký hợp đồng phối hợp giữa Học viện với Ban quản lý ký túc xá sinh viên của một số địa điểm (Làng sinh viên Hacinco, Ký túc xã Mỹ Đình....) gần Học viện để giới thiệu và hỗ trợ việc liên hệ tìm nơi ở cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 6.6.** Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.*

1. Mô tả:

Hàng năm, Học viện tổ chức, triển khai các công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà Nước, các nội quy, quy chế, quy định của Học viện cho 100% đối tượng người học (tối thiểu 02 lần/năm học) thông qua tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa, đầu năm học, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, hội nghị sơ, tổng kết năm học [H6.6.6.1]. Thông qua hoạt động này, Học viện đã phổ biến nội quy, quy định, công khai các tiêu chí đánh giá người học, công khai mọi quyền lợi và nghĩa vụ của người học. Kết thúc đợt sinh hoạt chính trị, người học phải thực hiện viết bài thu hoạch kết hợp với nhận thức thu được từ những báo cáo chuyên đề chính trị, xã hội và một số luật liên quan (Luật Giao thông Đường bộ; Luật phòng chống Ma túy; Luật Nghĩa vụ Quân sự...), tỷ lệ người học hoàn thành bài thu hoạch chiếm đại đa số [H6.6.1.5]. Các tài liệu tuyên truyền như Nội quy văn hóa học đường, Pano “Những biểu hiện suy thoái tư

tưởng, đạo đức, lối sống “Tự diễn biến”, “Tự chuyển hóa” theo Nghị quyết Hội nghị trung ương 4 khóa XII của Đảng, nhằm định hướng cho sinh viên về đạo đức, lối sống lành mạnh, tôn trọng, tuân thủ luật pháp và nội quy của Học viện được phổ biến công khai trên Công thông tin điện tử, Pano, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu... của Học viện [H 6.6.6.2].

Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống của sinh viên còn được lồng ghép vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ của Học viện nhân ngày 20/11; 26/3; /9/1... thể hiện tại yêu cầu về các chủ đề gắn với tình yêu quê hương đất nước, ca ngợi Đảng, Bác Hồ.. [H 6.6.6.3], các hoạt động công tác xã hội cộng đồng, công tác thiện nguyện....của các Câu Lạc bộ sinh viên, Đoàn Thanh niên Học viện. Những hoạt động do Học viện tổ chức giúp người học nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm thông qua các hoạt động: chiến dịch tình nguyện, hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi...Triển khai hàng năm chiến dịch tình nguyện “Mùa hè xanh” đến các vùng sâu, vùng xa để làm công tác giúp đỡ bà con ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện khó khăn [H6.6.4.2]. Hàng năm, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên đều cảnh báo, định hướng sinh viên trước các vấn đề nhạy cảm, phức tạp ngoài xã hội [H6.6.6.4]. Học viện ban hành quy chế “Phong cách sinh viên” định hướng và vận động xây dựng nếp sống văn minh học đường, chấp hành nội quy của Học viện được người học hưởng ứng bằng hành động thiết thực [H2.2.2.4]. Trong năm qua, Học viện không có người học bị xử lý kỷ luật do thiếu hiểu biết pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hàng năm, Học viện và nhiều người học được khen thưởng về thành tích tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống cháy nổ, hỗ trợ cộng đồng [H6.6.6.5], [H6.6.2.1].

Học viện tổ chức nói chuyện chuyên đề trong sinh viên nhằm giáo dục tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm và tôn trọng pháp luật trong sinh viên như: Mời Bà Phi Nga (Chuyên gia của

Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hà Nội) nói chuyện về văn hóa học đường đối với sinh viên, Mời Trung tướng Nguyễn Văn Phiệt – Nguyên tư lệnh, Bộ tư lệnh Phòng không - Không quân nói chuyện về chiến thắng điện biên phủ trên không; Mời TS. Bác Sỹ Hồ Mai Hoa nói chuyện về sức khỏe sinh sản đối với sinh viên, Mời TS. Phan Quốc Việt – Tập đoàn Tâm Việt Group nói chuyện về kỹ năng mềm, quyền năng mềm đối với sinh viên...[H6.6.3.2].

Đoàn Thanh niên Học viện có tài liệu tuyên truyền nhằm giáo dục đạo đức, lối sống trong sinh viên và quán triệt đến 2.276 đoàn viên sinh viên trong toàn Học viện về tinh thần, trách nhiệm của đoàn viên thanh niên trong công tác học tập, rèn luyện và phấn đấu, tu dưỡng đạo đức [H6.6.6.2].

2. Điểm mạnh:

Học viện đã duy trì thường xuyên, ổn định trong từng học kỳ, từng năm học để giáo dục người học có đạo đức, lối sống lành mạnh, có hiểu biết, có ý thức và gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. 100% sinh viên trong Học viện chấp hành nghiêm quy định của nhà nước và của Học viện, không có sinh viên vi phạm kỷ luật.

3. Tồn tại:

Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề còn chưa nhiều, nội dung các chuyên đề báo cáo chưa hấp dẫn, đa dạng và phong phú để thu hút SV tham gia tích cực.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017-2018, Học viện giao phòng Chính trị và Công tác sinh viên phối hợp Đoàn Thanh niên và các đơn vị trong và ngoài Học viện đề xuất, tham mưu và tổ chức triển khai đổi mới phương pháp, nội dung nói chuyện chuyên đề cho sinh viên bằng các hình thức: cuộc thi, hội thi, trò chơi, viết bài, sáng tác tác phẩm thơ.....nhằm làm tăng sự hấp dẫn, đa dạng và phong phú để thu hút SV tham gia tích cực. Cũng như tổ chức các hoạt động phong trào, trò chơi tập thể và các cuộc thi, các đợt thi đua lập thành tích

chào mừng các ngày Lễ trong năm qua đó nhằm đào tạo các kỹ năng trong sinh viên và giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước và các nội quy của Học viện đối với sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả:

Công tác tư vấn và hướng nghiệp được Học viện quan tâm, chú trọng cả về nội dung cũng như cách thức tổ chức. Học viện giao Phòng Chính trị và Công tác sinh viên thực hiện công tác tư vấn và hướng nghiệp cho sinh viên nhằm thực hiện các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên theo hướng chuyên nghiệp và có hiệu quả thiết thực [H6.6.7.1].

Công tác hỗ trợ tăng tỷ lệ việc làm cho người học được quan tâm thường xuyên. Học viện triển khai thực hiện ký thỏa thuận hợp tác với các công ty hỗ trợ việc làm với sinh viên [H6.6.5.6]. Triển khai cổng thông tin hỗ trợ việc làm cho sinh viên trên website của Học viện [H6.6.7.2]. Người học được tham dự các hoạt động hướng nghiệp định kỳ hàng năm thông qua “Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa và đầu năm học” [H6.6.1.1] hoặc Hội thảo hướng nghiệp cho sinh viên [H6.6.5.7].

Các Khoa quản lý sinh viên chủ động lên kế hoạch, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về liên quan đến chuyên ngành đào tạo hoặc tổ chức cho sinh viên đi thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức chính trị-xã hội có chuyên môn đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đào tạo cho sinh viên của khoa [H6.6.5.8]. Qua đó để cập nhật chương trình giảng dạy, mời giảng chuyên đề nhằm tạo điều kiện cho người học tiếp cận thị trường lao động không chỉ ở thời điểm tốt nghiệp mà trong suốt quá trình đào tạo, đồng thời giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn như: Hội thảo chuyên đề “Cơ hội việc

làm và con đường dẫn đến thành công đối với sinh viên Khoa Tài chính tiền tệ”; Hội thảo hướng nghiệp cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng phối hợp cùng Viện Đào tạo Ngân hàng VietNamBanker tổ chức; Sinh viên Khoa Kinh tế đối ngoại đi thực tế tại Khu công nghiệp Sam Sung tỉnh Thái Nguyên; Sinh viên Khoa Đấu thầu đi thực tế tại Ban QLDA huyện Sapa [H6.6.5.7]; [H6.6.5.8]. Khi chuẩn bị tốt nghiệp, người học được hướng dẫn các kỹ năng viết lý lịch, phỏng vấn xin việc thông qua các chuyên đề, các lớp kỹ năng giao tiếp tại công sở.... và các hoạt động chuyên môn của Khoa quản lý sinh viên [H6.6.1.1]

Tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tăng hàng năm, theo báo cáo tổng hợp về khảo sát cựu sinh viên ra trường, tỷ lệ sau 6 tháng có việc làm đạt trên 90% [H 6.6.7.3]. Phòng Chính trị và Công tác sinh viên là đầu mối thông qua các Khoa quản lý sinh viên lập hệ thống mạng lưới Cựu sinh viên của từng khoa và liên kết thành hệ thống cựu sinh viên toàn Học viện, giới thiệu nơi thực tập, việc làm cho sinh viên. Những hoạt động này giúp tỷ lệ người học có việc làm liên quan đến nghề nghiệp luôn ở mức độ cao, sinh viên tốt nghiệp ra trường đáp ứng được yêu cầu, chuyên môn nghiệp vụ [H 6.6.7.4].

Chương trình đào tạo có mô tả và đề cập đến vị trí việc làm mà người tốt nghiệp chương trình có thể đảm nhiệm (việc đánh giá sự phù hợp với ngành nghề đào tạo được căn cứ vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo). Chương trình đào tạo của các chuyên ngành học đều được công khai trên công thông tin của Học viện và trong tài liệu “Sổ tay công tác Cố vấn học tập” [H6.6.5.1] do Phòng Quản lý đào tạo biên soạn và phát hành tới tất cả các Cố vấn học tập và các Khoa để phổ biến đến sinh viên.

2. Điểm mạnh:

Học viện đã có nhiều hình thức hỗ trợ phù hợp, thiết thực giúp người học có việc làm đúng và phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp.

3. Tồn tại:

Chưa có bộ phận chuyên trách thực hiện công tác hỗ trợ việc làm cho sinh viên, do đó, thu thập phản hồi của sinh viên đối với công tác hướng nghiệp còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2017 -2018, Học viện giao Phòng Tổ chức - Hành chính đề xuất bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ cho Phòng Chính trị và Công tác sinh viên thực hiện việc tư vấn và hỗ trợ việc làm sinh viên để triển khai và thực hiện tốt hơn các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 6.8.** Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành nghề đào tạo.*

1. Mô tả:

Người học tại Học viện Chính sách và Phát triển hoàn toàn có đủ năng lực và kỹ năng để tự tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp [H6.6.7.3]. Học viện giao Phòng Chính trị và Công tác sinh viên là đầu mối cùng với các Khoa Quản lý sinh viên đã tiến hành khảo sát tình hình sinh viên tự tìm việc làm và tạo việc làm đối với Cựu sinh viên khóa 1, 2,3,4 của Học viện. Kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy có tới: 8,7% sinh viên tạo việc làm thông qua các hình thức tự kinh doanh và chiếm 68,9% sinh viên làm khu vực ngoài nhà nước và 15,3% sinh viên làm trong khu vực nhà nước [H6.6.7.3]. Nhằm tạo điều kiện hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm, ngay trong thời gian học tại Học viện, thông qua giới thiệu của giảng viên các khoa và trong quá trình thực tập, nhiều người học đã tiếp cận được với cơ hội nghề nghiệp và có việc làm sau khi vừa tốt nghiệp [H6.6.5.7].

Học viện đã tiến hành khảo sát mức độ phù hợp việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả điều tra sơ bộ bước đầu cho thấy, số sinh viên tốt nghiệp Học viện ra trường có trên 50% sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đào tạo, tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo còn chưa cao. Trong số những người học của Học viện đã tốt nghiệp thực sự trưởng thành và có khả năng tạo được làm cho người khác [H6.6.7.3]. Trong số đó chiếm 90,2% sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể tìm được việc làm trong khoảng thời gian từ 1 – 6 tháng sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh:

Người học tốt nghiệp Học viện có kiến thức chuyên môn sâu, có kỹ năng cần thiết để làm việc, số lượng người học tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp có tỷ lệ tương đối cao. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành nghề đào tạo.

3. Tồn tại:

Tỷ lệ sinh viên mới tốt nghiệp năm đầu tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017-2018, Học viện giao các Khoa Quản lý sinh viên thực hiện các hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên, công tác hỗ trợ xúc tiến giới thiệu việc làm của sinh viên trong Khoa với các cơ quan, tổ chức phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đồng thời giao Phòng Chính trị và Công tác sinh viên phối hợp cùng Phòng Quản lý đào tạo ký thỏa thuận hợp tác với Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội, các đơn vị tư vấn tuyển dụng... tổ chức phiên giao dịch việc làm, cũng như giới thiệu các vị trí việc làm phù hợp với đối tượng sinh viên được đào tạo của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.9. *Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.*

1. Mô tả:

Để nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm, Học viện hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV. Học viện đã chỉ đạo Trung tâm Thanh tra – Khảo thí tổ chức đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên sau khi kết thúc môn học theo từng đối tượng người học. Từ năm học 2016-2017, Học viện đã tổ chức lấy ý kiến góp ý giảng dạy của GV sau khi kết thúc môn học bằng hình thức trực tuyến, trên trang đào tạo thông tin tín chỉ của Học viện. Toàn thể SV của tất cả các Khoa của Học viện đều được tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của tất cả các giáo viên, đối với tất cả các học phần. Kết quả đánh giá có thể nêu sơ bộ: đa phần SV đánh giá tích cực về hoạt động giảng dạy của GV, đặc biệt là đối với tác phong sư phạm. Bên cạnh đó, cũng còn một số GV nhận được góp ý của SV cần giảng dạy đúng thời lượng quy định, đi đúng giờ, đa dạng hoá các nguồn tài liệu giảng dạy. Việc lấy ý kiến người học về công tác giảng dạy của giảng viên sau mỗi học phần được triển khai trên toàn bộ sinh viên bằng nhiều hình thức (phiếu bản cứng và đánh giá online, gửi qua hộp thư điện tử; qua bưu điện) [H2.2.5.8]. Từ những thông tin phản hồi thu được từ SV về đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, Học viện đã điều chỉnh kịp thời để hạn chế những tồn tại và phát huy những điểm mạnh trong công tác giảng dạy của GV nhằm nâng cao chất lượng GD&ĐT của Học viện [H2.2.6.2]; [H6.6.4.3].

Ngoài ra, người học còn được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện trước khi tốt nghiệp [H6.6.2.10]. Học viện hướng dẫn quy trình người học đánh giá chất lượng giảng dạy và chất lượng chương trình đào tạo, quy trình xử lý số liệu, báo cáo và phản hồi kết quả đánh giá và các hoạt động sau đánh giá theo quy định chung của Bộ GD&ĐT [H2.2.5.8]; [H2.2.5.7]. Trên cơ sở đặc thù của Học viện và tuyên truyền để người học hiểu được ý

nghĩa và lợi ích của việc tham gia đánh giá nên người học đã thể hiện thái độ hợp tác khi tham gia đánh giá. Từ đó, Học viện xem xét, sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến phương pháp giảng dạy, điều chỉnh chương trình đào tạo, cải tiến các hoạt động hỗ trợ đào tạo cho người học [H3.3.1.1]; [H2.2.6.2].

2. Điểm mạnh:

Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp. Điều này đã tác động tích cực trong quá trình đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên và tạo dựng niềm tin với người học.

3. Tồn tại:

Ý thức tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của sinh viên chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017-2018, Học viện giao cho Trung tâm Thanh tra - Khảo thí phối hợp với các Khoa quản lý sinh viên, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên đề xuất việc nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia đánh giá, khảo sát...bằng cách trừ điểm rèn luyện trong mỗi học kỳ và gắn với việc bình xét thi đua, khen thưởng đối với sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Học viện luôn chủ trương cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin cần thiết để người học chủ động tổ chức hoạt động học tập và rèn luyện của mình. Chủ trương này đã thể hiện tính dân chủ, khuyến khích được sự năng động và sáng tạo của người học, thúc đẩy và tạo điều kiện cho người học đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện.

Trong những năm qua, công tác đối với người học đã đi vào chiều sâu, thực sự tạo môi trường tốt về vật chất cũng như tinh thần để người học tu dưỡng, rèn luyện. Học viện cũng chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, cải thiện chất lượng phục vụ để đáp ứng yêu cầu của quá trình đào tạo và nhu cầu của người học.

Các số liệu khảo sát cho thấy người học tốt nghiệp từ Học viện Chính sách và Phát triển luôn được thị trường lao động chấp nhận. Đây là kết quả mong muốn và đáng tự hào nhằm kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Học viện (04/01/2008-04/01/2018).

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0 /9

VII. Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Mở đầu:

Học viện Chính sách và Phát triển qua gần 10 năm thành lập đã có sự phát triển nhanh về hoạt động KHCN. Học viện xác định 2 nhiệm vụ cơ bản là đào tạo và NCKH.

Hoạt động NCKH tại Học viện Chính sách và Phát triển bao gồm các hoạt động về nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách tập trung các lĩnh vực: Chính sách phát triển, kinh tế vĩ mô, kinh tế quốc tế, tài chính ngân hàng; Triển khai, xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Học viện; Khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tập trung đầu tư đề tài NCKH các cấp có bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế phù hợp với định hướng nghiên cứu để có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Tiêu chí 7.1. *Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.*

1. Mô tả:

Học viện có kế hoạch hoạt động KHCN trong giai đoạn 2011-2015 định hướng đến 2020 [H1.1.1.2] và giai đoạn 2016-2020 định hướng đến 2030 [H1.1.1.4] nằm trong Kế hoạch chiến lược phát triển của Học viện phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Học viện [H1.1.1.1];

Bên cạnh đó, Học viện lập kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ cho từng năm phù hợp với kế hoạch chung, sứ mạng nghiên cứu phát triển của Học viện cũng như thực tiễn và đảm bảo nguồn chi từng năm [H10.10.1.8];

Dựa trên kế hoạch KHCN đưa ra, Học viện đã triển khai hoạt động KHCN theo đúng quy định của Nhà nước, Bộ KH&ĐT, Bộ GD&ĐT và Học

viện, cụ thể như sau:

Các đề tài NCKH được thực hiện đúng theo quy định về quản lý hoạt động KHCN của Học viện [H7.7.1.1], các đề tài xây dựng thuyết minh từ cấp khoa được thông qua Hội đồng KH&ĐT cấp Khoa [H7.7.1.2], trình lên Hội đồng KH&ĐT của Học viện, trên cơ sở biên bản họp Hội đồng KH&ĐT của Học viện, Giám đốc ra quyết định giao đề tài, ký hợp đồng và cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, trong quá trình thực hiện các chủ nhiệm đề tài báo cáo tiến độ cho Học viện thông qua Phòng KH&HT. [H7.7.1.3]

Bên cạnh hoạt động NCKH của giảng viên, hằng năm hoạt động NCKH của sinh viên được triển khai tới từng khoa với các chỉ tiêu cụ thể theo kế hoạch và quy định được ban hành. Trung bình hằng năm có khoảng 100 đề tài NCKH của sinh viên và tất cả các đề tài đều được bố trí giảng viên hướng dẫn. Các đề tài được lựa chọn dựa trên cơ sở ý kiến của Hội đồng KH&ĐT của Học viện, Giám đốc ra quyết định giao đề tài [H7.7.1.4]. Không chỉ ở cấp độ Học viện, sinh viên Học viện đã tham gia nhiều cuộc thi NCKH các cấp và đạt được một số giải thưởng uy tín như: 01 giải nhất, 01 giải ba, 01 giải khuyến khích Olympic kinh tế lượng ứng dụng toàn quốc, 01 giải ba Olympic toán học sinh viên toàn quốc,... [H7.7.1.5].

Hàng năm, vào cuối năm học Phòng KH&HT có báo cáo tổng kết hoạt động KHCN và phương hướng, kế hoạch hoạt động KHCN cho năm tiếp theo trình lên Hội đồng KH&ĐT của Học viện [H2.2.7.2].

2. Điểm mạnh:

Học viện lập kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ cho từng năm phù hợp với kế hoạch chung, sứ mạng nghiên cứu phát triển của Học viện cũng như thực tiễn và đảm bảo nguồn chi từng năm, thực hiện triển khai hoạt động theo đúng quy định, quy trình của Học viện.

Hoạt động NCKH sinh viên được triển khai hiệu quả ở cấp độ Học viện và đạt được các giải thưởng cao trong các cuộc thi NCKH toàn quốc.

3. Tồn tại:

Kế hoạch NCKH hằng năm của Học viện đã được xây dựng nhưng chưa được toàn diện.

4. Kế hoạch hành động:

Học viện giao Phòng KH&HT phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ được cụ thể hóa toàn diện về mọi mặt: Đề tài NCKH các cấp; hội nghị, hội thảo, tọa đàm các cấp; kinh phí phát triển NCKH; dự báo nhu cầu KHCN của năm tiếp theo,... phù hợp với sứ mạng nghiên cứu, định hướng phát triển trung hạn và dài hạn của Học viện. Đặc biệt, có kế hoạch tìm kiếm, đấu thầu các đề tài, đề án từ bên ngoài Học viện để gia tăng nguồn thu từ hoạt động KHCN.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 7.2:** Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.*

1. Mô tả:

Việc quản lý đề tài/đề án khoa học của Học viện được chia theo hai nhóm nhiệm vụ: Các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở và các nhiệm vụ KHCN cấp trên cơ sở.

Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở: Hàng năm Học viện tiến hành thông báo tới các đơn vị thuộc Học viện để xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ NCKH. Sau khi Lãnh đạo khoa thông qua nội dung kế hoạch, các đơn vị gửi kế hoạch về phòng Khoa học và Hợp tác để tổng hợp trình ban Giám đốc và Hội đồng KH&ĐT Học viện xét duyệt [H7.7.2.1]. Sau khi Hội đồng KH&ĐT đã thông qua các đề tài/đề án khoa học, Giám đốc Học viện ban hành Quyết định giao nhiệm vụ NCKH cho cán bộ giảng viên và ký kết hợp đồng KHCN với các chủ nhiệm đề tài/đề án khoa học và ban hành Kế hoạch cùng Quyết định phê duyệt danh mục đề tài/đề án khoa học và kinh phí

hỗ trợ hoạt động NCKH cho các đơn vị và cá nhân chủ trì, thực hiện nhiệm vụ [H7.7.2.1].

Đối với các nhiệm vụ NCKH cấp trên cơ sở: Căn cứ vào thông báo của các đơn vị quản lý (Với Bộ KH&ĐT: Đăng ký các đề tài/đề án khoa học cấp Bộ; Với Bộ KH&CN, Bộ GD&ĐT, các sở KH&CN,...: Đăng ký tham gia đấu thầu đề tài/đề án khoa học các cấp). Các đề tài/đề án khoa học sau khi có QĐ được giao, các hợp đồng KH&CN sẽ được ký kết và triển khai thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật và Quy chế thu chi nội bộ và các điều khoản tại Quy định về quản lý hoạt động KH&CN của Học viện [H7.7.1.5].

Tổng số nhiệm vụ KH&CN các cấp được giao trong toàn giai đoạn là 46 đề tài/đề án khoa học (Trong đó có: 01 đề tài cấp nhà nước; 16 đề tài/đề án khoa học cấp bộ; 29 đề tài/đề án khoa học cấp cơ sở và không tính 469 đề tài do sinh viên thực hiện); số nhiệm vụ KH&CN các cấp đã được hoàn thành và nghiệm thu là 43 đề tài/đề án khoa học (01 đề tài cấp NN và 02 đề tài cấp Bộ đang thực hiện) [H7.7.1.3]. Tuy nhiên, số đề tài/đề án khoa học phải gia hạn thời gian thực hiện là 12 đề tài/đề án khoa học chiếm tỷ lệ 29% tổng số đề tài/đề án khoa học [H7.7.2.2].

2. Điểm mạnh:

Tất cả các đề tài/đề án khoa học đều được bố trí đầy đủ các nguồn lực và được Hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt, không có đề tài/đề án khoa học nào phải dừng và hoàn trả kinh phí.

3. Tồn tại:

Vẫn còn một số đề tài/đề án khoa học chưa được nghiệm thu đúng với tiến độ trong thuyết minh đề cương và phải gia hạn thời gian thực hiện.

4. Kế hoạch hành động:

Việc kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài/Đề án khoa học được thực hiện theo đúng thuyết minh đề cương đã được phê duyệt và các quy định hiện

hành của Học viện. Phòng KH&HT chủ động phối hợp với các đơn vị quản lý, đơn vị chủ trì phổ biến các nhiệm vụ NCKH và thường xuyên có thông báo yêu cầu báo cáo tiến độ đến các chủ nhiệm đề tài/đề án khoa học; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện tiến độ của các đề tài/đề án khoa học để chấm dứt tình trạng chậm tiến độ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 7.3:** Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.*

1. Mô tả:

Số lượng các bài báo được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước hàng năm đều tăng nhanh, từng bước đáp ứng được yêu cầu theo định hướng nghiên cứu của Học viện. Trong các bài báo được đăng tải trên các tạp chí quốc tế của các giảng viên tại Học viện đã có 02 bài được đăng tải trên tạp chí có chỉ số ISI và SCOPUS [H7.7.3.1], ngoài ra các giảng viên đã tích cực tham gia viết bài tham luận trên các hội thảo trong nước và quốc tế. Rất nhiều bài báo được đăng nằm trong lĩnh vực đào tạo chính của học viện, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan tới kinh tế vĩ mô. Ngoài ra, giảng viên của Học viện đã có nhiều bài viết được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành khác (toán học, triết học, thanh tra, pháp luật...). Trong những năm qua việc thực hiện tính giờ NCKH đối với giảng viên đã được Học viện thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, chặt chẽ thông qua báo cáo tính giờ NCKH hàng năm do phòng KH&HT thực hiện [H7.7.3.2]

Số lượng bài viết được đăng trên các tạp chí tăng đều qua các năm, các bài viết được đăng trên nhiều tạp chí khác nhau.

Số lượng bài viết được công bố trên một số tạp chí quốc tế và các kỷ yếu hội thảo quốc tế cũng tăng đều trong những năm gần đây. Số lượng đầu

sách, giáo trình và một số tài liệu khác đã tăng vượt bậc trong năm học 2016/2017.

Tỷ lệ bài báo/đề tài/đề án khoa học đã vượt hệ số 1 (105 bài viết trên các tạp chí quốc tế và tạp chí chuyên ngành/38 đề tài).

2. Điểm mạnh:

Có tỷ lệ bài báo trên tổng số đề tài/ đề án khoa học cao, có nhiều công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín trong những năm gần đây.

3. Tồn tại:

Vẫn còn một số đề tài/đề án khoa học sau khi nghiên cứu kết thúc chưa có bài báo khoa học được đăng tải nội dung nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2018, Học viện sẽ thực hiện việc quy định bắt buộc các đề tài/đề án khoa học phải có bài viết đăng tải nội dung nghiên cứu của đề tài/đề án khoa học trên các tạp chí chuyên ngành. Đồng thời Học viện sẽ thành lập Tập san/Tạp chí Chính sách và Phát triển để tạo điều kiện cho cán bộ và giảng viên công bố công trình nghiên cứu của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.4: *Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.*

1. Mô tả:

Hàng năm Học viện đều đã có những đề tài nghiên cứu được thực hiện thành công để góp phần giải quyết một số vấn đề của địa phương (Giải pháp phát triển ngành công nghiệp, du lịch ...) hoặc của trung ương (phát triển kinh tế vĩ mô, môi trường vùng...). Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở của Học viện được giao, đều có yêu cầu về khả năng ứng dụng, triển khai trong thực tế

tại Học viện. Trong đề cương nghiên cứu của đề tài khi được phê duyệt đều có nội dung về tính cấp thiết và mục tiêu nghiên cứu của đề tài cũng như hiệu quả ứng dụng của đề tài, đóng góp mới cho khoa học và thực tiễn, sự phát triển khoa học, kinh tế, xã hội, giáo dục... với tổng số 21/46 ĐT/ĐA đã được ứng dụng tại Học viện và các đơn vị đặt hàng nghiên cứu. [H7.7.4.1]. Thực tế các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở khi nghiệm thu đều được các thành viên Hội đồng đánh giá là đạt yêu cầu về các nội dung nêu trên.

Hàng năm Học viện đã tham gia đấu thầu thành công một số ĐT/ĐA của các địa phương như: TP Hà Nội, Tỉnh Thái nguyên, Tỉnh Quảng Bình, Tỉnh Hà Tĩnh, Tỉnh Quảng Nam,... Học viện đã đấu thầu thành công 01 đề tài NCKH cấp nhà nước và một số đề tài của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên môi trường,... Các nhiệm vụ KHCN này thường có mục tiêu nghiên cứu mang tính ứng dụng rất cao, cung cấp các cơ sở khoa học và thực tiễn cho các chính sách cấp trung ương và cấp tỉnh thành phố [H7.7.4.2]

2. Điểm mạnh:

Có nhiều đề tài được nghiên cứu cho nhiều lĩnh vực khác nhau để phục vụ xây dựng các cơ chế chính sách ở cấp trung ương và cấp địa phương.

3. Tồn tại:

Học viện chưa có nhiều đề tài/đề án khoa học được ứng dụng cụ thể trên phạm vi cả nước.

Chưa có được các nhóm nghiên cứu chuyên sâu cho các lĩnh vực khác nhau.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2018, Học viện tiến hành thực hiện việc xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh của một số lĩnh vực kinh tế chuyên ngành gắn với nhiệm vụ chuyên môn của Học viện để xây dựng và đấu thầu các đề tài về lĩnh vực này.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.5. *Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.*

1. Mô tả:

Kinh phí dành cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của Học viện được phân bổ cho các nội dung sau: (1) Hỗ trợ các khoa thực hiện các hội thảo cấp khoa, seminar cấp bộ môn dưới dạng khoán kinh phí hàng năm theo kế hoạch hoạt động đăng kí hàng năm; (2) Cấp trực tiếp cho cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở theo định mức tại Quy chế chi tiêu nội bộ và quy định trong hợp đồng KHCN; (3) Hỗ trợ cho các cá nhân tham gia đề tài cấp Bộ và tương đương, tham gia hội thảo khoa học quốc tế; (4) các khoản chi phí quản lý cho các Hội đồng thẩm định và nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN. Các khoản mục kinh phí này được quy định trong Quy định về hoạt động KHCN và có định mức nêu trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện [H2.2.2.5][H10.10.1.8]. Sau khi Nghị định 99/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 15/12/2014), Học viện đã chủ động mở rộng các nội dung chi theo Nghị định (đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; Xây dựng hệ thống thư viện, tạp chí, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin).

Nguồn kinh phí này được gia tăng trong những năm gần đây; Năm 2012, tổng nguồn chi cho hoạt động NCKH là 782.239.400 đồng tăng dần qua các năm đến năm 2015 tổng nguồn chi cho hoạt động NCKH là 2.151.035.000 đồng. Cụ thể, tỷ lệ đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ so với nguồn thu hợp pháp của Học viện bình quân là 4,6% (so với mức tối thiểu 5%); tỷ lệ chi cho SV và người học hoạt động NCKH so với nguồn thu học phí chưa đạt mức tối thiểu 3%.

2. Điểm mạnh:

Học viện đã thể hiện quan tâm đối với chi cho hoạt động KHCN từ trước khi có Nghị định 99/2014/NĐ-CP và chủ động áp dụng quy định của Nghị định này trong thực tiễn hoạt động chi tiêu nội bộ của Học viện, nguồn

thu và chi từ hoạt động NCKH của Học viện ngày càng tăng theo các năm và ngày càng đa dạng.

3. Tồn tại:

Tỷ lệ sử dụng chi cho hoạt động KHCN của Học viện so với yêu cầu của Nghị định 99/2014/NĐ-CP chưa đạt mức tối thiểu.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2018, Học viện giao phòng KH-TC xây dựng quy định trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ hỗ trợ NCKH theo quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 7.6.** Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.*

1. Mô tả:

Trong số các sản phẩm KHCN của Học viện, nhóm sản phẩm KHCN liên quan đến xây dựng CTĐT, xây dựng đề án mở ngành đào tạo mới, biên soạn giáo trình, bài giảng, ngân hàng câu hỏi thi,... đều được gắn với hoạt động đào tạo ví dụ như: Đề án: “Những biện pháp cơ bản về công tác quản lý sinh viên hệ chính quy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cải cách thủ tục hành chính tại Học viện CS&PT”; “Những nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng quản lý đào tạo đại học và sau đại học của Học viện CS&PT” [H7.7.6.1].

Học viện phối hợp với các nhà nghiên cứu nước ngoài để thực hiện các đề tài, dự án khoa học; cũng như tham gia Hội đồng KH&ĐT của Học viện [H7.7.6.2]. Ngoài ra, nhiều cán bộ, GV của Học viện cũng phối hợp cùng các

đơn vị, tổ chức khác tham gia nghiên cứu đề tài các cấp. Học viện thường xuyên cử GV tham gia hội thảo KH do các trường ĐH khác tổ chức, cũng như khuyến khích các GV chủ động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, hội thảo khoa học do cơ quan, đơn vị ngoài Học viện giúp nâng cao trình độ chuyên môn cho GV; gia tăng các công bố công trình khoa học của GV Học viện. [H5.5.3.1]

Trong giai đoạn 2012-2016, các kết quả hoạt động KH-CN, chủ yếu là giáo trình, đề tài NCKH cấp Bộ, cấp cơ sở, đã đảm bảo điều kiện cần cho các giảng viên Học viện, cụ thể đã có 8 tiến sĩ, 44 Thạc sĩ được đào tạo. Nhờ các đề tài, Dự án của Học viện đã có 1 Tiến sĩ được phong Phó Giáo sư năm 2015 [H7.7.6.3].

Ngoài ra, kết quả của các hoạt động hợp tác nói trên đã đóng góp vào việc tăng nguồn thu của Học viện.

2. Điểm mạnh:

Học viện có nhiều phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Học viện tham gia NCKH các cấp.

Nhờ các đề tài, Dự án của Học viện đã có 1 Tiến sĩ được phong Phó Giáo sư, 8 tiến sĩ, 44 Thạc sĩ được đào tạo.

3. Tồn tại:

Hoạt động hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ của Học viện với các doanh nghiệp và tổ chức xã hội còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2018, Học viện giao Phòng Khoa học và Hợp tác xây dựng kế hoạch khả thi nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội để mở rộng và phát triển hoạt động tư vấn doanh nghiệp qua các đề tài NCKH ứng dụng vào thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.7: Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả:

Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập trên cơ sở Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và đến năm 2010 Học viện mới tuyển sinh khóa 1, mặc dù mới được thành lập và đi vào tuyển sinh trong thời gian ngắn nhưng Học viện đã từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy định, Quy chế để nhằm phục vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn cho nhiệm vụ đào tạo và NCKH của Học viện. Song song với việc xây dựng và ban hành các quy định chung, ngày 05 tháng 11 năm 2015 Học viện đã ra Quyết định số 655/QĐ-HVCSPT ban hành Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện Chính sách và Phát triển. Trong Quy định đã nêu rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn riêng về năng lực và đạo đức cho chủ nhiệm ĐT/ĐA cũng như các thành viên tham gia thực hiện ĐT/ĐA [H7.7.7.1].

Trong Quyết định số 500/QĐ-HVCSPT ngày 10 tháng 8 năm 2017 về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển đã giành riêng 01 chương (chương IX) để nêu rõ các điều khoản quy định về quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình KH&CN tại Học viện [H2.2.2.5]. [H7.7.1.5]

Các Quy định này đã được phổ biến và cập nhật thường xuyên trên Website của Học viện, các quy định này về cơ bản đã phù hợp với các quy định của Bộ GDĐT cũng như Bộ KH&CN.

Việc phổ biến, tuyên truyền rộng rãi tới toàn thể cán bộ giảng viên và sinh viên trong Học viện đã được phòng KH-HT phối hợp với các phòng ban khác như phòng TC-HC, phòng Chính trị và công tác sinh viên, phòng Quản lý đào tạo thực hiện một cách nghiêm túc và thường xuyên. Vào đầu năm học phòng KH-HT cùng với phòng Chính trị và công tác sinh viên tiến hành tổ

chức giới thiệu và tuyên truyền tới các tân sinh viên một số các quy định của Học viện và các quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo liên quan tới sinh viên đặc biệt là các quy định về hoạt động NCKH của sinh viên thông qua tuần sinh hoạt công dân được Học viện tổ chức hàng năm khi khai giảng năm học mới [H5.5.3.1; H7.7.7.2].

Trong 5 năm qua tại Học viện không xảy ra bất kỳ trường hợp nào vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ cũng như các điều khoản đã nêu trong quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động KH&CN đã được ban hành.

2. Điểm mạnh:

Học viện đã ban hành khá sớm quy định về tiêu chuẩn năng lực đạo đức cho các chủ nhiệm và thành viên đề tài cũng như các điều khoản quy định về quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình NCKH tại Học viện Chính sách và Phát triển.

3. Tồn tại:

Học viện chưa chú trọng đến vấn đề đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền tác giả đối với các tài liệu học tập do GV của Học viện biên soạn.

4. Kế hoạch hành động:

Bắt đầu từ năm 2018 phòng KH&HT sẽ phối hợp với các phòng khác như phòng Quản lý đào tạo, phòng Tổ chức – Hành chính chủ trì thực hiện việc đăng ký các quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm KH&CN của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Hoạt động Nghiên cứu Khoa học của Học viện Chính sách và Phát triển đã cơ bản đáp ứng đầy đủ các tiêu chí có đầy đủ quy định về hoạt động

nghiên cứu; Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển; Có sự phối hợp giữa các Viện nghiên cứu, trường đại học để thực hiện công tác nghiên cứu, đầu thầu và chuyển giao công nghệ; Số lượng bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành và quốc tế tương ứng với số đề tài , dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch; Đảm bảo trích đủ nguồn thu và chi để phát triển hoạt động khoa học công nghệ của Học viện đáp ứng đủ yêu cầu khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/7

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 1/7 (tiêu chí 7.5)

VIII. Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

Mở đầu:

Hoạt động hợp tác quốc tế là một trong những nhiệm vụ đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển của Học viện Chính sách và Phát triển. Trong những năm qua, Học viện đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong việc NCKH và tiếp cận khai thác chương trình Quốc tế theo phương thức hiện đại, thông qua các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế với các nước có nền giáo dục hiện đại hơn, tiệm cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện cho giảng viên được bồi dưỡng năng lực giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Học viện; góp phần thực hiện kiểm định CTĐT, kiểm định cơ sở giáo dục. Học viện đã từng bước khẳng định vị thế của mình trong quan hệ HTQT với các trường đại học và các tổ chức trên thế giới.

***Tiêu chí 8.1.** Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện đúng quy định của Nhà nước.*

1. Mô tả:

Hoạt động HTQT thực hiện đúng phân cấp chức năng và quyền hạn, tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quan hệ với nước ngoài. Các chương trình liên kết quốc tế mà Học viện hiện đang triển khai đều được thực hiện theo Nghị định 73/2012/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. Nhằm mục đích chuyên môn hóa công tác HTQT về đào tạo cũng như tham mưu và giúp Giám đốc thực hiện công tác HTQT của Học viện, Phòng Khoa học và Hợp tác (KH&HT) đã được thành lập ngay sau thời điểm Học viện được thành lập [H2.2.1.1] [H8.8.1.1] cùng với việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động HTQT được ban hành năm 2012 [H8.8.1.2], trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Khoa học – Hợp tác và các đơn vị liên quan. Năm 2015, Học viện đã bổ sung và ban hành lại quy định về hoạt động HTQT của phù hợp với các quy định

mới của Nhà nước về hoạt động HTQT [H8.8.1.3]. Học viện đang thực hiện theo đúng cơ chế phân công, phân cấp về quản lý hoạt động HTQT. Công tác HTQT của Học viện được báo cáo đầy đủ, ngoài ra còn báo cáo trực tiếp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hàng năm theo định kỳ [H2.2.7.2]; [H 8.8.1.4].

Trong giai đoạn này, Học viện đã tiếp đón các đoàn đại biểu đến từ các trường đại học của các nước, thiết lập quan hệ hợp tác với số lượng đáng kể, như Trường Đại học Darmouth, Portland State (Mỹ), ... Qua đó, mở rộng các chương trình liên kết đào tạo, tổ chức các hội thảo trao đổi học thuật, giao lưu giáo dục, giới thiệu chương trình đào tạo đến sinh viên [H8.8.1.4] [H8.8.1.5].

Bên cạnh đó, Học viện còn chủ động cử một số đoàn cán bộ lãnh đạo, GV đi giao lưu, khảo sát ở những nước như: Philippines, Mỹ, Pháp, ... để tìm hiểu, thiết lập quan hệ với các trường bạn làm cơ sở cho quan hệ hợp tác về sau. Qua các chuyến đi, các đoàn có cơ hội học hỏi kinh nghiệm tổ chức đào tạo của trường bạn để rút ra được những kinh nghiệm quý báu, vận dụng trong quá trình hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện. Hàng năm, Học viện đều có báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng, trong đó có thống kê số lượng cán bộ, GV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn và dài hạn ở nước ngoài [H5.3.3.1], [H5.5.8.4] [H5.5.8.5].

Các chương trình hợp tác với đối tác quốc tế ngày càng gia tăng về chất lượng, số lượng đoàn ra, đoàn vào tăng về số lượng. Quy trình cử cán bộ đi học tập tại nước ngoài và Quy trình tổ chức hội thảo có yếu tố nước ngoài quy định về hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện được quy định chung trong Quy định về hoạt động HTQT của Học viện [H2.2.7.2].

Các văn bản, quy định liên quan đến hoạt động HTQT được phổ biến rộng rãi đến các đơn vị của Học viện thông qua: email, Website, văn bản hay thông báo trong cuộc họp giao ban [H8.8.1.6]. Tuy nhiên, do không gắn trực tiếp với yêu cầu chuyên môn nên vẫn còn một số cán bộ, giảng viên của Học viện chưa thực sự quan tâm đến các quy định hoạt động HTQT hoặc không đọc kỹ nội dung quy trình HTQT.

2. Điểm mạnh:

Công tác HTQT của Học viện luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước, BGDDT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và được cụ thể hóa thành các quy định riêng của Học viện về HTQT cũng như cập nhật và phổ biến đến các khoa, phòng ban của Học viện để các đơn vị chức năng cùng thực hiện.

3. Tồn tại:

Vẫn còn tình trạng một số cán bộ, giảng viên của Học viện chưa thực sự quan tâm và nắm vững về quy trình HTQT.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2018, Học viện giao Phòng KH-HT tổ chức các hoạt động phổ biến các quy định về HTQT tới cán bộ, giảng viên, học viên của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả:

Học Viện đã và đang thực hiện các chương trình liên kết sau:

(1) Chương trình Cử nhân liên kết với Trường Đại học Purdue (Hoa Kỳ) theo nhiều mô hình đào tạo bán phần (2+2) [H8.8.2.1];

(2) Chương trình Cử nhân liên kết với Trường Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh) theo nhiều mô hình đào tạo bán phần (3+1) [H8.8.2.2];

(3) Học Viện đang thảo luận với Đại học Rennes 1, Pháp để đưa CTĐT liên kết thạc sĩ Kinh tế vào triển khai thực hiện [H8.8.2.3].

Học viện đã ký kết được một số bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác về giáo dục đào tạo và trao đổi học thuật với các Học Viện và các tổ chức quốc

tế như: Đại học Rennes 1 (Pháp), Đại học Portland [H8.8.2.4], Georgia State [H8.8.2.5], Purdue (Mỹ), Tampere (Phần Lan) [H8.8.2.6], Enderun [H8.8.2.7] (Philippines). Các văn bản thỏa thuận này chủ yếu tập trung vào trao đổi kinh nghiệm trong quản lý đại học, đào tạo tín chỉ, liên kết đào tạo ĐH, sau ĐH, đào tạo ngoại ngữ, trao đổi GV và SV, trao đổi học thuật, hỗ trợ tổ chức hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng, tập huấn, báo cáo chuyên đề, xây dựng chương trình giảng dạy, hỗ trợ tình nguyện viên.

Qua trao đổi học thuật, GV từng bước tiếp cận với các chương trình chất lượng cao tiếng Anh bằng cách tham gia giảng dạy trong chương trình [H5.5.3.1]. Số lượng GV Học viện tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao thuộc Khoa Đào tạo Quốc tế tăng theo từng năm, tạo cho Học viện một đội ngũ GV tại chỗ, giảm dần số lượng các GV thỉnh giảng mời từ các trường ngoài. Năm 2017, đã có 8 giảng viên thuộc các khoa trong Học viện tham gia giảng dạy chương trình này. Ngoài các cán bộ, GV được cử đi tham quan, học tập, giao lưu ở nước ngoài, thông qua những chương trình hợp tác. Học viện cũng đã có nhiều SV đi học ngoại ngữ kỳ hè tại Philippines hay chuyển tiếp du học sang các nền giáo dục hiện đại hơn như Anh, Mỹ, [H8.8.2.8] [H8.8.2.9] [H8.8.2.10]. [H5.5.1.4]

Các chương trình HTQT trong đào tạo đã góp phần hiệu quả trong việc nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu của giảng viên qua việc trợ giảng hay trực tiếp giảng dạy cho các chương trình liên kết đào tạo bằng tiếng Anh, có giảng viên được tạo điều kiện nâng cao trình độ học vấn, được đào tạo và tự đào tạo để có thể đào tạo theo chuẩn quốc tế. Hiện nay, Học viện đã có thể chủ động nguồn nhân lực giảng dạy bằng tiếng Anh. [8.8.2.10]

Các hoạt động HTQT đã mang lại cho Học viện nguồn thu cũng như bổ sung các cơ sở vật chất, trang thiết bị Các hình thức như đội ngũ cán bộ được nâng cao năng lực qua các chứng chỉ đào tạo quốc tế [8.8.2.11]

2. Điểm mạnh:

HV đã chủ động trong việc tìm kiếm đối tác và xây dựng các chương trình liên kết đào tạo phù hợp với điều kiện, tiềm lực của HV. Một số chương trình đào tạo của HV đã được các trường đại học uy tín trên thế giới chấp nhận chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên HV tham gia học chuyển tiếp.

Hoạt động HTQT về đào tạo đã phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu của HV, hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo của HV thông qua việc góp phần chuẩn hóa CTĐT theo chuẩn quốc tế, xây dựng đội ngũ, nâng cao chất lượng GV, đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế của đất nước.

3. Tồn tại:

Nguồn thu từ hoạt động HTQT còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2018, Học viện tiếp tục xây dựng các chương trình liên kết đào tạo phù hợp với điều kiện, tiềm lực của Học viện nhằm tăng nguồn thu từ hoạt động HTQT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 8.3.** Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.*

1. Mô tả:

Giai đoạn 2012-2017, Học viện đã ưu tiên nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên thông qua việc mời chuyên gia nước

ngoài đến tổ chức lớp tập huấn, trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu về phương pháp giảng dạy hiện đại [H8.8.1.5]; [H8.8.3.1].

Các hoạt động HTQT về NCKH mang lại những hiệu quả rõ rệt, một số cán bộ, GV của Học viện đã được tham gia các dự án NCKH với sự hợp tác của đối tác và chuyên gia nước ngoài, cũng như có các công trình công bố chung với các giáo sư quốc tế [H8.8.3.2]. Năm 2017, Học viện có 3 đề tài thuộc quỹ Nafosted được triển khai trong đó có sự phối hợp nghiên cứu của các chuyên gia quốc tế [H8.8.3.3]. Tuy nhiên, số lượng công trình nghiên cứu được đăng tải trên tạp chí trong nước và quốc tế từ hợp tác nghiên cứu của cán bộ, giảng viên với đối tác nước ngoài còn hạn chế [H8.8.3.4].

Năm 2015, Học viện tổ chức thành công chuỗi Seminar về thương mại quốc tế với sự tài trợ của USAID và sự tham gia trao đổi của các học giả nổi tiếng và các chuyên gia hàng đầu như Nguyên đại sứ Mỹ tại Việt Nam Ted Osius hay giám đốc Ngân hàng thế giới tại Việt Nam Victoria Kwakwa [H8.8.3.5]. Cùng với chuỗi sự kiện do USAID tài trợ, Học viện đã tổ chức nhiều khóa tập huấn dành cho các lãnh đạo trên khắp các tỉnh thành trên cả nước được cấp giấy chứng nhận do Hoa Kỳ cấp [H8.8.3.6].

Bên cạnh đó, hằng năm Học viện phối hợp với Tổ chức trao đổi nguồn nhân lực quốc tế Hoa Kỳ (REI) để cử các đoàn chuyên gia Hoa Kỳ đến làm việc và trao đổi chuyên môn, nói chuyện chuyên đề, tổ chức tọa đàm. Tính đến nay có khoảng 56 lớp với sự tham gia của giảng viên, cán bộ và sinh viên Học viện [H8.8.3.3].

Ngoài ra, mỗi năm Học viện tổ chức trung bình 8 hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học quốc tế với sự tham gia của các đối tác nước ngoài và các học giả có uy tín đến từ các quốc gia có nền khoa học phát triển [H8.8.1.5] [H8.8.3.3].

2. Điểm mạnh:

Học viện đã tổ chức thành công nhiều hội thảo, tọa đàm khoa học có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài và mang lại hiệu quả thiết thực trong nghiên cứu và giảng dạy cho các giảng viên.

3. Tồn tại:

Số lượng công trình nghiên cứu được đăng tải trên tạp chí trong nước và quốc tế từ hợp tác nghiên cứu của cán bộ, giảng viên với đối tác nước ngoài còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2018, Học viện sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đối tác quốc tế đã có cũng như tìm kiếm thêm các đơn vị nước ngoài có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học để nâng cao số lượng công trình công bố chung của cán bộ, giảng viên Học viện với đối tác nước ngoài. Đồng thời, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu và công bố quốc tế cho cán bộ, giảng viên của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Hoạt động HTQT giai đoạn 2012-2017 đã và đang đóng góp nhất định vào công tác phát triển đào tạo và khoa học-công nghệ của Học viện Chính sách và Phát triển. Trong thời gian tới, Học viện sẽ tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác, tập trung nguồn lực để xây dựng và triển khai các chương trình, thực hiện mục tiêu thông qua các hoạt động HTQT để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Học viện trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của Nhà nước về HTQT.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3

IX. Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu:

Hiện nay, Học viện Chính sách và Phát triển đang tổ chức đào tạo sinh viên và học viên cao học tại trụ sở tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, địa chỉ: Ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội. Học viện đang triển khai dự án đầu tư xây dựng Học viện tại Lô CT11 khu đô thị Nam An Khánh phân mở rộng – Khu B, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội với quy mô đất thuộc dự án là 50.700m².

Thư viện của HV có phòng đọc riêng, có máy tính để cán bộ quản lý thư viện làm việc và phục vụ nhu cầu của sinh viên; số lượng giáo trình, tài liệu, sách, báo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập và giải trí của người đọc.

***Tiêu chí 9.1.** Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.*

1. Mô tả:

Thư viện của Học viện có đủ số lượng các đầu sách đáp ứng yêu cầu trong danh mục của mỗi CTĐT, đảm bảo mỗi học phần đều có tối thiểu 01 đầu sách giáo trình/tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập, cụ thể:

Tổng số đầu sách trong Thư viện hiện có là 2.230 với tổng số bản là 21000, trong đó: 2000 đầu sách tiếng Việt (19.922 bản) và 230 đầu sách tiếng Anh (1.078 bản). Giáo trình mua có 340 đầu sách (3.000 bản), giáo trình do Học viện tự xuất bản có 4 đầu sách (1.920 bản). Các đầu sách được bổ sung và cập nhật hàng năm. Ngoài ra, Thư viện còn có 38 đầu tạp chí khoa học chuyên ngành, 07 đầu báo phục vụ giải trí đều được mua hàng năm. Thư viện có khoảng 245 luận văn, 144 luận án phục vụ cho học tập, giảng dạy và NCKH [H9.9.1.1]; [H9.9.1.2]; [H9.9.1.3]. Hệ thống tài liệu trên được quản lý

dựa trên phần mềm tích hợp quản trị thư viện I-lib, tuy nhiên có tình trạng mất dữ liệu, khó khắc phục do phần mềm này đã được triển khai đã lâu (08 năm từ khi thành lập Học viện), đã hết bảo hành và hiện không được nhà cung cấp phát triển và cập nhật.

Tổng diện tích sử dụng của Thư viện hiện nay là 146 m² bao gồm khu vực bàn làm việc của cán bộ, kho sách, kho báo tạp chí, kho tài liệu nội sinh và khu vực đọc sách có sức chứa khoảng 60 chỗ ngồi. Thư viện có hai máy tính phục vụ cán bộ Thư viện làm việc và chưa có máy tính cho bạn đọc tra cứu tài liệu [H9.9.2.2] [H9.9.4.1].

Ngày thường, Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc tất cả các ngày trong tuần (trừ thứ 7, chủ nhật và ngày lễ tết): sáng từ 8h -11h15, chiều từ 13h30 – 17h. Vào mùa thi, căn cứ vào yêu cầu ôn tập của sinh viên và lịch thi của Trung tâm Thanh tra - Khảo thí, Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc ngoài giờ hành chính từ thứ 2 – thứ 6 (từ 17h -20h) và cả ngày thứ 7 (theo giờ hành chính). Vào đầu mỗi năm học mới, Phòng Quản lý Đào tạo đều cử cán bộ Thư viện hướng dẫn cho bạn đọc là tân sinh viên về cách sử dụng Thư viện Học viện [H9.9.1.4].

Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng đối với Thư viện của 2 nhóm bạn đọc: nhóm cán bộ, giảng viên và nhóm sinh viên, học viên. Dựa trên kết quả khảo sát, Thư viện điều chỉnh cách thức phục vụ, thái độ phục vụ và bổ sung tài liệu theo yêu cầu của CTĐT và ý kiến của CBGV và người học [H9.9.1.5].

Bên cạnh thư viện truyền thống, Học viện xây dựng thư viện số với nguồn tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài phong phú, đa dạng, được cập nhật thường xuyên (có khoảng 1,2 triệu đầu tài liệu) tại địa chỉ: <http://thuvienso.apd.edu.vn/> và có liên kết tới thư viện số của khoảng 40 trường đại học trong cả nước (thể hiện trong website thư viện số). Tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên đang làm việc, học tập và nghiên cứu tại Học viện đều được cấp tài khoản sử dụng thư viện số miễn phí [H9.9.1.6]. Số

liệu thống kê trên thư viện số được tổng hợp hàng năm để đánh giá mức độ sử dụng thư viện cũng như điều chỉnh kế hoạch bổ sung tài liệu, khai thác thư viện hiệu quả hơn [H9.9.1.7].

2. Điểm mạnh:

Thư viện số của Học viện được dùng chung 1,2 triệu đầu tài liệu gồm rất nhiều chuyên ngành khác nhau tại địa chỉ: <http://thuvienso.apd.edu.vn/>

3. Tồn tại:

Phần mềm tích hợp quản trị thư viện Ilib bị lỗi, có tình trạng mất dữ liệu, chưa đáp ứng tốt yêu cầu quản lý tại Thư viện;

4. Kế hoạch hành động:

Học viện giao Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Tổ chức – Hành chính xây dựng kế hoạch từ năm học 2018-2019 mua phần mềm thư viện mới đáp ứng yêu cầu quản lý tại Thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 9.2.** Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.*

1. Mô tả:

Số lượng phòng học của Học viện đáp ứng đủ theo yêu cầu thiết kế CTĐT. Học viện đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư bàn giao 3.100m² tại tòa nhà D25 để sử dụng [H9.9.2.1].

Tính đến 31/10/2017, Học viện có 5 phòng học 30 - 40 chỗ; 8 phòng 50 – 60 chỗ; 7 phòng 90 – 130 chỗ. 100% phòng học đều có máy chiếu, đầy đủ điều kiện cần thiết về thiết bị, ánh sáng đảm bảo đáp ứng tốt cho công tác giảng dạy và học tập. Ngoài ra, Học viện có thể sử dụng Hội trường 80 -100 chỗ của trụ sở D25 để tổ chức các hoạt động khi có nhu cầu [H9.9.2.2].

Ngoài diện tích đang sử dụng tại trụ sở D25, Học viện đã ký hợp đồng thuê sân bãi, hội trường để phục vụ môn học Giáo dục thể chất và Quốc phòng và các hoạt động thể dục, thể thao của sinh viên với diện tích khoảng 6.400m² [H9.9.2.3].

Tính bình quân số m² diện tích phòng học, giảng đường và sân bãi thực hành trên đầu sinh viên là 3,7m².

Học viện tổ chức học 02 ca trong ngày, sáng từ 7h00 đến 12h00, chiều từ 13h00 đến 18h00 [H9.9.2.4].

Học viện đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học [H2.2.5.9].

Học viện đang triển khai dự án đầu tư xây dựng Học viện tại Lô CT11 khu đô thị Nam An Khánh phần mở rộng – Khu B, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội với quy mô đất thuộc dự án là 50.700m² [H9.9.2.5], [H9.9.2.6].

2. Điểm mạnh:

Đảm bảo đủ phòng học theo yêu cầu đào tạo của các chương trình đào tạo.

3. Tồn tại:

Số diện tích để phát triển phòng học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2018: Học viện giao phòng Tổ chức – Hành chính hoàn tất các thủ tục để nhận thêm diện tích sử dụng tại tòa nhà D25, tăng diện tích phòng học.

Năm 2018 – 2020: Học viện giao bộ phận điều hành dự án triển khai xây dựng trụ sở mới tại Nam An Khánh, đến năm 2020 hoàn thiện khu nhà hiệu bộ và khu giảng đường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.3. *Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.*

1. Mô tả:

Học viện có đủ số lượng TTB giảng dạy đáp ứng đủ yêu cầu của thiết kế CTĐT. Các phòng học đều được trang bị ánh sáng, bàn, ghế, bảng, điều hòa, quạt máy, máy chiếu, máy tính, hệ thống âm thanh, Internet đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của từng chương trình đào tạo. Học viện có 19 máy chiếu kèm màn hình, 11 tivi 50 inch, 17 máy tính trang bị các phòng học, 12 bộ âm thanh Shure, 35 máy điều hoà âm trần Mitsubishi, 86 quạt đảo trần Chinghai, 490 bộ bàn ghế sinh viên, 40 bộ bàn ghế vi tính [H9.9.3.1], [H9.9.3.2].

Trang thiết bị dạy và học đang sử dụng được giảng viên và sinh viên đánh giá có chất lượng đạt yêu cầu [H2.2.5.9]; Học viện có đội ngũ cán bộ kỹ thuật hỗ trợ vận hành các trang thiết bị trong phòng học, đội ngũ này sẽ có trách nhiệm bảo dưỡng, bảo trì và kịp thời sửa chữa các TTB hỏng hóc, đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo [H9.9.3.3].

Học viện có phòng thực hành tin học, ngoại ngữ diện tích 120 m² với 40 máy tính được kết nối Internet, phòng được thiết kế theo tiêu chuẩn yêu cầu chất lượng dịch vụ TESTSITE của Công ty cổ phần IIG Việt Nam phù hợp với đào tạo tin học, ngoại ngữ theo chuẩn IC3. Phòng thực hành tin học, ngoại ngữ có nội quy sử dụng và sổ theo dõi tình trạng trang bị máy móc, có sổ theo dõi tần suất sử dụng và liên hệ sửa chữa, khắc phục sự cố khi cần thiết.

Các TTB phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được khai thác tối đa vì sinh viên học kín các giảng đường 2 buổi/ngày [H9.9.2.4].

2. Điểm mạnh:

Tất cả các phòng học được trang bị máy điều hoà nhiệt độ, quạt điện treo trần, máy chiếu, tivi màn hình lớn phục vụ cho việc giảng dạy.

3. Tồn tại:

Hệ thống mạng Internet một số thời điểm không ổn định.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017 - 2018: Học viện giao phòng Kế hoạch – Tài chính bố trí ngân sách để nâng cấp hệ thống Internet đảm bảo chất lượng nhằm phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 9.4.** Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.*

1. Mô tả:

Thiết bị tin học tính đến ngày 31/10/ 2017 gồm có 125 máy tính để bàn, 11 máy tính xách tay; trong đó máy tính xách tay và 68 máy tính để bàn được dùng trong công tác quản lý và 57 máy tính để bàn được dùng phục vụ công tác đào tạo. Các thiết bị tin học khác bao gồm có 4 máy photocopy, 4 máy scan, 31 máy in, 20 máy chiếu, 19 màn chiếu, và 11 màn hình thay máy chiếu ở các phòng học nhỏ. Các thiết bị này được khai thác sử dụng vào mục đích đáp ứng nhu cầu quản lý, đào tạo ở trường. Nhà trường được trang bị hệ thống internet cáp quang với 3 đường truyền tốc 45mb/s và tất cả các khu vực trong học viện đều được trang bị wifi dành cho cán bộ giảng viên. Hiện tại chỉ có thư viện và giảng đường chất lượng cao được trang bị wifi free dành cho sinh viên của các lớp chất lượng cao sử dụng [H9.9.4.1].

Tất cả các phần mềm được sử dụng đều có bản quyền: phần mềm kế toán misa, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm thư viện [H9.9.4.2].

Cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện đều được cung cấp email công vụ và được truy cập Internet miễn phí

Sinh viên theo học trong trường đều được cung cấp tài khoản đăng ký tín chỉ.

Học viện đã tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của người học, giảng viên, cán bộ về trang thiết bị tin học, kết quả khảo sát như sau:

Sinh viên cho thấy có 85% hài lòng.

Cán bộ, giảng viên có 80% hài lòng. [H9.9.4.3].

2. Điểm mạnh:

Tất cả các phòng học đều được trang bị hệ thống máy tính, máy chiếu phục vụ cho công tác giảng dạy sinh viên.

3. Tồn tại:

Hệ thống máy tính phục vụ sinh viên trong việc tìm kiếm, trao đổi tài liệu từ các nguồn dữ liệu chưa đáp ứng được nhu cầu của sinh viên. Hệ thống mạng máy tính vẫn chưa ổn định do số lượng truy cập lớn nên đôi khi còn bị nghẽn mạng. Hiện tại vẫn chưa cung cấp đầy đủ hệ thống wifi miễn phí cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2018, cung cấp hệ thống máy tính để phục vụ sinh viên trong việc tìm kiếm và trao đổi tài liệu. Khắc phục tình trạng hệ thống mạng internet đôi khi bị nghẽn. Cung cấp đầy đủ hệ thống wifi miễn phí cho sinh viên

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 9.5.** Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.*

1. Mô tả:

Tính đến 31/10/2017, Học viện đang sử dụng 2.351,8m² sàn xây dựng tại tòa nhà D25 (Tổng diện tích 6.210 m²) thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư để triển khai các hoạt động của Học viện [H9.9.5.1], [H9.9.2.1].

Diện tích sử dụng dùng cho phòng học là 1.471,8m². Ngoài ra, Học viện có thể sử dụng 3 phòng học loại 30 – 40 chỗ và 1 hội trường loại 80 – 100 chỗ thuộc tòa nhà D25 để làm phòng học khi có nhu cầu. Tổng diện tích phòng học Học viện có thể bố trí cho các lớp là 1.950m². Với số sinh viên là 2.276 người thì trung bình 0,975m²/chỗ ngồi [H9.9.2.2].

Hiện tại Học viện chưa có KTX riêng cho sinh viên. Để giải quyết nhu cầu về chỗ ở cho sinh viên nhà xa Học viện, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên đã phối hợp với Đoàn Thanh niên bố trí nhân sự để hỗ trợ các em sinh viên tìm nhà trọ ở các KTX như làng SV Hacinco, KTX khu vực Mỹ Đình.

Sinh viên Học viện sử dụng 2 căng-tin chung của tòa nhà D25 để giải quyết nhu cầu ăn uống trong ngày, cả 2 căng-tin đều đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh của Bộ Y tế [H9.9.2.1].

Hàng năm, Học viện ký hợp đồng thuê sân bãi với một số đơn vị quản lý các sân bóng đá, sân tennis, nhà thi đấu cầu lông để đáp ứng yêu cầu học môn Giáo dục thể chất và Quốc phòng và phục vụ nhu cầu hoạt động văn hóa, nghệ thuật của sinh viên. Tổng diện tích thuê sân bãi khoảng 6.400 m² [H9.9.2.3].

Trang thiết bị phục vụ hoạt động văn nghệ, thể thao của sinh viên được cung cấp đầy đủ: bóng đá, cầu lông, vợt cầu lông, dây nhảy, đích đá, đích đám, cọc tiêu ... [H9.9.5.2].

2. Điểm mạnh:

Học viện có đủ diện tích phòng học theo quy định phục vụ việc dạy và học; căng-tin sạch sẽ đáp ứng nhu cầu ăn uống hàng ngày của sinh viên.

3. Tồn tại:

Học viện chưa có Ký túc xá cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2018 – 2020: Hoàn thành một số hạng mục tại dự án ĐTXD Học viện tại Nam An Khánh, chuyển sinh viên sang học tại cơ sở mới, đặc biệt đáp ứng nhu cầu về KTX của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 9.6.** Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.*

1. Mô tả:

Hiện nay, Học viện có Giám đốc và 01 Phó Giám đốc đều được bố trí phòng làm việc riêng với diện tích khoảng 40 m²/ng, trong phòng được trang bị đầy đủ thiết bị máy móc đảm bảo để Ban Giám đốc làm việc như hệ thống ánh sáng, điện thoại, máy tính, máy in ...

Mỗi khoa đều được bố trí phòng làm việc riêng và đây cũng là nơi làm việc của các Lãnh đạo khoa và trợ lý khoa làm việc và đồng thời là nơi sinh hoạt chuyên môn cho giảng viên trong khoa [H9.9.6.1]. Tất cả các phòng ban chức năng, Trung tâm đều có phòng làm việc riêng trong đó có 04 Lãnh đạo phòng có phòng làm việc riêng (phòng Quản lý đào tạo, phòng Tổ chức – Hành chính, Trung tâm Thanh tra khảo thí, Phòng Kế hoạch - Tài chính). Các Lãnh đạo phòng còn lại ngồi chung với cán bộ nhân viên trong phòng nhưng được bố trí khu vực thuận lợi trong phòng để quản lý công việc. Học viện có bố trí 01 phòng làm việc riêng cho Phó Giáo sư và chuyên gia [H9.9.6.2].

Hàng năm, Học viện tổ chức thống kê diện tích làm việc trung bình của giảng viên và nhân viên cơ hữu theo từng đơn vị [H9.9.6.3].

Tất cả các cán bộ chuyên viên khối phòng ban, trung tâm đều được bố trí bàn làm việc riêng có đủ máy tính và trang thiết bị khác để phục vụ cho công tác chuyên môn của phòng/Trung tâm [H9.9.6.4].

Học viện chưa bố trí được phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho học viên cao học, tuy nhiên khi học viên cao học có nhu cầu và đăng ký trước lịch với BQL chương trình sau đại học sẽ được Học viện bố trí kịp thời.

2. Điểm mạnh:

Học viện có đủ phòng làm việc cho Ban Giám đốc, các cán bộ, giảng viên cơ hữu theo quy định. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu làm việc.

3. Tồn tại:

Còn 03 Lãnh đạo phòng và các Lãnh đạo khoa chưa có phòng làm việc riêng.

4. Kế hoạch hành động:

Học viện đang triển khai dự án đầu tư xây dựng Học viện tại Nam An Khánh với diện tích là 5,07 ha. Trong quy hoạch đã có đủ phòng làm việc riêng cho Lãnh đạo các khoa, phòng ban, trung tâm. Dự kiến dự án hoàn thành toàn bộ vào năm 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 9.7.** Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.*

1. Mô tả:

Do đang trong quá trình xây dựng trụ sở mới ở Nam An Khánh (5,07ha) nên Học viện đang sử dụng 2.351,8m² sàn xây dựng tại tòa nhà D25 (Tổng diện tích 6.210 m²) thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư để triển khai các hoạt động của Học viện [H9.9.2.1]. Ngoài diện tích đã có tại trụ sở D25, Học viện còn thuê 6.400 m² sân bãi, hội trường cho sinh viên sử dụng phục vụ nhu cầu hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao [H9.9.2.3]. Diện tích mặt bằng tổng thể Học viện đang sử dụng hiện nay khoảng 8.752 m².

Học viện phối hợp với Ban quản lý KTX của thành phố Hà Nội đáp ứng đầy đủ nhu cầu về chỗ ở cho sinh viên.

Tất cả cán bộ, giảng viên của Học viện hiện đều có chỗ ở ổn định. Học viện chưa có nhà công vụ cho cán bộ, giảng viên.

Học viện sử dụng khu công trình kỹ thuật dùng chung của cả tòa nhà D25.

2. Điểm mạnh:

Diện tích đất được giao cho Học viện tại khu đô thị Nam An Khánh là 5,07 ha, đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-1985.

3. Tồn tại:

Trụ sở hiện tại của Học viện chưa đảm bảo đủ 4 ha.

4. Kế hoạch hành động:

Công trình xây dựng Học viện tại khu đô thị Nam An Khánh đã được khởi công xây dựng từ cuối năm 2017. Theo tiến độ triển khai xây dựng công trình, tháng 6 năm 2019 sẽ hoàn thiện khu giảng đường và nhà hiệu bộ, một bộ phận cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện và chuyển sang cơ sở mới.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 9.8.** Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.*

1. Mô tả:

Hiện nay, Học viện đang triển khai xây dựng trụ sở mới tại khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội. Dự án ĐTXD đã được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 136/QĐ-BKHĐT ngày 05/02/2016 và Quyết định số 377/QĐ-BKHĐT ngày 29/3/2016. [H9.9.8.1]; Quy hoạch điều chỉnh chi tiết tổng thể 1/500 khu đất xây dựng Học viện đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 7260/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 [H9.9.8.2]; Phương án kiến trúc công trình Học viện đã được Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội thông qua tại Văn bản số 3275/QHKT-PAKT-P5-P7 ngày 20/6/2016 [H9.9.8.3]; Thiết kế bản vẽ thi

công và tổng mức đầu tư xây dựng công trình Học viện đã được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 1276/QĐ-BKHĐT ngày 18/9/2017 [H9.9.8.4].

2. Điểm mạnh:

Quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phù hợp và đáp ứng các yêu cầu trong kế hoạch chiến lược của Học viện.

3. Tồn tại:

Tiến độ khởi công xây dựng trụ sở mới bị chậm so với kế hoạch đã đề ra là năm 2016.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2018 – 2019: Hoàn thành công tác xây lắp toàn bộ công trình Học viện tại Nam An Khánh.

Năm 2020: Nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 9.9.** Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.*

1. Mô tả:

Hiện nay, Học viện đang sử dụng 08 tầng thuộc tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do phòng Quản trị 2 (QT2) – Văn phòng Bộ có trách nhiệm quản lý chung tòa nhà. Do đó, bộ phận bảo vệ tòa nhà nằm dưới sự quản lý của phòng QT2. Đội ngũ làm công tác bảo vệ có đủ về số lượng và được bồi dưỡng về nghiệp vụ để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học [H9.9.9.1].

Các quy định, nội quy về an ninh, an toàn được treo hoặc dán ở khuôn viên của tòa nhà và trên các tầng.

Hệ thống PCCC của Học viện do phòng Quản trị 2 thuộc Văn phòng Bộ quản lý, là hệ thống PCCC chung của cả tòa nhà D25. Phương án PCCC của tòa nhà D25 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt [H9.9.9.2]; thiết bị

PCCC được trang bị đầy đủ ở các tầng và được bảo dưỡng định kỳ [H9.9.9.2]. Hàng năm, Học viện đều cử cán bộ đi tập huấn nghiệp vụ công tác PCCC do cơ quan Bộ tổ chức [H9.9.9.3].

Học viện đã ban hành văn bản quy định về an toàn trong phòng thực hành [H9.9.9.4]. Tại Báo cáo tổng kết nhiệm vụ công tác năm học và phương hướng nhiệm vụ công tác năm học tiếp theo, Học viện đều có Kế hoạch và báo cáo tổng kết về hoạt động tuyên truyền về công tác đảm bảo trật tự, an toàn hàng năm [H1.1.2.5].

Phòng QT2 và Công an phường Dịch Vọng Hậu đã có văn bản về việc phối hợp làm việc nhằm đảm bảo an ninh, trật tự cho môi trường làm việc tại tòa nhà D25 [H9.9.9.6].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ quản lý tòa nhà D25 thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng và tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ, luôn ứng phó kịp thời với các tình huống xảy ra, đảm bảo an toàn cho người và tài sản. Hệ thống PCCC được trang bị đầy đủ và được bảo dưỡng hàng năm.

3. Tồn tại:

Đội ngũ bảo vệ không chịu sự quản lý trực tiếp của Học viện nên khi xử lý các sự việc xảy ra trong nội bộ Học viện còn lúng túng.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2018, sau khi tiếp nhận quản lý tòa nhà D25, Học viện sẽ chủ động sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của bộ phận bảo vệ tòa nhà.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Học viện đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ nhu cầu đào tạo, giảng dạy, học tập và NCKH. Mặc dù quy mô diện tích nhỏ hẹp nhưng Học viện đã có sự bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất đang có. Tuy nhiên, so với tiêu chuẩn TCVN 3981:1985,

diện tích phòng học, ký túc xá và nhà tập (khu vui chơi thể thao) của nhà trường vẫn chưa đáp ứng quy định. Học viện đang tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án ĐTXD Học viện ở Nam An Khánh để có thể triển khai các hoạt động của Học viện ở cơ sở mới vào năm học 2019 - 2020 với cơ sở vật chất khang trang, hiện đại và đồng bộ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 8/9

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 1/9 (tiêu chí 9.7)

X. Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

Mở đầu:

Học viện Chính sách và Phát triển là một đơn vị sự nghiệp công lập đồng thời là đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc trực tiếp Bộ Kế hoạch Đầu tư và chịu sự quản lý chuyên môn của Bộ Giáo dục Đào tạo.

Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo luật ngân sách bao gồm các khâu lập, chấp hành và quyết toán ngân sách. Công tác quản trị tài chính nội bộ được thực hiện tốt và đảm bảo phát huy hiệu quả cho các hoạt động của Học viện. Đời sống cán bộ giảng viên ngày càng được cải thiện. Các chế độ chính sách của sinh viên được đảm bảo và đóng góp vào nguồn thu ngân sách nhà nước thông qua nộp các nghĩa vụ thuế.

***Tiêu chí 10.1.** Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.*

1. Mô tả:

Theo Kế hoạch Chiến lược ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/2016 [H1.1.1.2] đã đưa ra kế hoạch phát triển các nguồn thu:

Đa dạng hóa nguồn thu từ các loại hình, trình độ đào tạo đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội.

Phát triển các loại hình dịch vụ khoa học, tư vấn để tăng cường nguồn thu từ các hoạt động NCKH và các dịch vụ hỗ trợ cho đào tạo.

Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế để mời gọi sự hợp tác, giúp đỡ, viện trợ của các tổ chức, các trường đại học nước ngoài.

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách cấp để xây dựng, sửa chữa, cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất.

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự

chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Học viện Chính sách và Phát triển được phân loại là đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần chi phí theo Quyết định số 316/QĐ-HVCSPT ngày 19/3/2013 [H10.10.1.1] và Quyết định số 1407/QĐ-BKĐT ngày 30/9/2015 [H10.10.1.2]. Theo Quy chế thu chi nội bộ ban hành theo các Quyết định số 230/QĐ-HVCSPT ngày 31/8/2012 [H10.10.1.3]; Quyết định số 257/QĐ-HVCSPT ngày 21/9/2012 [H10.10.1.4]; Quyết định số 253/QĐ-HVCSPT ngày 19/8/2013 [H10.10.1.5]; Quyết định số 392/QĐ-HVCSPT ngày 8/11/2013 [H10.10.1.6] và Quyết định số 519/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015 [H10.10.1.7] quy định rõ: mọi nguồn thu đều do Học viện Chính sách và Phát triển thu và phòng Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm tổ chức thu và thống nhất tập trung quản lý theo quy định quản lý tài chính của Nhà nước và quy chế quản lý nguồn thu của Học viện.

Học viện luôn chú trọng đến việc xây dựng kế hoạch nhằm hướng đến mục tiêu phát triển hoạt động tài chính. Điều này được thể hiện qua việc xây dựng các kế hoạch chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2011-2015 tầm nhìn 2020 [H 1.1.1.1] và Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H1.1.1.2]. Trong giai đoạn 2012-2016, kế hoạch của HV là sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, tăng nguồn thu từ công tác đào tạo chính quy, NCKH và từ các hoạt động dịch vụ khoảng 10% mỗi năm. Theo đó, mỗi năm Học viện đều xây dựng kế hoạch đào tạo và dự toán chi ngân sách nhằm đảm bảo tính chủ động trong việc cân đối tài chính, đáp ứng các hoạt động của Học viện.

Các nguồn tài chính của Học viện đều hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích, phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Học viện. Các nguồn Tài chính của Học viện bao gồm:

Nguồn Ngân sách Nhà nước cấp hàng năm thông qua Quyết định giao dự toán [H10.10.1.8].

Nguồn thu sự nghiệp khác, bao gồm: Khoản thu học phí của người học thuộc loại hình đào tạo chính quy. Mức học phí áp dụng hàng năm không vượt quá quy định của Nhà nước [H10.10.1.9]. Lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển Đại học, Cao học theo pháp lệnh phí và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước [H10.10.1.10]. Thu từ các Hợp đồng nghiên cứu khoa học, tư vấn với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của nhà nước [H10.10.1.11].

Hàng năm Học viện xây dựng kế hoạch tài chính dựa trên các hoạt động của năm trước, ước thu của năm nay trên cơ sở các Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh [H4.4.1.1] , Quyết định về giao chỉ tiêu biên chế [H5.5.1.1] và các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch Đầu tư và của Học viện.

Theo Biên bản thẩm định Quyết toán hàng năm của Bộ Kế hoạch Đầu tư [H10.10.1.12] và Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2014 [H10.10.1.13] đều khẳng định các nguồn thu của Học viện hợp pháp và đúng quy định.

Cuối năm tài chính, Học viện tổng kết công tác tài chính trong đó có rà soát các nguồn thu và đưa ra chiến lược tạo nguồn thu cho năm tiếp theo [H10.10.1.14]

Học viện đang dần đi vào ổn định và ngày càng phát triển. Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo hệ đại học cơ bản, Học viện đã được các Bộ đồng ý cho mở thêm chương trình Đào tạo chất lượng cao từ năm 2014 và Đào tạo cao học trên cơ sở Quyết định cấp mã ngành Đào tạo Cao học của Bộ Giáo dục Đào tạo từ 2015. Từ đó, nguồn thu của Học viện đang ngày càng đa dạng hơn và gia tăng đáng kể.

Bảng: Cơ cấu các nguồn thu giai đoạn 2012 – 2016

Các nguồn thu	2012	2013	2014	2015	2016	Tổng cộng
1. NSNN						
- Tỷ đồng	12,87	16,83	15,32	15,42	13,61	74,05
- Cơ cấu (%)	75,1	70,5	52,3	50,3	35,4	
2. KHCN						
- Tỷ đồng	1,48	1,23	2,99	1,26	1,49	8,45
- Cơ cấu (%)	8,7	5,2	10,2	4,1	3,9	
3. Học phí, lệ phí các loại						
- Tỷ đồng	2,78	4,72	8,55	13,14	20,23	49,42
- Cơ cấu (%)	16,2	19,8	29,2	42,9	52,6	
4. Hoạt động dịch vụ						
- Tỷ đồng		1,07	2,41	0,84	3,11	7,43
- Cơ cấu (%)		4,5	8,3	2,7	8,1	
Tổng thu (tỷ đ)	17,13	23,85	29,27	30,66	38,44	139,35

(Nguồn số liệu: Báo cáo quyết toán năm 2012,2013,2014,..2015,2016 của Học viện)

Trên cơ sở các báo cáo Quyết toán ngân sách hàng năm cho thấy: Nguồn thu từ Ngân sách Nhà nước ổn định, nguồn thu từ phí, lệ phí tăng dần và tăng vọt ở 2015-2016 và cao hơn Ngân sách Nhà nước. Nguồn thu Khoa học công nghệ do Ngân sách Nhà nước chiếm tỷ trọng khá thấp. Các nguồn thu dịch vụ khác đóng góp không đáng kể.

Vậy toàn bộ hoạt động của Học viện vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn thu từ phí, lệ phí và Ngân sách Nhà nước. Tổng toàn bộ các nguồn thu hợp pháp (phí, lệ phí) chiếm 45-50%. Điều này khẳng định Học viện có khả năng

tự chủ một phần về tài chính để duy trì cho hoạt động của đơn vị mình. Tuy nhiên, nguồn thu từ khoa học công nghệ còn thấp.

2. Điểm mạnh:

Năng lực tự chủ tài chính của Học viện khá cao (45-50% từ nguồn thu hợp pháp).

3. Tồn tại:

Nguồn thu từ các hoạt động tư vấn và nghiên cứu khoa học công nghệ còn khá thấp.

4. Kế hoạch hành động:

Phòng Kế hoạch Tài chính phối hợp với phòng Khoa học Hợp tác xây dựng chiến lược tạo nguồn thu cho hoạt động Khoa học công nghệ thông qua đề xuất xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh thuộc các thể mạnh của Học viện để hàng năm khảo sát nhu cầu của các doanh nghiệp, đơn vị và các tổ chức xã hội để tìm kiếm các đơn đặt hàng về khoa học công nghệ và dịch vụ khoa học công nghệ... tham gia đấu thầu các đề tài, đề án của Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Khoa học Công nghệ từ quý I năm 2018.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 10.2.** Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo quy định.*

1. Mô tả:

Hàng năm vào giữa tháng 6, Phòng Kế hoạch Tài chính căn cứ vào các hướng dẫn của Học viện Chính sách và Phát triển [H10.10.2.1], Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Luật Ngân sách gửi các hướng dẫn các biểu mẫu cho các đơn vị trong Học viện để lập nhu cầu của đơn vị mình và gửi về phòng Kế hoạch - Tài chính vào đầu tháng 7 [H10.10.2.2]. Căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm trong từng năm của Học viện và trên nhu cầu về kinh phí hoạt động của các

đơn vị, Phòng Kế hoạch Tài chính lập dự toán ngân sách năm trình Giám đốc ký duyệt và gửi Bộ Kế hoạch Đầu tư tổng hợp gửi Bộ Tài chính [H10.10.2.3].

Trong công tác quản lý tài chính tại đơn vị, Học viện đã sử dụng phần mềm kế toán Misa từ năm 2012. Phần mềm kế toán Misa giúp cho công việc quản lý tài chính của Học viện thuận lợi, đảm bảo tính chính xác và đúng luật. Bên cạnh đó Học viện triển khai thu học phí qua ngân hàng link với phần mềm quản lý đào tạo (Có Hợp đồng ký kết 3 bên giữa CMC-Học viện – Ngân hàng Vietinbank CN Láng Hòa lạc) [H10.10.2.4]. Việc thu học phí qua ngân hàng giúp công tác quản lý thu chặt chẽ minh bạch. Học viện là một đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên bởi vậy Học viện luôn tuân thủ mọi văn bản hướng dẫn về tài chính của Nhà nước. Mọi hoạt động mua sắm tài sản tại Học viện đều tuân thủ đúng theo hướng dẫn của Luật Đấu thầu. Năm 2014, Học viện có thực hiện Đấu thầu để mua Phần mềm Quản lý đào tạo [H10.10.2.5].

Hàng năm, Học viện thực hiện công khai Tài chính hàng năm theo hướng dẫn của Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 22/03/2005 về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Tại mục I khoản 2 tiểu mục 2.2 của thông tư này các đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách nhà nước phải thực hiện hình thức công khai *“Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị (thời gian niêm yết ít nhất là 90 ngày, kể từ ngày niêm yết); đồng thời công bố trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị”*. Học viện đã thực hiện đúng theo hướng dẫn là công khai trên bảng tin của trụ sở trong thời gian 90 ngày và công khai tại Hội nghị Công nhân viên chức hàng năm [H10.10.2.6], [H10.10.2.7]. Dựa trên bảng công khai Tài chính này toàn thể cán bộ giảng viên có thể kiểm tra và giám sát hoạt động tài chính của Học viện. Trên thực tế cho thấy việc lập kế hoạch phân bổ tài chính và quản lý tài chính là hợp lý và có hiệu quả.

Báo cáo Thanh tra Nhân dân, Biên bản tại Hội nghị công nhân viên chức đều không có phần nài gì về công tác quản lý tài chính của Học viện [H10.10.2.8], [H10.10.2.9].

2. Điểm mạnh:

Công tác Quản lý Tài chính của Học viện được chuẩn hóa bằng phần mềm và minh bạch công khai theo đúng quy định của Học viện, quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quy định của Luật Ngân sách.

3. Tồn tại:

Công tác lập dự toán của các đơn vị tại Học viện chưa được chuẩn hóa từ đó gây rất nhiều khó khăn trong việc tổng hợp dự toán của Học viện. Phòng Kế hoạch Tài chính chưa hướng dẫn các đơn vị lập dự toán mà mới chỉ hướng dẫn các đơn vị lập nhu cầu của đơn vị mình.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2018, Phòng Kế hoạch Tài chính sẽ hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị lập dự toán trên cơ sở đề xuất của đơn vị mình và gửi về phòng Kế hoạch - Tài chính vào tháng 7 hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

***Tiêu chí 10.3.** Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.*

1. Mô tả:

Hàng năm căn cứ vào Quyết định giao dự toán và số ước thu [H10.10.1.8] Học viện cân đối và điều chỉnh lại dự toán nhưng vẫn đảm bảo các mục dự toán lập từ trước để đảm bảo tất cả các hoạt động của Học viện đều được phân bổ kinh phí để triển khai và Quyết định này được gửi tới cho tất cả các đơn vị trong Học viện biết và thực hiện [H10.10.3.1]. Việc phân bổ tài chính này hoàn toàn đúng luật Ngân sách, đúng quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đúng quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo và quy định của Học

viện. Kết luận tại các biên bản thẩm định quyết toán hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và biên bản Kiểm toán Nhà nước 2014 đều khẳng định việc phân bổ và sử dụng tài chính của Học viện về cơ bản là đúng quy định. [H10.10.1.12]; [H10.10.1.13].

Sự phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của Học viện được thể hiện qua các biên bản xét duyệt quyết toán hàng năm mà cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt cho Học viện và được thể hiện qua bảng tổng hợp số liệu sau:

Bảng: Cơ cấu chi giai đoạn 2012 – 2016

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	2012	2013	2014	2015	2016
1.	Sách	196	295	339	303	193
2.	Chi cho NCKH	437,6	682,8	835,3	1847,6	1118,7
2.1.	<i>Hội nghị</i>	--	80,4	217,8	239,7	206,8
2.2.	<i>Hội thảo</i>	433,7	334	303,5	271,6	102,4
2.3.	<i>Toạ đàm</i>	3,9			38,8	112,7
2.4.	<i>Đề tài</i>				551,8	52,6
2.5.	<i>Đề án</i>		268,4	313,9	745,4	644,1
3.	Học bổng SV	285,1	569,7	962,9	1130,7	1645,9
3.1.	<i>Học bổng</i>	285,1	569,7	962,9	972,8	1512,8
3.2.	<i>Hỗ trợ CPHT</i>				124,2	106,9
3.3.	<i>Trợ cấp XH</i>				33,6	26,2

4.	Thanh toán cho cá nhân	6013,8	7522,5	10080,7	11739,7	16802,5
5.	Thanh toán dịch vụ và hỗ trợ công tác đào tạo	7894,8	12813,7	15620,1	12491,2	14469,1
	Tổng chi	16598,6	21883,9	27838,2	27512,7	34229,4

(Báo cáo quyết toán ngân sách 2012-2013-2014-2015-2016)

Trên cơ sở các biên bản xét duyệt quyết toán cho thấy, Học viện hoàn thành nhiệm vụ được giao trên cơ sở đảm bảo phân bổ tài chính cho tất cả các hoạt động của Học viện và ưu tiên cho hoạt động đào tạo và công tác phục vụ hoạt động đào tạo (chỉ cho con người) theo thứ tự ưu tiên đầu tư hàng năm của Học viện. Bên cạnh đó, công tác đoàn thể như hoạt động Công Đoàn, hoạt động của Đoàn Thanh niên luôn được Học viện quan tâm. Tuy nhiên hoạt động Khoa học công nghệ chưa trích đủ 5% từ nguồn thu hợp pháp cho hoạt động KHCN của cán bộ CNV và trích đủ 3% từ nguồn thu học phí chính quy cho hoạt động KHCN của sinh viên (2015-2016).

Học viện đã trích đủ học bổng khuyến khích học tập 2014-2015-2016 [H10.10.3.2].

Toàn bộ quyết toán tài chính hàng năm đều được công khai tại cổng thông tin điện tử của Học viện, công khai tại bảng tin và công khai tại Hội nghị công nhân viên chức hàng năm đều khẳng định hoạt động quản lý tài chính của Học viện công khai và minh bạch.

2. Điểm mạnh:

Học viện đã quan tâm để phân bổ kinh phí cho tất cả các hoạt động của Học viện.

Hoạt động quản lý tài chính minh bạch.

3. Tồn tại:

Năm 2015-2016, Học viện chưa trích đủ tỷ lệ cho hoạt động Khoa học công nghệ theo yêu cầu của Nghị định 99/2014 .

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2018 sẽ trích đủ và chi đủ cho hoạt động khoa học công nghệ theo đúng Nghị định 99.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Công tác tài chính và quản lý tài chính là một vấn đề hết sức quan trọng, vấn đề sống còn của các trường đại học nói chung và Học viện Chính sách và Phát triển nói riêng trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Học viện qua từng giai đoạn phát triển.

Từ kết quả đánh giá cho thấy nguồn thu của Học viện tương đối đa dạng là một trong những nhân tố đảm bảo năng lực tự chủ tài chính của Học viện. Bên cạnh đó, công tác phân bổ tài chính được thực hiện đúng quy định và đảm bảo cho mọi hoạt động của Học viện đều được quan tâm đúng mực.

Công tác quản lý tài chính được giám sát bằng phần mềm kế toán Misa đã giúp công tác này hiệu quả và minh bạch hơn. Các kết luận của kiểm toán 2014 và biên bản xét duyệt ngân sách hàng năm đều khẳng định hoạt động quản lý tài chính của Học viện đều công khai và minh bạch.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Học viện Chính sách và Phát triển là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học đa ngành nhằm đào tạo và cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Trong quá trình xây dựng và phát triển, cùng với sự chỉ đạo, quan tâm hỗ trợ tích cực của các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của địa phương, Học viện đã từng bước khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách bằng sức lực và trí tuệ của tập thể CBQL, GV, VC và SV của Học viện, không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo.

Học viện đã có kế hoạch hướng đến đạt chuẩn mực chất lượng giáo dục quốc gia và khu vực. Học viện đang triển khai kiện toàn cơ cấu tổ chức theo qui định tại Điều lệ trường đại học; từng bước phát triển đội ngũ giảng viên đạt chuẩn, năng động sáng tạo trong đổi mới phương pháp giảng dạy; chuẩn hóa các văn bản quản lý, điều hành các hoạt động của Học viện; xây dựng chương trình đào tạo và triển khai các hoạt động đào tạo theo học chế tín chỉ; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng học, phòng làm việc, mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế; quản lý tài chính theo quy định của nhà nước, dần từng bước hướng tới cơ chế tự chủ.

Từ thực tiễn nêu trên, Học viện tiến hành xây dựng báo cáo tự đánh giá nhằm phác họa một bức tranh tổng quát về chất lượng cơ sở giáo dục. Thông qua hoạt động tự đánh giá, Học viện nhận định những điểm mạnh, điểm tồn tại liên quan đến từng lĩnh vực quản lý, đồng thời xây dựng kế hoạch cải tiến. Báo cáo tự đánh giá giai đoạn 2012 – 2017 của Học viện được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở báo cáo tự đánh giá đã được Học viện phê duyệt năm 2014. Trong 61 tiêu chí tự đánh giá của giai đoạn 2012-2017, Học viện đã tự đánh giá: 58 tiêu chí đạt yêu cầu, tỉ lệ 95% và có 03 tiêu chí chưa đạt yêu cầu, tỉ lệ 5%. Báo cáo tự đánh giá giai đoạn 2012-2017 của Học viện đã phản ánh

một cách trung thực về mọi mặt hoạt động của Học viện.

Thông qua Báo cáo Tự đánh giá, Học viện sẽ tiến hành Đánh giá ngoài và Đánh giá chương trình đào tạo nhằm đưa Học viện trở thành một trong những Trường Đại học hàng đầu trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

Với tinh thần cầu thị, Học viện sẽ tiếp thu các ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước, cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên để hoàn thiện báo cáo này.

Hà Nội, ngày tháng năm 201

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Đào Văn Hùng